

HỒ-HỮU-TƯỜNG

TIÊU PHI LẠC
NÁO SÀI GÒN

Tập Thứ Hai

MỘT THƯỞ NGÀN NĂM II
truyện trào phúng

NAM CƯỜNG XUẤT BẢN
MCMLXVII

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

ĐÃ XUẤT BẢN

xã hội nhập môn (1945)
kinh tế học và kinh tế chánh trị nhập môn (1945)
tương lai kinh tế việt nam (1945)
phong kiến là gì ? (1946) — vấn đề dân tộc (1946)
muốn hiểu chánh trị (1946)
tương lai văn hóa việt nam (1949)
phi lạc sang tàu (1949)
lịch sử văn chương việt nam, quyển I (1950)
thu hương — chỉ tập (1949)
nỗi lòng thẳng hiệp (1949)
phép nói và viết hỏi, ngã (1950)
em học tiếng mẹ (1950)
nghề làm báo (1951) — em tập đọc (1951)
tam quốc chí, dịch quyển I (1951)
quả trứng thần (1952)
phi lạc não hoa kỳ (1964)
kế thế (1964) — thuốc trường sanh (1964)
trăm tư của một tên tội tử hình (1965)
nợ tình thần (1965)
nói tại phú xuân (1965)
kể chuyện (1965) — luận lâm (1965)
hồn bướm mơ hoa I, II, III, (1966)
hồn bướm mơ hoa IV (1967)
tiểu phi lạc não sài gòn I
thằng thuộc con nhà nông
diêm hồng xuất giá

ĐÃ ĐĂNG BÁO

lá một mùa thu
phi lạc bốn nga
hoa dinh cầm trận
đảng huỳnh long
vũ xuân lan gái thời loạn — tình

SẴP XUẤT BẢN,

khói lửa mịt mù
nghĩa sĩ đảng
một phương hải tần
sắc hương trước gió
hoài xuân — hạ huệ
khói tỏa trời nam

MỘT THƯỞ NGÀN NĂM

phần thứ nhất
tiểu phi lạc nào sài gòn

phần thứ hai
điểm hồng xuất giá

TIỀU PHI LẠC NÁO SAIGON

HỒI THỨ BẢY

*Bàn địa lý, một lão già ngẩn Xích-Tử
Luận văn chương, mấy ả trẻ đốt lửa thiêng.*

Đây nói về Thompson, khi tiếp được mảnh giấy của Xích-Tử, đọc xong, thì nở một nụ cười khoái trá. Bởi vì trong giấy, Tiểu Phi-Lạc đã viết :

« Về khoa học Nga tiến nhiều, lẽ nào những điều ta nói ở đây họ lại không có máy móc tối tân dễ thâu thanh được? Ấu là ta chỉ bàn phiếm với nhau. Ấy là kể « dĩ hư tàng thực ». Tôi nào có lòng xài xể ai đâu? Những cái tôi nói nãy giờ, thì trong ngôn ngữ của các hiệu cao lâu, thực đơn ghi là « bốn món ăn chơi ». Xin vào đề ngay. Vì nếu câu chuyện dài lê thê, sợ e ăn hết cái Tết mà chưa dứt. Và, sợ dĩ « bốn món ăn chơi » của tôi có mùi vị của cái mà ông gọi là « xài xể », bởi vì có va chạm mạnh, tia lửa mới xẹt ra ; có tia lửa mới nhúm đốt

nhiên liệu cháy ; nhiên liệu đốt cháy mới phát ra ánh sáng ; có ánh sáng mới rọi thấu những huyền ảo của vấn đề mà ông thắc mắc ».

Thompson trao mảnh giấy cho họ Hồ và hỏi :

— Thực đơn của bữa tiệc đầu năm này như vậy đó. Chẳng hay ông bạn tôi có ý kiến chi chẳng ?

Đọc xong, Hồ-Hữu-Tường thấy số phận mình phải làm cái hình nộm để cho tên phù thủy mới này giương cung mà bắn vào. Mang cái nghiệp này, đành ôm bụng chịu. Song hện lòng sẽ cũng rán tỉnh thoảng hiện hồn ma lên mà nhát tên phù thủy chơi. Bèn hỏi Thompson :

— Chẳng hay ông thắc mắc về vấn đề chi ?

Thompson chẳng đáp, trao cho Hồ hai tài liệu về địa lý mà ta đã biết. Họ Hồ chưa kịp có ý kiến chi, thì Xích-Tử đã khởi sự :

— Hôm qua, chúng tôi bàn đến vấn đề trị giá cái kế hoạch ếm mồ mả mà hai tài liệu này nói tới. Giá tiền mà tài liệu này đề nghị là một trăm triệu đô la, tôi thấy ít lắm. Trước khi vào đề, tôi phải đặt lại câu chuyện giá cả.

Thompson hỏi :

— Chẳng hay ông Xích-Tử muốn đặt lại như thế nào ?

— Theo ý tôi, thì về vấn đề chiến tranh ở Việt-Nam, có hai cách xử sự. Cách thứ nhất là *cấp*. Cách thứ hai là *hoãn*.

— Cấp là làm sao ?

— Là tìm thể kết thúc cuộc chiến tranh thật mau lẹ, trong một thời hạn ngắn ngủi kỉ lục. Tức là phải áp dụng lý thuyết của cố đại tướng Mac-Arthur, khêu khích cho Tàu mắc vào vòng chiến lược nguyên tử mà phá hủy tất cả cơ sở nguyên tử, kỹ nghệ, kinh tế, làm cho Tàu kiệt quệ, mà phải hàng đầu vô điều kiện. Và nếu Nga lờ quờ bước vào vòng chiến, thì « mần » luôn Nga, tận diệt khối Cộng sản để dứt hậu hoạn... Ông Thompson, ông hãy dùng máy tính điện tử mà tính coi trong một cuộc thế giới chiến tranh thứ ba như vậy, Mỹ phải hao bao nhiêu dân số, kỹ nghệ và kinh tế Mỹ phải bị phá hủy bao nhiêu, và chi phí của chiến tranh là bao nhiêu tỉ đô la.

Thompson đáp :

— Tính mà làm chi cho mất công ? Các báo chí Hoa-Kỳ thấy đều có bài nghiên cứu về sự đại hy sanh ấy ! Hình như các báo thấy đồng ý rằng sẽ có tới 75 triệu người chết, 50 phần trăm kỹ nghệ bị

tàn phá và tổn hao mấy ngàn tỉ đô la... Theo ý riêng của tôi, có lẽ chánh phủ Hoa-Kỳ phải dẫn đầu làm trước khi dùng biện pháp chót ấy. Còn hoãn là làm sao ?

— Hoãn là cú cưa, cú cưa cả nhầy, lẳng nhẳng, hai mươi năm đánh nhau nữa, mà theo truyện Tàu, thì bất phân thắng bại. Còn theo danh từ của các nhà lèn võ đài, là đánh cuội. Kể cưa chót là mỗi năm hao tổn của Hoa-Kỳ là năm trăm triệu đô la. Lấy số 20 năm làm căn bản để tính, thì sơ sơ, cũng tổn mười tỉ đô la. Muốn khỏi tổn mười tỉ đô la, mà không chịu hy sinh một số nhỏ là một trăm triệu đô la, thì trong việc áp phe, ai lại tiếc kỹ như vậy ?

Họ Hồ vừa đọc xong tài liệu, đặt trên bàn, rồi ngồi nhỏ râu ngấm trần nhà mà cười tùm tùm, Thompson thấy vậy hỏi :

— Ông bạn tôi, do đâu mà cười tùm tùm vậy ?

Họ Hồ chậm rãi đáp :

— Lão thầy địa lý, tác giả bức thư, rồi cả nhóm thầy địa lý tháo ra cái thông cáo, đến cậu Xích-Tử đây thấy đều dốt.

Xích-Tử bị một đòn chưởng, nhảy nhồm hỏi :

— Bác nói cháu dốt, mà dốt về chỗ nào ?

—
khi ng
nghiên
tức là
du, h
ram n
nhiệt
trong
từ 0 đ
thể áp
địa hạ
ra ngo
không

Th
nhận.

—
sử học
tương
đến b
ngoài
làm cu
tranh
thần k

Th

— Dốt cái tinh thần khoa học. Trong khoa học, khi nghiên cứu một công lệ nào, thì bắt buộc, nhà nghiên cứu phải định cái « domaine de validité » tức là cái địa hạt nào mà công lệ ấy có giá trị, Ví dụ, học sanh các lớp nhỏ học rằng mỗi một gờ-ram mà thọ lãnh một nhiệt lực một ca-lô-ri, thì nhiệt độ lên một. Công lệ ấy chỉ tương đối đúng trong cái địa hạt của nước lỏng nghĩa là nhiệt độ từ 0 đến 100. Ngoài địa hạt ấy, công lệ ấy không thể áp dụng nữa. Một công lệ chỉ đúng trong một địa hạt, mà mình làm cuộc ngoại suy để áp dụng ra ngoài cái « domaine de validité », ấy là mình dốt, không có tinh thần khoa học...

Thompson giở tai nghe, gật đầu có vẻ công nhận. Họ Hồ bồi thêm :

— Này ông Thompson, như trong địa hạt của sử học, cái công lệ « giai cấp tranh đấu » có giá trị tương đối từ khoảng ít trăm năm trước Jésus cho đến bây giờ. Từ bây giờ về sau, loài người sẽ thoát ngoài vòm của luật tranh đấu rồi, mà kẻ nào toan làm cuộc ngoại suy để áp dụng thuyết « giai cấp tranh đấu » cho tương lai, thì kẻ ấy là kẻ dốt tinh thần khoa học.

Thompson hỏi :

— Còn trong địa hạt địa lý này ?

— Khoa địa lý, nếu có hiệu lực, thì chỉ có hiệu lực trong lãnh vực mà cá nhân có ảnh hưởng đầy đủ đến xã hội. Chẳng hạn như trong xã hội phong kiến, trong xã hội tư bản, mà con người có đầy đủ ảnh hưởng. Nhưng ở trong một xã hội Cộng sản, con người chẳng có vai trò tự chủ, mà chủ động là guồng máy của đảng, thì khoa địa lý không còn áp dụng đầy đủ được. Ví như Hoa-Kỳ nghe theo đề nghị mà ếm mả cụ phó bảng Huy, rồi Hồ-Chí-Minh chết theo đó, thì cuộc diện ở Bắc-Việt sẽ không thay đổi chút nào. Nghĩa là dự tri của thầy địa lý hỏng bét.

— Hồ-Chí-Minh chết, mà tại sao cuộc diện ở Bắc-Việt lại không thay đổi ?

— Bởi vì, riêng cá nhân tôi đã biết từ năm 1964, đảng Cộng sản đã chọn được cho Hồ Chí Minh thêm hai người sosie (1). Gần hai mươi năm nay, có lẽ họ còn chọn được thêm được nữa. Họ làm vậy để bịp dân chúng, để bịp thế giới, không khác nào hồi trước vua Quang Trung cho một người

(1) Sosie : người có bề ngoài giống hệt, không ai phân biệt nổi,

sosie của mình là Phạm Công Trị, mặc áo đội mũ vua, sang Tàu mà bịp vua Càn Long... Ví như Hoa Kỳ nghe theo đề nghị mà ếm mả cụ phó bảng Huy, cho Hồ Chí Minh thiệt chết đi, thì các ông sosie hãy còn sống. Đảng Cộng sản sẽ âm thầm chôn lên Hồ Chí Minh, không cho tin ấy lan ra ngoài. Đảng của họ, nếu còn cần thống nhất hai phe thân Nga và thân Tàu, thì đảng họ sẽ đem một ông sosie nào đó lên ngai. Rồi muôn việc cứ theo cái đà của nó. Nhược bằng hai phe theo Nga và theo Tàu muốn thanh toán nhau, thì dầu có mười ông Hồ Chí Minh cũng không làm trái độn được...

Hồ Hữu Tường nhìn Xích Tử, thấy mặt nó biến ra xanh, bèn bồi thêm một chưởng. Rằng :

— Chẳng những ếm mả cụ phó bảng Huy không có lợi mà còn thêm hại cho miền Nam tự do này nữa !

Thompson hỏi :

— Chẳng hay thêm hại ở chỗ nào ?

Hồ Hữu Tường hất hàm về phía Xích Tử nói :

— Cháu muốn khai mào một cuộc đấu tranh về tư tưởng, chính trị, văn chương với bác, đầu cháu thử trả lời cho câu hỏi của vị sử gia Thompson xem !

Xích Tử thấy mấy ngàn quyển sách mà mình đọc ở nhà hay ở hang đá thấy đều không giúp mình một tí ý kiến gì được, nên, mặc dầu trong phòng có máy lạnh, hẳn ta xuất hạn. Thompson thấy vậy, phần tội nghiệp cho Xích Tử, phần muốn nghe giải thích cho rành, nên nói đỡ :

— Ông Xích Tử tuổi chưa đến hai mươi, kinh sách chưa đọc khắp. Ông bạn tôi chớ bắt bí làm chi kẻ đáng làm con cháu mình mà thôi. Ông hãy lên giọng thầy mà truyền nghề lại cho hậu sanh, kẻ ra cũng lỗi lạc lắm.

Xích Tử lấy trớn hạ giọng nói :

— Ngày xưa Khổng Minh thâu nạp được Khương Duy, mà sở học của họ Gia Cát không đến nỗi mai một. Khoa nói dóc của bác mà được truyền cho cháu, cháu sẽ khai thác thêm mà rạng rỡ danh bác đến muôn đời !

Hồ Hữu Tường suy nghĩ giây lâu đáp :

— Hoạt động chánh trị thì kẹt, làm văn chương sáng giá không ai đọc, lập đạo thì ngại nỗi mình số đào hoa, rủi có dan díu với ai, báo chí công kích thì còn gì là ông đạo ? Chỉ còn có nước nói dóc chơi cho sừng miệng. Chớ xách cần câu mà lưới ngay chừ để leo lại cầu chữ Y

mà câu thời câu vận như Khương Thượng, thì các ông cảnh sát bảo mình điên, sẵn nhà thương Chợ Quán gần đó, các ông bắt nhốt vào thì cực thân lắm !

— Vậy thì bác nói dóc một hơi cho cháu nghe để học.

Thompson cũng cười, lại tử lạnh lấy Wishky ra đãi và nói :

— Người ta ăn Tết bằng thức này món kia, chưa ắt là thú hơn là chúng ta đãi nhau bằng nói dóc. Nào rượu đã nhấp rồi. Ta đã chuẩn bị, ông Hồ khởi sự đi !

Hồ Hữu Tường nhấp mấy giọt rượu để thấm lưỡi rồi nói :

— Vào đầu thế kỷ ta, ở tỉnh Phan Thiết, có một nhà ái quốc mà ai cũng biết tiếng, tên là Hồ Tá Bang. Ông là một bực thâm nho, nhưng vì thời thế không chịu ra làm quan với Nam triều, và chỉ giao du với các bực chí sĩ trong nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Sinh Huy... Nhà có vốn, nên làm ăn, khuyến khích công nghệ, thương mãi để lấy lời. Có tiền lời lại làm việc có ích cho dân chúng trong vùng là mở

một cái trường tư lấy tên là trường «DỤC THANH». Nơi trường này, có một thầy giáo trẻ tuổi, con của bạn là Nguyễn Sinh Huy đã qua đời. Tên thầy giáo là Nguyễn Tất Thành. Bà Hồ Tá Bang cũng một tay vừa giúp cho chồng mà mở một xưởng dệt theo lối cổ truyền, mua tơ của nông dân ươm ở quanh vùng về cho nhơn công dệt lụa. Trong xưởng dệt, lại có một cô thợ, mồ côi cha mẹ, có chút nhan sắc, phải lòng thầy giáo Thành. Hai bên dan díu nhau, rồi cô thợ cắn bầu.

Thompson chận ngang hỏi :

— Người ta nói suốt đời Nguyễn Tất Thành không vợ, không con mà ?

Họ Hồ cười dài đáp :

— Tôi nào nói Tất Thành có vợ, có con ! Nhưng ông ấy cũng người phàm như chúng ta, hai mươi tuổi mà không liệt dương, làm sao mà dẫn lòng được đối với nụ cười duyên của cô thợ dệt mỹ miều ? Đến như Phan văn Hùm kia, để cái dương vật trên ngạch cửa, lấy dao phay chặt phụng một cái, bỏ ngửa bất tỉnh nhơn sự... rồi cũng sanh được bốn cậu con trai, thì làm gì mà Tất Thành lại không làm cho cô thợ dệt có bầu ?

Thompson hỏi :

— Rồi sao nữa ?

— Rồi Tất Thành có dịp, vào quận Hàm Tân mà thăm một người bạn khác của cha mình. Ấy là ông giáo Nguyễn Hữu Hoàn. Tất Thành bị người « chú » ấy mắng cho một mách. Rằng : « Mầy là con dòng cháu giống, cha vì dân tộc mà bị lưu đày vào Nam, mà mầy điềm nhiên nhìn non sông bị ngoại bang dày xéo, thấy dân tộc bị áp bức rên siết dưới ách đô hộ. Làm trai, sao chẳng vẫy vùng mà cứu giống cứu nòi ? » Tất Thành hỏi : « Chú khuyên cháu làm gì ? » Giáo Hoàn đáp : « Xuất ngoại. Trước học cái hay của tất cả. Kế gom góp lực lượng của mình, chuẩn bị đầy đủ chờ cơ hội thuận tiện thì cử đồ đại sự. » Tất Thành nói : « Cháu lỡ để lại một hòn máu, bỏ rơi không đành. » Giáo Hoàn lại mắng một hơi nữa, rằng : « Đời Đông Hán, có kẻ không có chí lớn, gặp cơ hội làm việc đại sự được, người ta rủ làm, thì hấn mượn cớ là con đau ghẻ mà từ chối. Mầy muốn làm như bọn mà Tào Tháo phê bình là những bộ xương khô chưa chôn sao ? Con đẻ ra, thì mẹ nó nuôi. Rủi nuôi không nổi, mà có chết đi, thì chỉ là một đụn vị trong đám vô số người bị ngoại bang giết chết ». Bị mắng như vậy, Tất Thành thôi dạy học ở trường Dục Thanh của ông Hồ Tá Bang, xin một chân bồi tầu mà sang Âu Châu... Mấy tháng sau, cô thợ dệt

sinh được một đứa con trai, làng thấy không có cha, nên khai theo họ mẹ là Trần Tất Tụu.

Thompson hỏi :

— Đó là chuyện năm mươi mấy năm về trước, có ăn thua chi với câu hỏi của tôi lúc này?

— Ăn thua nhiều lắm chớ. Năm mà đứa con trai của ông Hồ Tá Bang, là Hồ Tá Khanh học xong về y khoa ở Pháp về, thì «hòn máu bỏ rơi» của Tất Thành đã lớn. Con nhà nghèo, không cha, tất nhiên Tụu thiếu học. Bác sĩ Hồ Tá Khanh muốn có người trung tín, bèn chọn trong vùng Phan Thiết mình một thanh niên, cho tiền học lái xe, để giúp việc cho mình. Do đó mà Tụu trở nên một người sộp phơ, như muôn ngàn sộp phơ khác, mà theo phò Hồ Tá Khanh mãi cho tới năm 1948. Tụu có vợ, một người công nhân làm ở hãng thuốc MIC. Vợ chồng ăn ở với nhau, sanh đẻ mấy lần, mà nuôi không được. Đi xem thầy, xem bói, họ bảo rằng vì bị xấu háy quá, nên con nuôi không sống. Vậy thì chuyển này, hễ sanh con ra, thì lựa tên thật xấu mà đặt cho, họa may mới nuôi sống được. Cuối năm 1948, hai vợ chồng sanh ra một gái. Và nghe theo lời các thầy các bà, đặt tên cho đứa nhỏ là Trần Thị Thệp.

Thompson hỏi :

— Bây giờ ông Tựu ở đâu ?

— Thong thả để tôi nói. Năm 1948, tôi ở Hà Nội về, gặp ông Tựu. Lúc ấy tôi tìm tài liệu để nghiên cứu về đời thơ ấu của Hồ Chí Minh, nên tôi biết rành về những chi tiết mà tôi đã vừa kể ở trước. Tôi mới chứng minh cho ông Tựu rõ rằng ông là « hòn máu đỏ roi » của Nguyễn Tất Thành. Mà Nguyễn Tất Thành ngày xưa, nay đổi tên họ lại, dịch thị là Hồ Chí Minh. Ông Tựu nghe nói, nghĩ rằng cha mình đường đường như vậy, còn mình chỉ là một sếp phờ quèn, thì tủi hổ. Bèn bỏ vợ, bỏ con, theo bộ đội của Hoàng Thọ đề « lập chút công danh ». Không dè, vừa xáp trận đầu, thì ông Tựu bị quân đội Pháp giết ngay.

— Còn số phận của đứa cháu nội của Nguyễn Tất Thành ra sao ?

— Năm 1952, tôi đi Pháp ít lâu, khi về thăm quê nhà, có gặp mẹ góa con cô ấy. Đến năm 1955, trước khi mắc kẹt bên Bình Xuyên, tôi lại gặp một lần nữa. Lần này bà mẹ nói : « Con Thệp nay đã tới tuổi đi học, mà mang cái tên xấu háy ấy vào trường, chi cho khỏi bị bạn tác chế nhạo ? Nó sẽ xấu hổ mà bỏ học. Vậy bây giờ phải làm sao ? » Tôi bèn bày cho bà xuống Tòa Hòa giải

khai rằng khi sanh ra nó, thì mắt kẹt ở vùng bị Việt Minh chiếm đóng. Cha nó sau lại bị đạn lạc mà chết. Nó không có ghi trong bộ đời. Nên xin lập một tờ « thể vi khai sanh » cho nó, cải họ nó sửa tên nó lại cho tốt, để cho nó khỏi thẹn với tên Thệp xấu xí kia.

— Ông bạn có biết con nhỏ cải tên họ lại ra làm sao chẳng ?

— Biết chứ ! Lúc ấy, tôi muốn chơi xỏ nhẹ nhẹ Hồ Chí Minh chơi. Hồ Chí Minh theo chủ nghĩa duy vật, tôi bảo đặt cho con nhỏ tên Tâm. Hồ Chí Minh đề cao chủ nghĩa độc tài, tổ khổ các tầng lớp nhân dân, thì tôi bảo lấy chữ lót cho con nhỏ là Hồng. Hồng đây không phải là màu đỏ của Cộng sản. Hồng đây có nghĩa là rộng rãi và bao dung. Hồng Tâm ấy là cái lòng rộng rãi và bao dung, từ bi và tha thứ như là lòng của Quan Âm Bồ Tát. Tôi không nói rõ rằng họ Hồ của đứa nhỏ là họ Hồ của Hồ Chí Minh, mà tôi gạt bà mẹ rằng nên lấy họ của tôi, cũng là họ Hồ. Để ngày sau, nếu tôi có giàu lớn được, thì con Thệp đến nhìn bà con với tôi, tôi sẽ giúp đỡ cho nó. Ấy vậy mà đứa cháu nội rơi rớt của Hồ Chí Minh có một tờ thể vi khai sanh với tên là Hồ Hồng Tâm... Nãy giờ tôi nói

vòng quanh ta bà thế giới để vào đề mà cắt nghĩa rằng ếm mả ông phó bảng Huy không có lợi, mà thêm có hại.

Thompson nói :

— Bèn Hoa Kỳ không có khoa địa lý. Nên tôi không hiểu lý ấy. Vậy ông bạn làm ơn cho trót mà cắt nghĩa cho đầy đủ.

— Như tôi đã nói ở trước, có ếm mả ông phó bảng Huy, thì cũng không thay đổi chút gì về cuộc thế ở Bắc Việt, mặc dầu có thể làm cho Hồ Chí Minh thiệt chết ngấm. Nhưng mà, sự ếm mả ấy lại không phải chỉ ảnh hưởng riêng cho Hồ Chí Minh lại ảnh hưởng đến cả con cháu của nhà độc tài đó đến mấy đời. Ví dụ, nó sẽ ảnh hưởng tai hại đến tương lai của con Trần Thị Thệp, bây giờ đổi tên họ lại là Hồ Hồng Tâm.

— Tai hại là tai hại cho Hồ Hồng Tâm mà thôi cơ sao ta phải âu lo ?

— Hiện nay, Hồ Hồng Tâm ở mảnh đất bèn này, nghĩa là bèn thế giới tự do. Nếu cái mộ của ông phó bảng Huy phát, thì ngày sau, Hồng Tâm sẽ có một tương lai rục rở lắm. Mà tương lai rục rở bèn thế giới tự do chỉ có thể quan niệm được là một sự nghiệp khổng lồ trên căn bản của những

giá trị tinh thần của Thế giới Tự do... Để tôi phác qua một ví dụ cho ông bạn hiểu. Người ta thường so sánh sự lan tràn của chủ nghĩa Cộng sản trong thế kỷ XX này với sự lan tràn của đạo quân Mông Cổ vào thế kỷ XIII. Xưa Mông Cổ đánh đâu thắng đó, chinh phục từ Á sang Âu. Mà sang qua nước Việt, lại bị quân nhà Trần dưới sự lãnh đạo của Trần Quốc Tuấn, đánh lui ba lượt và phải cầu hòa. Còn bây giờ đây, chủ nghĩa Cộng sản tràn lan. Cần có một Trần Quốc Tuấn mới, mới đánh lui được chủ nghĩa Cộng sản, đem một vinh quang chưa hề có trên quả địa cầu lại cho dân Việt. Về một mặt, không phải là ai cũng có thể làm vị Trần Quốc Tuấn mới này. Về một mặt khác, cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa Cộng sản là một cuộc chiến tranh lý tưởng. Nó đòi hỏi một bộ óc thông minh/xuất chúng mà thôi, chứ chẳng phải đòi một sức mạnh cự muôn người hay một võ nghệ siêu quần... Nếu may mà, nhờ ngôi mộ của ông phó bảng Huy phát, con Hồ Hồng Tâm có thể đào tạo thành một Trần Quốc Tuấn mới, thì bổn phận của chúng ta là người chống Cộng, chúng ta phải tận dụng khả năng để cung cấp cho nàng một nền học thức siêu phàm, một căn bản đạo đức vững chãi, một ý chí cứng rắn như kim cương, để cho nàng lãnh một vai trò lịch sử của mình. Vì lập luận như vậy, mà tôi cho

rằng ếm mà cụ phó bảng Huy là làm một công việc trái ngược với quyền lợi tối cao của Thế giới; Tự do nghĩa là có hại chứ không có lợi.

Bị một tràng lý luận tréo cẳng ngỗng của Hồ Hữu Tường, mà Thompson phân vân. Còn Xích Tử chơi với, thấy sở học của mình đối với cái của tay tổ nói dóc là Hồ Hữu Tường, kể ra chỉ là hột cát nằm bèn hòn núi Thái Sơn. Trong tâm trạng ấy, nó còn bị bồi thêm một chưởng nữa. Họ Hồ nói:

— Bây giờ tôi xin kết luận. Lời đề nghị của lão thầy địa lý đã viết trong thư cho đại tướng Westmoreland không có chút giá trị gì cả. Hoa Kỳ chẳng những khỏi phải hao một trăm triệu đô la, mà đến một đồng cũng không nên. Còn cậu Lê Xích Tử này, ông Thompson không nên giữ lại làm chi. Nên phóng thích hẳn cho rồi, kéo tốn công nuôi nấng...

Đây nói về bốn kỳ giả trong nhóm CHÂN TRỜI tối ba mươi Tết đã chứng kiến việc Lê Xích Tử từ nhà họ Hồ bước ra là mắc kẹt vào « Tru tiên trận », nên sáng hôm sau, trong khi đi viếng dầu năm các bạn đồng nghiệp, bốn vị đã rỉ tai cho nhiều người biết cái tin lạ lẫm ấy. Tin này truyền từ miệng này sang qua tai người kia. Chỉ một buổi

sáng, mà giới viết báo thấy đều hay việc Xích Tử hạ san, đến nhà Hồ Hữu Tường, rồi thỉnh linh biển, mất, không biết đi đâu mà « họ » lại ném đá vào nhà Tường cho hay rằng Xích Tử đã mắc vào « Tru tiên trận ». Người bàn tới, kể nói lui. Có người tính đến nhà Hồ Hữu Tường hỏi cho rõ chi tiết của việc lạ lùng này, nhưng bạn tác ngăn lại nói : « Ấy chết ! Đừng lại nhà thằng cha ấy mà mang họa. Chung quanh vùng ấy, bao giờ tôi cũng thấy thậm thò thậm thụt những người có vẻ khả nghi. Không phải nhân viên của CIA, thì là Công an Quốc gia. Không Công an Quốc gia, thì là tinh báo của « họ ». Không tinh báo của « họ » thì là cán bộ của Đệ nhị Văn phòng Pháp, hay là mật vụ của Intelligence Service Anh... Hay là cùng một lượt tất cả những cái ấy. Anh mà ghé nhà ấy, thì anh lập tức bị chụp hình, bị theo dõi. Trừ khi nào anh thật tình đau bệnh lỗ mũi, ghé mà mua thuốc thì chẳng sao ; bởi người ta điều tra biết anh bệnh, nên chẳng làm khó chi anh. Chờ anh đến đó, với mục đích khác hơn là để nhờ trị bệnh lỗ mũi, thì mục đích này sẽ bị phát giác. Rồi anh sẽ mắc vào « Tru tiên trận » như thằng Xích Tử ấy. Luận điệu này đã làm cho hầu hết đều thụt.

Nhưng mà luận điệu này không làm nao núng hai mươi tám nàng sinh viên gốc ở Tây Đô văn phái. Cảm tình nồng hậu của các nàng đối với đứa em út lém lép là Xích Tử không dễ bị một sự sợ sệt vu vơ làm lẫn áp được. Các nàng lại tìm được một cái lý để ứng phó lại bất cứ ai hỏi các nàng vì sao lại tới nhà họ Hồ mà làm gì? Các nàng sẽ đáp: « Ông ấy sanh trưởng ở làng Thường Thạnh, tỉnh Cần Thơ, thì đối với chúng tôi đã có tình đồng hương rồi. Lúc nhỏ, ông nuôi cái mộng làm văn sĩ để làm rạng rỡ làng mình, thơm lây cả tỉnh mình. Còn chúng tôi cũng nuôi cái chí làm « rạng góc Tây Đô, phúc cõi Nam ». Thi kể ra, ông cũng là bậc tiên thanh của Tây Đô văn phái, cũng như Chateaubriand là tiên thanh cho phong trào văn chương Lãng mạn ở Pháp. Vì vậy mà chúng tôi là bậc hậu sanh, ngày Tết chúng tôi đến viếng ông. Viếng là viếng một đồng hương. Viếng là viếng một nhà văn tiên thanh. Còn nhà chánh trị Hồ Hữu Tường, năm mươi năm tung ra một biện pháp khác để mưu đồ việc an bang tế thế, còn nhà tư tưởng Hồ Hữu Tường toan tổng hợp ba cái văn minh kỹ sư, chánh ủy và tu sĩ, chúng tôi là con gái, chúng tôi hiểu không nổi, chúng tôi chẳng viếng chào và chúc Tết làm gì ». Có một lập trường

vững chắc như vậy, các nàng quyết định đến nhà họ Hồ, rồi trong ba điều bốn chuyện, hỏi thăm tin tức về Xích Tử và mưu định cứu Xích Tử ra khỏi « Tru tiên trận ». Song các nàng nghĩ. Minh làm con gái, ngày mồng một Tết đến xông nhà người ta, không biết gia chủ có tin dị đoan mà phiền trách chi chẳng ? Nên các nàng hẹn nhau, đúng ba giờ chiều sẽ đến, chờ cho buổi sáng, có người đến xông nhà cho rồi...

Ba giờ chiều, trước sau vài phút đồng hồ, các nàng đều đến đường Phan Văn Trị, ngồi chật ních cả nhà. Ghế nào cũng bị choáng bởi hai nàng, mà hãy còn mấy cô ngồi trên tấm bố trải ngay trên gạch. Xe của Thompson cũng đến, đưa Hồ Hữu Tường về. Nhà sử gia Hoa Kỳ thấy cảnh náo nhiệt, không quên chụp một vài « bô-i » ảnh màu, để có một bức họa tự nhiên, mà chẳng kém bức tranh của Matisse hay Picasso, do hai mươi tám màu áo khác nhau, sắc sỡ, lộng lẫy, của các cô mặc trong dịp Tết. Họ Hồ vừa bước vào nhà, thì nàng Mẫu Đơn đứng dậy, thay lời cho chị em, nói :

— Thưa bác, có lẽ bác đã có chút ngạc nhiên, khi vừa thấy hai mươi tám chị em của chúng cháu, mà bác chưa từng gặp mặt bao giờ. Nhưng cháu xin nói ngay rằng chúng cháu thấy sanh trưởng

trong tỉnh Cần Thơ, mà Ngô Đình Diệm đốt nát, đổi tên là tỉnh Phong Dinh. Tỉnh Cần Thơ là tỉnh chôn nhau cắt rún của bác, thì chúng ta là người đồng hương. Tỉnh đồng hương này khiến các cháu đến đây, trước thềm năm ất tị, chúc cho bác sống lâu hơn hai mươi năm nữa, mà vẫn sáng suốt, không lẫn lộn, không lằm cằm, rồi viết một chuyện trào phúng hay hơn tất cả, hay cho đến đôi khi đọc lại trước khi cho đi in, bác khoái trá, cười hả hả, rồi tắt hơi luôn như Trình Giảo Kim trong tiểu thuyết. Đối với một nhà văn có cái chết nào nên thơ, đẹp, sung sướng hơn là cái chết mà các cháu chúc cho bác đó ?

Một tràng pháo tay nổ ran chứng tỏ rằng Mậu Đơn đã được chị em đồng ý. Nàng ngồi xuống, thì Tường Vi đứng dậy nói lời :

— Lão nhà nho nào làm cố vấn cho Ngô-Đình-Diệm đổi tên tỉnh lại làm Phong Dinh thật là một lão đốt nát và bị Cộng sản đem thuyết duy vật mà nhồi sọ. Tỉnh của chúng ta giàu có, ấy là nhờ ngọn nước của sông Hậu Giang, trên kia cuồn cuộn chảy mạnh không kịp bồi phù sa, rồi khi chảy tới tỉnh ta, bị nước biển ngăn lại, mà phải chảy

đi đi, êm đi, phù sa nhờ đó mà có thể lắng xuống, bồi ruộng; ruộng mỗi năm được bón bằng món phân thiên nhiên này mà trúng mùa. Tỉnh ta nhờ thiên nhiên mà giàu có, chớ nào phải do Ngô Đình Diệm đặt tên cho mà giàu có được? Còn cháu nói lão nhà Nho ấy bị Cộng sản nhồi sọ, vì đặt cái tên Phong Dinh cho tỉnh, ấy là nhắc cho dân trong tỉnh là cao vọng của họ chỉ đến cái nấc vật chất, cầu giàu có để hưởng thụ, nói nôm na là « làm công tử ». Còn những giá trị cao siêu của tinh thần, những cái chân, thiện, mỹ... thì hãy quên đi! Nếu bác có thể nào chuyển lời này cho bác quốc trưởng Phan Khắc Sửu, cũng là người sanh trưởng ở Cần Thơ như chúng ta, thì bác cũng nên nói cho bác Sửu, bỏ quách cái tên Phong Dinh chớ đừng tai gai mắt chúng cháu quá!

Một tràng pháo tay ủng hộ lời đề nghị của Tường Vi. Nàng ngồi xuống, nhường lời cho Vạn Thọ :

— Cháu quê mùa, mộc mạc, giản dị. Song cháu nghĩ, cái giản dị, mộc mạc, quê mùa lại gần chơn lý và dễ được quần chúng cảm thông. Tên tỉnh của chúng ta là Cần Thơ, vốn là tiếng Cao Miên di truyền lại. Nhưng là một gia tài quý giá của lịch sử giao lại cho dân tộc Việt, nói chung, cho người

sanh trưởng trong tỉnh, nói riêng. Phân tích theo ý nghĩa tầm nguyên *cần có* nghĩa là nhọc lòng hết sức để phụng sự một cao vọng nào đó ; như phong trào Cần Vương, trong lịch sử nước ta, là phong trào ái quốc, phát sanh vào lúc thực dân Pháp đặt gót đồ hộ lên lưng của dân tộc, và nhọc lòng hết sức cho nhà vua là tượng trưng chung của dân tộc. Và cũng theo nghĩa tầm nguyên, *thơ có* nghĩa là sách vở, tượng trưng cho văn học, cho cái ý muốn nâng cao trình độ tri thức. Vậy Cần Thơ là một khẩu hiệu, là một đường lối : phải nhọc lòng hết sức mà phụng sự cho văn thuật và văn chương, để nâng cao trình độ tri thức của dân trong tỉnh, nói riêng, của toàn dân Việt, nói chung. Chối bỏ tên Cần Thơ, ấy là chối bỏ cái cao vọng ấy. Tội của Ngô Đình Diệm quả chẳng nhỏ. Bác cũng nên chuyển lời này lên cho bác quốc trưởng Phan Khắc Sửu, phải phục hồi tên Cần Thơ lại cho tỉnh của chúng ta.

Một tràng pháo tay lại ủng hộ lời đề nghị của Vạn Thọ. Nàng ngồi xuống, Hồ Hữu Tường đáp lễ trả lời :

— Lời của ba cháu, trong dịp đầu năm nay, quả là lời châu ngọc. Bác xin mượn vài câu của Nguyễn Du, sửa lại vài chữ, mà khen các cháu.

Khen rằng :

*Nghe qua, nắc nỏm khen thăm ;
Giả đánh tú khẩu, cầm tâm, khác thường.
Vi chen vào Đại Học đường,
Thì tranh giải nhứt, dễ nhường cho ai ?*

Một tràng pháo tay hoan nghinh lời khen của nhà văn già. Nàng Búp, ngáy thơ đứng lên nói :

— Thưa bác, chúng cháu đã chen vào Đại học đường hơn hai năm nay, và cũng len lõi vào làng văn được mười mấy tháng. Bác quá yêu chúng cháu mà khen như vậy. Song trong thực tế, chúng cháu chưa bao giờ tranh được giải nhứt. Lúc còn học ở trường Trung học Cần Thơ, chúng cháu còn nhường tài cho một cậu em nhỏ hơn chúng tôi cháu ba tuổi. Lên Sài Gòn, chen vào Đại học, chúng cháu chật vật lắm mới khỏi thua bạn tác. Bước vào làng văn, chúng cháu chưa ai tranh việc ăn khách nổi với anh ba Tàu là Kim Dung tác giả « Cô gái Đồ Long ». Chắc chắn là chúng cháu phải nhờ bác dắt dẫn rất lâu, rất công phu, họa may chúng cháu mới xứng đáng với lời khen của bác.

Hồ Hữu Tường đáp :

— Thành công trong văn chương, không thể bằng vào số độc giả mà chấm điểm. Lúc Victor

Hugo cho in ra bộ *Les misérables* (Những kẻ khốn nạn), thì Eugène Sue lại lôi cuốn độc giả mãnh liệt hơn bằng bộ tiểu thuyết *Les mystères de Paris* (Những bí mật của thành Paris). Nhưng lịch sử văn chương nào ghi tên của E. Sue, còn V. Hugo được làm lễ quốc táng, linh cửu quàn tại Panthéon là nơi mà nước Pháp rước linh cửu của những đứa con làm vinh quang cho mình. Lúc bác còn nhỏ, tiểu thuyết *Fantômas* làm mê say độc giả Pháp, còn mấy trăm lần hơn kiếm hiệp ta làm độc giả ta mê say. Ngay khi ấy, trong mấy mươi năm, quyền *Les nourritures tenestres* (Món ăn của trần gian) của Gide chỉ bán có vài trăm quyền. Nhưng Gide được giải Nobel về văn chương, được cả thế giới ca ngợi là văn hào. Còn bộ *Fantômas* mấy mươi năm nay chôn vùi trong lãng quên. Các cháu chớ lấy việc ăn khách làm cân vàng thước ngọc mà đo giá trị một tác phẩm văn chương... À mà mấy cháu nói ở Cần Thơ có cậu nhỏ nào, nhỏ tuổi hơn mấy cháu mà đã lỗi lạc hơn mấy cháu?

Lại đứng dậy, mảnh mai, yêu kiều, nói nhỏ nhẹ :

— Cậu ấy tên là Lê Xích Tử. Hình như tối hôm qua có đến đây viếng bác, bước khỏi nhà là bị

nhốt vào Tru tiên trận. Chẳng hay số phận của cậu ấy bây giờ thế nào ?

Hồ Hữu Tường thờ người giây lâu, rồi đáp :

— Tường là ai đâu, chớ té ra cậu ấy. Quả là hôm qua, lúc tám giờ tối, cậu có đến đây, nói ba hoa mấy câu, vừa bước ra khỏi cửa, là mắc nạn. Hiện nay, cậu còn nằm trong trận, trụ hình ở cung Đoài, là cung của Tây Phương. Suốt cả buổi sáng này, chính bác đây bác cũng vướng vào Tru tiên trận. Nhờ bác có « tụ đỉnh liên hoa » mà thoát nạn, được đưa về nhà, là gặp ngay các cháu đây...

Rồi Hồ thuật rõ chi tiết cuộc nói chuyện tại biệt thự cho các nàng nghe, và kết luận :

— Bởi bác biết chắc rằng lời của bác thế nào cũng bị máy thâm thanh tối tân, của Nga cấp cho Việt Cộng, nó hút, nghĩa là lời ấy bị Hồ Chí Minh nghe rõ, và bởi bác sợ Hồ Chí Minh quá, nên bác mới lập luận mà xúi Hoa Kỳ đừng ếm mộ của ông phó bảng Huy.

Búp ngậy thơ hỏi :

— Cháu tưởng bác yên hùng, bị xử tử mà cười dài, không chút sợ sệt, như các báo đã đăng dạo nọ. Không dè bác lại sợ Hồ Chí Minh. Bác sợ nhà lãnh tụ độc tài Cộng sản ấy nơi chỗ nào ?

Hồ Hữu Tường cười xòa đáp :

— Thiên thần Achille toàn thân cứng rắn, không ai làm sao cho phủng được. Nhưng ở nơi gót còn có chút điểm yếu mềm. Huống hồ là bác. Hồ Chí Minh biết chỗ yếu ớt đó của bác, rủi bác lọt vào tay hắn, hắn dùng phép bí mật mà trị bác nơi chỗ yếu ớt đó, thì làm sao bác chịu nổi ?

— Chẳng hay chỗ yếu ớt đó của bác là chỗ nào?

Hồ Hữu Tường chau mày, có vẻ lo âu, đáp :

— Khó nói quá. Các cháu là con gái, bác nói, bác ngượng miệng.

— Không sao đâu ! Các cháu là gái tân thời, đi phòng trà xem những tuồng thoát y vũ, vào đặng xinh nhẩy tuyết, đọc tất cả tác phẩm của Chu Tử nào Yêu, Sống, Loạn, Ghen, Tiền, gặp những trang sống sượng nhứt mà chẳng đỏ mặt tia tai. Điều mà bác nói, chắc gì là khiêu dâm bằng văn của *Có Bạch Mai* ? Bác nói hết sự thật đi, biết đâu các cháu chẳng nghĩ ra được kế để che chở cho bác ?

— Thế thì bác nói. Mà hễ có cháu nào đỏ mặt, thì bác dừng lại ngay nhé ! Số là Hồ Chí Minh biết rõ rằng bác không sợ chết, không sợ chết vì

bị bắn một cái rằm, không sợ chết vì bị chặt cổ một cái phụng, không sợ chết vì bị thắt cổ le lười thè lè. Bởi vậy cho nên, năm 1945, bác ở Hà Nội, sát bên nách hấn, mà hấn đâu có giết bác? Nhưng hai mươi năm qua, khoa học tiến bộ, Hồ Chí Minh áp dụng khoa học tối tân, tìm ra được một kỹ thuật để trị cái li của bác. Phân tích máu của đàn ông, của hầu hết đàn ông y học đã chứng minh rằng máu của họ không phải chỉ có hai thứ huyết cầu, là hồng huyết cầu, và bạch huyết cầu như bấy lâu người ta đã dạy.

« Họ còn có một thứ huyết cầu thứ ba nữa, gọi là huyết cầu 35, nhờ sự phát minh ra kính hiển vi điện tử (microscope électronique) mà người ta mới khám phá ra được. Vì nó là loại tế vi (virus). Bất cứ đàn ông nào, thấy đều có huyết cầu 35 trong máu, không ít thì nhiều. Mượn một câu của nhà Phật, là « chúng sanh giai hữu Phật tánh » mà nói, thì khoa học ngày nay có thể tuyên bố rằng : « Chúng đàn ông » giai hữu « huyết cầu 35 ». Huyết cầu đỏ và huyết cầu trắng toàn là thứ huyết cầu vô tri vô giác. Còn huyết cầu 35 là thứ huyết cầu luôn luôn chịu ảnh hưởng của lục trần, do lục căn cho vào. Bất cứ, nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, thấy đều có thể làm cho huyết cầu 35 sôi động.

Nhãn là mắt, mắt thấy gái đẹp, huyết cầu 35 rung chuyển, thì cậu trai động tình, nhìn theo muốn lọt trông. Nhĩ là tai, tai nghe giọng oanh thỏ thẻ, thì chàng thấy trái tim rung động. Tỉ là mũi, mũi ngửi mùi thơm, hoặc tự nhiên, hoặc của nước hoa, của một người đẹp, thì lòng chàng nao nao. Thiệt là lười, chỗ này bác tự kiểm duyệt đi, các cháu muốn hiểu, thì đi xem xi nê, đến mấy chỗ cup lạc, các đào kép Âu Mỹ hôn nhau say sưa, các cháu sẽ hiểu phần vô ngôn ấy. Thân là người, là đụng chạm ; cậu si tình nào mà nắm được bàn tay của ý trung nơn, là trái tim đập thùng thùng. Còn cuối cùng, ý là ý. Các nhà văn muốn cho tác phẩm mình ăn khách, chỉ có bịa ra những pha thật gợi ý, kích thích huyết cầu 35 của độc giả. Khoa học ngày nay lại tiến nhiều, chẳng những nhờ lục căn, lục trần mà kích động huyết cầu 35, lại còn chế được những thứ thuốc làm cho chúng nó sanh đẻ ra rất mau lẹ, rất nhiều.

Nàng Súng què mùa, không hiểu vì sao mà sự tiến bộ khoa học này lại làm cho Hồ-Hữu-Tường sợ quá như vậy. Bèn hỏi toạc móng heo. Cực chẳng đã, họ Hồ phải giải thích :

— Cháu nghĩ coi, nếu ngày kia, bác lọt vào tay Hồ-Chí-Minh, mà Hồ-Chí-Minh không giết, lại thì

hành biện pháp độc địa, thì bác đây chịu sao nổi? Phương pháp độc địa ấy là : Một mặt, thiến mất cái của qui của bác đi, mà chừa lại nguyên hai đùm, để cho cái «chức vụ» hãy còn mà cái «cơ quan» mất hẳn. Việc ấy ví như Trung-Cộng có lò máy chế bom nguyên tử, mà không có oanh tạc cơ tối tân để chở bom nguyên tử sang qua đội bèn địch. Một mặt, bắt buộc bác ăn đồ bổ, không phải, ăn khẩu phần thường của dân, không phải ăn theo «tiểu táo», không phải ăn theo «trung táo», không phải ăn theo «đại táo» như Mao-Trạch-Đông, Châu-Ân-Lai, mà ăn theo chế độ «thượng thái táo». Mặt thứ ba, bắt buộc bác uống những món thuốc tối tân để làm cho huyết cầu 35 sanh sôi nảy nở rất nhiều. Còn mặt thứ tư, là tuyển một số «phụ nữ kiểu cuộc», cô nào cũng đẹp, cô nào cũng có duyên, cô nào cũng lão luyện thuật «địch vận», cho luôn luôn quây quần bên bác, vận dụng đủ nghệ thuật để kích động lục căn, điều khiển lục trần của bác, hầu tổ chức một cuộc «xuống đường» đại qui mô của những huyết cầu 35 trong máu của bác. Mà bác đã bị thiến mất của qui, thì bác còn biện pháp gì má trấn áp cuộc «cách mạng thường trực» của đám «quần chúng lao khổ» là huyết cầu 35 trong nội thân của bác, xuống đường bạo động, phá phách

từ sớm tới chiều, ngày này tới ngày kia... Rồi Hồ-Chí-Minh còn tìm thuốc trường sanh bắt tử mà cho bác uống, để kéo dài cái khổ của bác. Hỏi các cháu, bác làm sao mà chịu nổi một cách trừng phạt khoa học như vậy ?

Hồ-Hữu-Tường nói xong, mà cảm thấy sự ghê sợ của cách trừng phạt ấy, nên vẻ mặt có dáng mất tinh thần. Các nàng ngồi im, không biết làm sao mà cứu Xích-Tử. Thì nàng Xuân-Lan đứng lên nói :

— Thưa bác, tưởng cách trừng phạt gì gồm ghê hơn nữa, thì mới nên lo. Chờ chỉ có chừng ấy thôi, thì hãy còn biện pháp rất hay để đối phó.

Mấy chục cặp mắt đều quay nhìn Xuân-Lan. Họ Hồ hỏi :

— Cháu có kế gì hay, hãy đem ra bàn thử !

— Thưa bác, trước khi trình bày kế ấy, cháu xin bác cho phép cháu nói rằng phép ấy đã được năm bảy ngàn năm kinh nghiệm. Thuở xưa, miền Nam nhờ ấm áp, mà cây cỏ thành mau, văn minh nông nghiệp phát triển sớm hơn ở miền Bắc lạnh lẽo, rồi con người sớm chuộng văn, quên võ. Kết quả là, tuy văn minh hơn, miền Nam đánh thua miền Bắc. Cầm đầu miền Bắc lúc ấy là Hoàng-Đế, học được sở đặc của miền Nam, như y học, như

nghe dẹt, như phép dưỡng sinh. Phép dưỡng sinh này, mấy ngàn năm sau, được Lão-Tử phục hưng lại, phát triển thêm. Và từ ấy được gọi là phép dưỡng sinh của Hoàng, Lão. Đến bây giờ, thất kỳ truyền. Chỉ còn có một đôi gia đình theo đạo Minh-Sư còn giữ được phép ấy mà thôi. Gia đình cháu mấy đời theo đạo Minh Sư, nên cháu biết phép dưỡng sinh ấy. Gần đây, báo HÒA ĐỒNG xưng ra chủ thuyết «Phục hưng mới». Cháu lại học về I khoa, nên cháu nghĩ rằng trong việc phục hưng mới này, đem phép dưỡng sinh mà phục hưng, hiện đại hóa, phát triển theo qui củ của khoa học, thì trong phép dưỡng sinh này có rất nhiều thuật để giúp bác trấn áp được cuộc «cách mạng thường trực» của huyết cầu 35, nếu rủi mà bác lọt vào tay Hồ-Chí-Minh và Hồ-Chí-Minh thì thổ kế sâu độc như bác đã thị kiến.

Hồ-Hữu-Tường nghe nói mừng rỡ, vội vã hỏi:

— Phép dưỡng sinh như thế nào? Thuật trấn áp cuộc «cách mạng thường trực của huyết cầu 35» như thế nào?

Muốn biết Xuân-Lan trả lời làm sao, hãy xem đến hồi sau phân giải.

HỒI THỨ TÁM

*Đề cửu bạn, các nàng toan xuất trận
Tìm nguyên hung, Xích Tử gặp tình xưa*

Đây nói về Xuân-Lan, khi nghe họ Hồ hỏi phải dùng biện pháp nào để trấn áp cuộc « cách mạng thường trực của huyết cầu 35 », thì lấy tai che miệng, cười tủm tủm, mà đáp rằng :

— Hiện nay, khoa học chưa tìm ra được cái gì sanh ra tinh trùng của đàn ông, mặc dầu đã biết chính xác rằng nơi sanh ra tinh trùng ấy là hai cái hòn lờng thòng dưới bộ phận sanh dục. Vừa nghe bác « thị kiến » rằng : « Chúng đàn ông giai hữu huyết cầu 35 », mà cháu lập ra được một giả thuyết khoa học. Và cháu sẽ chọn giả thuyết ấy làm đề tài của luận án trình thi Tiến sĩ về I khoa.

Hồ-Hữu Tường nghe nói nàng có một phát minh mới về I khoa, lấy làm thích thú, vồn vã hỏi :

— Chẳng hay giả thiết ấy ra làm sao ?

— Châu vi huyết cầu 35 như là chất uranium trong bình thức quặng và nằm khắp.đó đây trong thân thể của người đàn ông. Các quặng này chuyên chở lại hai cái hòn lòng thông, mà châu vi như hai lò máy nguyên tử khổng lồ, và nơi đó biến ra thành hàng tỉ tinh trùng, mà châu vi như những quả bom nguyên tử. Những quả bom nguyên tử này, theo khoa học Tây-Phương, phải có cơ quan chở đem dọi trên đất của địch. Bằng không, chứa ừ nhiều quá, chúng nó phát nổ, hành xác chủ nhưn quá chừng. Khoa học Tây-Phương không có phép gì giúp cho chủ nhưn tránh được cái nguy cơ do sự tích súc quá nhiều thứ bom nguyên tử ấy.

Hồ-Hữu-Tường gật đầu khen rằng :

— Chính là bác sợ cái nguy cơ ấy, mà chỉ nghĩ tới thôi, đã ớn sương sống rồi !

Xuân-Lan cười ra tiếng, nói tiếp :

— Nước Tàu mà chế nhiều bom nguyên tử đây, lại không đồng được oanh tạc cơ tối tân để chở chúng nó đem dọi nơi khác, Tàu cũng bị cái nguy cơ đó. Địch làm cho bom Tàu nổ chuyên trên nước Tàu, thì Tàu sẽ tiêu... Bây giờ cháu xin trở lại vấn đề huyết cầu 35. Đến hai cái hòn lòng thông, huyết

cầu 35 biến thể thành ra tinh trùng. Trong phép dưỡng sinh của Hoàng, Lão, người ta chỉ gọi vắn tắt bằng chữ *tinh*. Và phép dưỡng sinh này lại dạy cho tu sĩ biết ngày ngày « luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần ». Không khác nào chất uranium đem đến lò nguyên tử, người ta không dùng mà chế ra bom, lại chế ra làm nhiên liệu để đốt các động cơ nguyên tử mà chế tạo ra tinh lực cung cấp cho loài người sử dụng để mưu hạnh phúc cho loài người. Danh từ mới là « áp dụng hòa bình của tinh năng nguyên tử », (*applications pacifiques de l'énergie atomique*), mà thật ra, ý ấy cũ rích. Ấy là phép « luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần » dùng làm trấn áp cuộc « cách mạng thường trực của huyết cầu 35 », hầu giúp cho bác sáng tác thật hay những tác phẩm văn chương, triết lý, khoa học đó !

Nghe tràng lý thuyết danh thép của Xuân-Lan, họ Hồ lấy làm khoái trá, vỗ tay hoan nghinh rộp rộp. Các nàng cũng vỗ tay theo, ba lượt, mời chịu đề cho họ Hồ nói :

— Câu hậu sanh khả úy, cháu vừa chứng minh một cách hùng hồn. Bây giờ, bác hết sợ cách trừng phạt oái oăm nọ rồi. Thú thiệt với các cháu, từ nhỏ

lời bây giờ, bác chưa biết phục ai. Mà bây giờ, bác phục cháu Xuân-Lan lắm lắm.

Thu-Cúc thấy Xuân-Lan được khen nòng nân như vậy, có hơi ganh tị một chút, bèn đứng dậy nói :

— Thế thì cái mưu sâu sách động huyết cầu 35 xuống đường, đốt ngôi và châm nhiên liệu cho cuộc cách mạng thường trực của chúng là một cái mà sách vở chép rằng « bất dĩ vi phước, bất dĩ vi họa ». Bác Hồ trước kia tưởng là họa, nên âu lo, nên phát sợ. Bây giờ, bác thấy đó là phước, thì bác lại mừng. Cháu đây còn một mưu hay hơn để hiến cho bác. Song xét vì « mưu bất khả chung », mặc dầu hết thấy ở đây là chị em, song bí mật nguyên tử kia người ta còn giấu nhem kia, lẽ nào ta không giữ cái bí mật này qui giá hơn gấp mấy lần. Vậy, mưu ấy, cháu sẽ viết thành cầm nang, trao cho bác. Còn giờ đây, chúng ta hãy đổi vấn đề, mà bàn về việc cứu cậu em Xích Tử ra khỏi Tru tiên trận.

Tất cả đều gật đầu đồng ý, có vẻ khen Thu Cúc đã vào đề một cách rất khéo. Hồ Hữu Tường cũng tán thành và nói :

— Tru tiên trận đời *Phong Thần*, chỉ là một trận nhỏ, lập trên một khoảnh đất chút xiu mà thôi. Bửu bối của các vị tiên, thời xưa chỉ hai được có một người, sánh ra không ăn thua gì với bửu bối thời nay cả. Tru tiên trận ngày nay lập trên khắp hoàn vũ, đi đến đâu cũng vương, cũng mắc, không tìm thấy lối ra. Cửa ra, họa may là do cởi được hỏa tiễn liên hành tinh mà lên cung Trăng, mà sang qua Hỏa tinh. Còn bửu bối ngày nay, trí của con người không sao lường nổi. Lường nổi chỉ có những máy tính điện tử. Vậy, phá trận Tru tiên, không phải phá hết trận, mà chỉ phá một góc nhỏ thôi để cứu Xích Tử, thật là khó vô cùng. Phạm, ngày xưa, phá trận khó ắt phải cần nữ tướng. Bây giờ, phá trận Tru tiên của thế kỷ XX này, tất cũng phải vậy. Chẳng hay các cháu có dám làm nữ tướng mà phá trận này chăng ?

Các nàng nghe hỏi, nhìn nhau, ngơ ngác. Mẫu Đơn thay lời chị em, đứng lên nói :

— Chúng cháu chưa từng gặp tiên cô thâu về núi tu tuyện rồi truyền bửu bối cho. Chúng cháu chưa có ai học Judo, học Aikido, hay học võ Việt. Chúng cháu cũng chưa biết cầm súng, đánh hoa nha như đao kép trên sân khấu. Làm sao chúng cháu làm nữ tướng được ?

— Những điều cháu nói, chỉ giúp cho các cháu làm nữ tướng ở thế kỷ XIII, như cô gái Đồ Long, còn ở thế kỷ XX này, văn minh kỹ sư chọi với văn minh chánh ủy, cũng như hồi xưa Xiển giáo và Triệt giáo tranh hùng, thì văn minh tu sĩ đóng vai Hồng Quân chơn hơn, cho hai bên uống thuốc giải hòa. Hễ cãi lệnh thầy thì thuốc hành cho tiêu xác. Thuốc giải hòa này là lòng sợ có hiểm họa chiến tranh thế giới thứ ba. Công việc ấy là công việc của Hồng Quân chơn hơn, thủ vai của văn minh tu sĩ. Còn các cháu là những vị tiên nhỏ, đồ đệ của văn minh tu sĩ. Các cháu phá một trận nhỏ, nói cho đúng hơn, một góc nhỏ của một trận lớn, Cần chi bửu bối, cần chi Judo, Aikido, hay võ Việt, cần chi súng lục và hoa nha ? Cần chỉ có một tâm hồn cứu thế, một trí sáng suốt, một dạ hy sanh, một mớ tài hoa là làm nữ tướng rồi.

Hạ Liên đứng lên hỏi :

— Phàm phá một trận, dầu bằng phép tiên, dầu bằng quân lực, dầu bằng những thuật của văn minh tu sĩ, cũng phải có phương pháp. Chúng cháu chưa từng phá trận bao giờ. Bác có thể nào chỉ phương pháp ấy cho chúng cháu chăng ?

— Thú thật với các cháu, bác đã mắc vào nhiều trận, Mà bác thoát ra được, không phải nhờ bác phá nổi. Chẳng qua là chỉ nhờ bác được chữ phước đức, mà đến nay mạng bác mới còn đây. Bác không tài nào làm thầy các cháu được. Các cháu muốn cầu phương pháp, mà các cháu vốn múa bút chơi văn, thì các cháu nên cầu tiên sư của nghề văn ở xứ ta.

Hạnh đứng lên hỏi :

— Chẳng hay vị tiên sư ấy là ai ?

— Vị tiên sư ấy là bà Âu Cơ, vốn là một nàng tiên. Trước bà, người còn mê tối. Sanh con ra, cứ để nó sống tự nhiên, hết bú rồi chơi, chơi đã rồi ngủ. Mà nó ngủ được bởi vì không có gì làm rầy mà phá giấc ngủ của nó. Đến khi bà Âu Cơ đẻ ra một bọc có một trăm trứng, mỗi trứng nở thành một đứa trẻ, thì trong nhà bà, cùng một lượt, có một trăm đứa trẻ. Hễ đứa này thiêu thiêu ngủ, thì đứa khác khóc ré lên, làm cho nó giật mình, mất giấc. Bà Âu Cơ, vốn là nàng tiên, nên thông minh, nhận thấy tình trạng ấy, bèn lập tâm tìm cho ra một biện pháp làm cho trăm đứa trẻ cùng êm tai một lượt, mơ mơ, màng màng, rồi cùng ngủ, mà chẳng có đứa nào ré lên phá giấc đứa kia. Biện

pháp ấy là bà ù ơ mà ru chúng nó êm tai. Ấy là đã sáng chế ra cái thuật hát ru em, thiên hạ thấy công hiệu, bắt chước, mà hát ru em tràn lan khắp nơi. Hát ru em cho được công hiệu, phải có nhạc, có nhịp, có vần. Do đó mà hình thức đầu tiên của thơ xuất hiện. Đó là khởi thủy của văn chương. Nên bác nói với các cháu rằng bà Âu Cơ là vị tiên sư của nghề văn ở xứ ta. Các cháu nên cầu bà chỉ giáo.

Các nàng đồng ý, hẹn nhau, tối đó vào giờ tý, sẽ tổ chức một buổi cầu thơ tiên, mời cho được bà Âu Cơ mà nhờ chỉ giáo. Rồi cùng đứng lên từ tạ mà ra về.

vô
một
hy ẽ

Đây nói về Xích Tử, khi nghe họ Hồ đưa ra một tràng lý luận dài lê thê để chứng minh rằng việc ếm mả cụ phó bảng Huy đã không chút lợi gì cho Thế giới Tự do, thêm hại thì có, thì hẳn ta thấy sở học của mình chẳng là bao đối với họ Hồ. Thì trong cuộc tranh đấu lý tưởng, triết học, tôn giáo, chánh trị, văn nghệ này, làm sao mà thủ phần thắng cho nổi. Nghĩ như vậy, hẳn ta mất tinh thần, chẳng buồn nói năng. Vào ăn cơm, hẳn ta ngốn cho no mà chẳng màng lấy ngon. Lại uống rượu thật nhiều, dụng tửu bình mà giải phá sậu

thành, nên khi ra tiệc thì đã say, mí đã híp, tìm chỗ nằm đánh một giấc, không hay Thompson đưa họ Hồ về nhà từ bao giờ.

Trong giấc ngủ, chàng nằm mộng thấy Thu Hương đến. Chàng mừng lắm, ôm gối mẹ mà thưa :

— Mong một Tết mà mẹ về thăm con, ắt mẹ có điều rất hay mà dạy cho con đó.

Thu Hương vuốt ve đáp :

— Tội nghiệp con tôi, vừa ra trận đầu là bị mấy chưởng nặng nề. Song không sao đâu con. Mẹ đã viện được hai mươi tám nàng tiên để giúp sức cho con.

Mẹ còn thể viện một vị đại tiên nữa đến giúp con. Nếu vị đại tiên này khứng chịu, thì quả là con với người ấy có duyên tiền định. Mẹ không thể nói tên họ người đó, ở trần gian, là gì. Thiên cơ bất khả lậu. Song mẹ có thể cho con biết, trên cõi trời Đâu Suất, người ấy vốn là gì ?

Xích Tử nghe nói, mời mẹ lại ghế bành ngồi, rồi chàng lấy giấy viết mà ghi những lời mẹ sắp nói. Thu Hương tiếp :

— Trên cõi trời Đâu Suất, thời gian tuy có khác hơn ở thế này, song cũng có tuần hoàn,

có năm, có tháng có ngày ; năm chia làm bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Mẹ vắng mặt ở trên đó chỉ có một giây mà xuống trần, thì ở cõi này, mẹ lại sống được hai mươi lăm tuổi. Trên ấy cũng có mưa, có nắng. Trước hay là sau cơn mưa, giọt nhỏ của mưa lơ lửng trên không, phản chiếu ánh sáng, cũng hiện mống trên vòm trời. Màu sắc đẹp đẽ của mống trời làm cho con ong con, tiền kiếp của con, say đắm. Nhưng mống chỉ là cái ảo ảnh, đứng xa thì nhìn thấy, đến nơi lại biến mất đi. Con ong con, là con, nào có biết chi, khi nào mống trời hiện lên, thì bay tới mà tìm ảo ảnh. Đó là một mối tình. Thời xưa khối tình thác xuống tuyền đài chưa tan. Ngày nay, rời Đâu Suất mà xuống cõi trần, khối tình ở trong lòng con nào có tan đi được ? Bởi biết vậy, nên các Tiên Phật ở cõi trời Đâu Suất hạ lệnh cho cái mống trên ấy đầu thai xuống cõi trần, làm một nàng con gái Mẹ, không được phép nói tên họ nàng ấy là gì. Song, nếu con còn trung thành với tình xưa, thì vừa gặp nàng, con sẽ lập tức bị sét đánh trong lòng, yêu nàng ngay, mê nàng ngay. Và như Tiết Đình San gặp Phan Lê Huệ, con sẽ được nàng cứu mà thành duyên giai ngẫu.

Xích Tử hỏi :

— Con nay mắc kẹt trong biệt thự, làm sao đi đó đi đây được, mà gặp nàng ?

Thu Hương ghé vào tai chàng mà dạy chàng phải làm như vậy, như vậy. Nghe mẹ dạy, Xích Tử rất đôi vui mừng, cười ra tiếng. Ngay lúc ấy Thompson mở cửa bước vào, nghe chàng cười lớn hỏi :

— Có gì làm cho ông Xích Tử khoái trá mà cười to như vậy ?

Nghe có tiếng hỏi Xích Tử giật mình thức dậy, mới hay là một giấc chiêm bao. Chàng vùng ngồi dậy, làm tỉnh nói :

— Uống chút rượu, có hơi say, nằm lim dim mà nghĩ sự đời, nực cười cho lão Hồ Hữu Tường quá !

Thompson lại ngồi vào ghế bành, đối diện với Xích Tử, bấm nút cho máy ghi âm chạy, rồi hỏi :

— Chẳng hay ông cười ông bạn tôi về chỗ nào ?

— Tôi cười ông ấy về cái chỗ học không thiệt, mà là học giả. Ta khoan vội phê phán những

ức đoán của ông về tương lai. Ta chỉ thử kiểm soát những cái mà ông nói về quá khứ. Ông ấy quả quyết rằng Hồ-Chí-Minh có một « hòn máu bọ rơi », sanh tại Phan Thiết, tên là Trần-Tất-Tự. Điều này, ông Thompson, ông có thể dùng phương pháp khảo chứng của sử học mà kiểm soát được. Ông hãy điện cho cơ quan nào đó ở Phan-Thiết tra lục sổ bộ của thành phố này, để kiểm soát coi có người nào tên là Trần-Tất-Tự, con không cha và khai theo họ mẹ, và sanh vào khoảng những năm mà Nguyễn-Tất-Thành rời Phan-Thiết chẳng. Hồ-Hữu-Tường lại quả quyết rằng Trần Tất Tự là một người sớp phơ. Hồi thời thực dân, mỗi sớp phơ đều có một thẻ căn cước, nạp ở nhà hình, và có một bằng cấp lái xe ghi vào sổ cái để tại sở Trường tiền. Vậy ông cho người đến hai sở ấy mà tra lục, coi quả như vậy chẳng. Hồ-Hữu-Tường lại nói rằng Trần-Tất-Tự có một đứa con gái, sanh năm 1948 và tên là Trần-Thị-Thệp. Điều này, ông Thompson, ông có thể sai người đến tra cứu bộ dời của đô thành Sài-Gòn — Chợ-Lớn. Còn như việc mẹ nàng Thị-Thệp bỏ giấy khai sanh của con lập tờ thế vi tại tòa Hòa giải Sài-Gòn năm 1955, thì ông chỉ cho tra cứu hồ sơ của phòng Lục sự tòa Hòa giải, ắt ra manh mối chờ gì ?

Thompson nghe Xích-Tử đề nghị hợp với phương pháp sử học mà mình theo dõi mười mấy năm nay, rất đổi vui mừng, lập tức lấy điện thoại mà nói chuyện, ra lệnh sưu tầm y như Xích-Tử bày vẽ. Xong rồi hỏi :

— Tại sao, khi có mặt Hồ-Hữu-Tường đây, ông không đưa ra những hoài nghi đó ?

— Không nên. Tuy nền học của họ Hồ là một nền học không thiết, một nền học giả, song ta nên xem đó như là một thứ alchimie (luyện kim) để giúp cho hóa học kim thời. Ta đặt những hoài nghi trước mặt ông ta, ông ta bị chạm tự ái, không thềm nói dóc nữa, có phải là ta mất một nguồn ý thừa chăng ?

— Theo ý ông, thì sao ?

— Theo ý tôi, việc Hồ-Chí-Minh có một hòn máu bỏ rơi ở Phan-Thiết, tính cái nhiên, điều ấy chắc đến tám mươi phần trăm. Họ Hồ dựa vào chỗ ấy mà thêm dệt thêm, đặt tên cho người con là Tất-Tự, do tên Tất-Thành mà suy ra. Còn về phần đưa cháu nội, Hồ-Hữu-Tường bởi ghét Hồ-Chí-Minh, nên bịa ra cho nó cái tên xấu xí là Thị-Thệp. Đó là lối trả thù vặt. Nhưng điều Hồ-Chí-Minh có thể có cháu nội ở miền Nam này, điều ấy có thể xảy ra được. Vậy tôi kết luận như vậy. Nếu Hoa-

Kỳ không chỉ dùng biện pháp quân sự, mà muốn dùng thêm biện pháp chánh trị và lý tưởng, thì Hoa-Kỳ nên cho tìm cháu nội Hồ-Chí-Minh mà lập lên làm minh chủ của mặt trận chống Cộng. Đứa cháu nội ấy phát hịch, tuyên bố rằng ông nội mình là một nhà ái quốc thuần túy, bị Cộng sản bắt làm bù nhìn để thi hành chánh sách độc tài và vọng ngoại. Bởi thế cho nên nó mới lập mặt trận chống Cộng, nêu cao khẩu hiệu « phò Hồ-Chí-Minh, diệt cộng phỉ ». Tôi tin rằng khẩu hiệu ấy đáp trúng tiềm thức hầu hết phân nửa người Việt. Hàng ngũ Cộng sản sẽ bị chia rẽ. Có phải là cái kế của tôi là một kế độc, có tánh chất khoa học, chớ nào phải vu vơ như việc ếm mồ ếm mả cụ phó bảng Huy? Có phải là cái kế của tôi đáng giá hơn một trăm triệu đô la không?

Thompson gật đầu khen phải và nói:

— Ít ra như vậy, các quan võ Hoa-Kỳ mới hiểu được và đề nghị cho Tổng-thống Jonhson chấp thuận. Nhưng này ông Xích-Tử, nếu kế ông được tòa Bạch Ốc chấp thuận, chắc chắn là ông sẽ được làm cố vấn thường trực của Chánh-phủ Hoa-Kỳ về vấn đề Việt-Nam.

Xích-Tử nghe nói, rung rời tay chơn, mặt biến sắc. Thompson thấy vậy rít quýt ki mời chàng uống

đề trấn tĩnh tinh thần. Nhấp nửa ly rượu mạnh mà chàng chưa hết sợ. Bởi vì, lẽ nói dóc cho sướng mồm, mà chàng đã vi phạm nguyên tắc tàng ẩn để cho Hoa-Kỳ thấy chàng có tài, có ý kiến, có ý thừa, thì chắc chắn là chàng bị Hoa-Kỳ giam lỏng để khai thác. Ấy là mắc vào Tru tiên trận, biết chừng nào thoát ra được. Chàng bèn lâm đàm khẩn vái mẹ, để mẹ chàng mau đi cầu cứu nơi các nàng tiên. Thompson thấy chàng nhấp rượu rồi, mà chẳng thốt lời nào, bèn giả lả hỏi :

— Ông Xích-Tử bảo ông bạn tôi không phải là học thiệt, mà là học giả. Điều này làm cho tôi băn khoăn vô cùng. Năm 1957, khi ông ấy bị Ngô-Đình-Diệm kết án tử hình, hầu hết các nhà trí thức của các nước văn minh đều ký tên xin hủy án cho ông, mượn cái cớ là ông ấy là một nhà bác học. Chẳng lẽ tất cả những nhà tai mắt trong thế giới đều lầm ?

Xích-Tử đáp :

— Xin lỗi các nhà trí thức trong thế giới, để tôi nói sự thật. Các nhà ấy quả là lầm. Lầm cũng như Tào-Tháo hồi xưa bị Quan-Công tuyên truyền mà lầm cái tài của Trương-Phi vậy. Ông có nhớ đoạn truyện đó không ? Lúc Quan-Công mắc kẹt

mà tam gởi thân giữa ba quân của Tào-Tháo, thì Quan-Công thường được Tào-Tháo khen. Nhưng mỗi lượt Quan-Công đều mượn vẻ khiêm tốn mà đáp : « Tài tôi nào có ra gì, sánh với tài của tam đệ của tôi là Trương-Dực-Đức ? » Câu nói này lập đi lập lại mãi, gây một ám ảnh, Tào-Tháo sợ, mà các tướng Tào thấy đều kinh tâm khi nghe tới tên Trương-Phi. Xưa như thế, mà nay cũng như thế. Trong mấy năm, có một chàng thanh niên Việt sống ở Paris, la cà mấy nhóm văn nghệ, mấy hội triết học mà cãi vả, đem cái « siêu triết học » mình ra mà làm lác mắt các học giả Tây-Phương. Chàng ấy là Triều-Sơn, danh vang xứ ngoài thì nhiều, mà ở xứ tôi ít người biết rành rẽ. Mỗi lượt được các học giả Tây-Phương khen mình, thì Triều-Sơn mượn vẻ khiêm tốn mà đáp như Quan-Công : « Tài tôi nào có ra gì, sánh với tài của nghĩa huynh của tôi là Hồ-Hữu-Tường ». Triều-Sơn tuyên truyền như vậy, hư trương thanh thế cho họ Hồ. Danh tiếng họ Hồ bay khắp nơi. Nhưng chỉ là hư danh, do Triều-Sơn tạo ra mà bịp thế giới chơi. Chớ họ Hồ nào có cái học thiệt.

— Ông Xích-Tử à ! Tôi nghi ông có điều gì mich lòng với người bạn già của tôi, khiến ông có một nhận định quá chủ quan.

— Tôi không chủ quan đâu ! Để tôi chứng minh một cách khoa học cho ông xem. Hồi dưới hai mươi tuổi, họ Hồ dành trọn thời giờ để học Toán, một năm học chương trình hai ba lớp, để mau mau giật mảnh da lừa. Ngày giờ rỗi rảnh đâu mà đọc bá gia chư tử. Trong mười năm theo chủ nghĩa Mác-Lê, họ Hồ một mặt chạy lo ăn, một mặt chạy lo tiền để cho tổ chức hoạt động, một mặt dành trọn ngày giờ để huấn luyện cán bộ, thì họ Hồ giỏi lắm đọc được mười quyển sách. Từ ba mươi tuổi đến bây giờ, cộng hai mươi lăm năm, họ Hồ đã ở tù mười lăm năm ; khi ở Pháp năm năm thì chỉ lo chạy nuôi một gia đình đông đảo, Như vậy, họ Hồ chỉ còn có mười năm để làm việc bằng tri thức. Trong mười năm đặc biệt này, họ Hồ thâu vô thì ít, mà ngồi viết tư tưởng mình ra thì nhiều.

Có người hỏi ông, ông đáp trung bình là mỗi năm chỉ đọc được hai mươi quyển sách thôi, mà toàn là tiểu thuyết, từ của Alexandre Dumas, sang Chu-Tử, đến Kim-Dung, chớ không còn đầu óc nào mà đọc nổi những suy tư cao viễn. Vậy tính số lại, số sách họ Hồ đọc trên dưới một trăm năm mươi quyển, mà rút lại đếm được bao nhiêu quyển hay ?

Thompson đáp :

— Mượn lời của ông mà luận, học mà dựa vào sách, ấy là cái học «hữu thơ», vượt ngoài khuôn khổ của sách, ấy là học «siêu thơ» còn chẳng dựa vào sách nào cả, ấy là học «vô thơ». Bạn tôi đọc chẳng bao nhiêu sách nhưng biết đâu ông ấy học theo thứ nguyên «siêu thơ», và «vô thơ» một cách thâm thúy ?

Xích-Tử bị một đòn gậy ông đập lưng ông đau điếng. Nhưng nhờ van vái mẹ, chàng trấn tĩnh được lòng, rồi phát hứng ra mà nói :

— «Vô thơ» hay «vô sư» gì, danh từ tuy khác nhau, song cũng đồng một nghĩa. Nghĩa ấy là chẳng đọc nơi sách nào, chẳng nghe ai dạy hay nói mà ứng khẩu, bốc đồng, phát ra mà nói. Dùng tiếng trong miền Nam này, ấy là «nói dóc không sách» ! Về cái khoa nói dóc không sách này, Hồ-Hữu-Tường thua đứt tôi xa !

— Thua chỗ nào ?

— Như về khoa học địa lý, ở miền Nam đây, đã thất kỳ truyền cả trăm năm nay, chẳng có một quyển sách lưu hành, chẳng có một thầy diễm huyệt nào có tiếng. Một vài ông nhà giàu, muốn cho con

cháu mình phát, mượn bọn du phang vu vợ, rồi họ nói trắng tin trắng, nói đen tin đen, mà chẳng ai biết mô tê gì mà biết rằng trúng trật. Vậy thì về khoa địa lý, Hồ-Hữu-Tường và tôi đồng nhau ở điểm là cả hai đều vô sự vô thơ, đều là dốt đặc cán mai cả. Song khi phát ra nói dốt, thì họ Hồ thua tôi một cửa tứ.

— Bạn tôi thua ông về chỗ nào đâu ?

— Họ Hồ chỉ biết bập bẹ phần thứ nhất của khoa địa lý thuộc về thiên «âm phần», nghĩa là thiên nói về sự lựa chọn huyết thể nào, để đặt quan tài vào, thì con cháu sẽ phát hoặc sẽ rụi, và nói về sự ếm mồ mả thể nào cho con cháu đương phát lại sẽ tàn tạ...

— Điều này có không ?

— Có chớ ! Như trước kia, mộ của Ngô-Đình-Khả đặt vào chỗ phát thì các con bọc phát. Ngô-Đình-Diệm làm tổng thống. Ngô-Đình-Nhu làm cố vấn, Ngô-Đình-Cần làm lãnh chúa, Ngô-Đình-Thục làm tổng giám mục, Ngô-Đình-Luyện làm đại sứ. Đến như đám nhái con là Ngô-Đình - Lệ - Thủy cũng mặc đồ phụ nữ bán quân sự mà làm thủ lãnh. Rồi bên phe cách mạng có người giỏi địa lý ếm

mộ Ngô-Đình-Khả, mộ này bị ếm liền bị sét đánh. Bọn Ngô-Đình giấu việc ấy mà toàn dân thấy đều hay. Quả nhiên cách đó không bao lâu, ba anh em Diệm, Nhu, Cần bị chết mà xác không đặng toàn. Thục và Luyện và đám cháu nội Khả lưu vong, trốn đời khó trở về đất Việt. Rõ ràng là những thầy địa lý kẻ biết chọn huyết mà chôn Ngô-Đình-Khả, kẻ biết ếm huyết nọ mà hại bầy con cháu, thấy đều là kẻ sành thiên «âm phần» của khoa địa lý. Tôi chỉ đơn cử một trường hợp làm ví dụ. Trong lịch sử nước tôi, thiếu chi sự kiện có thể dùng mà dẫn chứng cho sự hiệu nghiệm của khoa địa lý này. Song thiên «âm phần», thì là thiên đầu, cũng như vào học toán, phải học bốn phép tính và đo lường vậy.

Thompson hỏi :

— Còn nếu vượt lên cao nữa, thì còn có gì?

— Vượt lên nữa, hãy còn cái khác, mà lão học không thiệt nào có biết đâu ! Vượt lên thiên «âm phần», hãy còn thiên «dương cơ», cũng như vượt lên toán hạ đẳng của các lớp tiểu học, thì còn có thứ toán của sơ đẳng của ban Trung học, nào Đại số học, nào Hình học, nào Cơ học v.v.

— Dương cơ là gì ?

— Nếu âm phần là huyết để chôn xác người chết, thì dương cơ là nền nhà mà người sống phải ở để tránh bệnh tật, làm ăn phát đạt và con cháu sung túc. Phần đông thầy địa lý chỉ học được thiên thứ nhất, mà chẳng biết có thiên thứ hai này. Kẻ đạt đạo mới biết. Mà tôi chắc chắn rằng Hồ-Hữu-Tường đốt đặc cán mai về thiên dương cơ này.

— Còn trên thiên dương cơ này, hãy còn thiên nào nữa không ?

— Còn chớ. Triết lý phương Đông dựa vào nguyên tắc : thái cực sanh lưỡng nghi. Đã có thiên âm, thiên dương, là hai thiên thuộc về lưỡng nghi rồi tất nhiên phải có thiên thuộc về thái cực. Thiên này gọi là thiên « thái hòa ». Sánh với hai thiên kia, không khác nào Toán học cao đẳng sánh với Toán học sơ đẳng và hạ đẳng. Huyền huyền, ảo ảo, thiệt thiệt, hư hư, bao tàng then máy của trời đất, hô hấp vận khí của vũ trụ. Hồ-Hữu-Tường làm gì mà hiểu nổi ? Ông tưởng hẳn ta là thông kim bác cổ, tìm làm bạn với hẳn ta, để có không biết chi thì đến hỏi. Thật là hoài ! Ông có biết vì sao người ta ghét họ Hồ không ? Có gì là khó hiểu ? Hẳn đốt như con bò u, mà mở miệng

thì làm như mình là nhà bác học, đòi làm thầy thiên hạ. Nèn người ta ghét, là dĩ nhiên. Đến như con công phùng xòe đẹp kia mà muôn loài chim đều không ưa, huống chi hẳn ta dốt mà làm phách ?

Thompson nghe Xích Tử xài nặng họ Hồ như vậy, thì thấy hơi khó chịu, nèn lái câu chuyện sang hướng khác và hỏi :

— Ông Xích Tử nói Hồ-Hữu-Tường chưa hiểu nổi thiên «thái hòa». Vậy, chứ ông có biết chăng ?

— Biết mới thốt, chứ nếu không biết thì dựa cột mà nghe ! Hai thiên âm phần và dương cơ chỉ có ảnh hưởng đến một dòng họ thôi. Còn thiên thái hòa là thiên của khoa địa lý có ảnh hưởng đến một dân tộc, một văn minh. Như trong lịch sử nước tôi, Đinh-Bộ-Lãnh đóng đô ở Hoa-Lư, ấy là chọn một «dương cơ» cho một dân tộc. Nhưng đất Hoa-Lư không vượng, mà họ Đinh đâu có bền ? Sư Vạn-Hạnh là bậc học lão thông, vạch cho nhà Lý đóng đô ở Thăng-Long mà từ ấy dân tộc Việt phồn thịnh suốt mấy trăm năm. Hồ-Quý-Li cũng biết chút ít thiên thái hòa, nèn toan dời đô về Thanh-Hóa, mà chưa kịp. Vua Quang Trung cũng là bậc anh quân, toan dời đô về Nghệ-An, mà số trời chưa cho nhà Tây-Sơn hưởng.

Thompson gật đầu, dường như hé thấy phần nào. Xích-Tử thấy đã bắt mối được, đánh đòn thêm :

— Đến như gần đây, sau khi Bảo-Đại chọn Sài-Gòn làm thủ đô, thì là làm một sự dốt nát rất tai vạ. Bảo Đại chọn Sài-Gòn làm thủ đô bắt buộc quân đội viễn chinh Pháp đặt Cao ủy phủ ở Sài-Gòn. Nào hay đâu, dựa vào những nguyên tắc địa lý trong thiên thái hòa, đặt thủ đô tại Sài Gòn là làm một việc mà chẳng một thầy địa lý rành nghề nào dám làm cả. Cao ủy phủ Pháp đóng đô ở Sài-Gòn, thì tám mươi năm công lao của thực dân bị tan ra khói. Bảo-Đại đóng đô ở Sài-Gòn chỉ mấy năm, thì nhà Nguyễn bị truất phế luôn. Ngô-Đình-Diệm đóng đô ở Sài-Gòn chỉ chín năm, mà chết không toàn thây. Nói theo các ông tướng chẳng một ai nắm vững chánh quyền. Nay, ông Thompson, thằng Xích-Tử này chưa gặp thời. Chớ nếu gặp thời, thì tôi hạ lệnh lập tức thiên đô.

Tràng lý luận danh thép của Xích Tử làm cho Thompson cảm thấy rằng nền học của mình dựa vào khoa học thật là thiếu sót. Bèn hỏi :

— Chẳng hay ông Xích-Tử chủ trương dời kinh đô của nước Việt-Nam Cộng hòa đi đâu ?

Xích-Tử thấy có dịp trả thù lại Hồ-Hữu-Tường, nên nói móc.

— Nhà học không thiết ấy đã đưa ra một tràng lý luận, để chứng minh rằng chẳng nên trả cho tôi một đồng đô la nào. Ý muốn nói rằng sở học của tôi không có giá trị chi ráo. Chỉ một câu hỏi của ông cũng đủ chứng minh rằng sở học của tôi có giá trị rồi. Đủ hả dạ tôi rồi. Tôi chẳng cần đòi một đồng đô la nào cho riêng tôi. Nhưng ông cũng biết, ở xứ tôi, dầu làm thầy pháp, thầy bói, dầu làm thầy nghề võ hay dạy thợ, các thầy không ăn tiền, nhưng thân chủ phải cúng tổ, cúng tổ xong, tiền cúng thầy bỏ túi, thì công việc mới có kết quả. Bằng không, tổ không phù hộ, muốn trắng thì được đen. Khoa địa lý của tôi cũng có tổ như các khoa khác. Nãy giờ nói chuyện với ông ba hoa cả trời đất, ấy là nói chơi. Ấy là dặt ông đạo vành ngoài. Còn nếu Hoa-Kỳ muốn bước vào đề, bước vào vành trong, thì Hoa-Kỳ phải cúng tổ. Tôi không ăn tiền công, nhưng theo tục lệ của ông bà để lại, tôi chỉ bỏ túi tiền tổ mà thôi.

Thompson nhin cười không được, cười ha hả nói :

— Tôi nghiên cứu sử, có biết phong tục ấy của người Việt. Tôi buồn cười quá. Ăn tiền công, và bỏ tiền cúng tổ vào túi, có khác nhau chỗ nào đâu ?

Xích-Tử cũng cả cười đáp :

— Khác nhau nhiều lắm chớ ! ông mượn một người thợ mộc sửa một cái kệ để sách, rồi ông trả tiền công. Cử chỉ ấy có nghĩa là ông cho ông là cao hơn, là kẻ giàu có tiền, ông trả cho người thấp hơn ông, phải bán sức lao động để có cơm ăn. Còn ông cúng tổ, rồi ông thầy bỏ tiền cúng tổ vào túi, lại có ý nghĩa khác hẳn. Cúng tổ, ấy là dấu hiệu ông đã nhập vào một tôn giáo nhỏ, mà ông tổ ấy là giáo chủ. Ông trở nên một tín đồ, hoàn toàn tín, hoàn toàn sùng bái đạo nọ. Còn ông thầy không phải là người bán sức lao động để mưu sinh ông thầy thay mặt giáo chủ mà hành lễ, rồi thay mặt giáo chủ mà làm phép lạ. Hoa-Kỳ không tin khoa địa lý, Hoa-Kỳ mượn bao nhiêu, tôi cũng không thêm chỉ cho cách thiên đô, để cho Sài Gòn đây lục đục nổi lục đục, đảo chánh nổi đảo chánh. Sài Gòn bị náo hoai. Suốt mấy tháng nay, độc giả của Ý-Thừa cứ viết thư hỏi sao chưa thấy Tiêu-Phi-Lạc náo Sài Gòn ở chỗ nào ? Chỗ thân thiết với ông,

tôi xin nói cho ông biết rằng, tôi đã áp dụng thuyết của Lão-Tử, hành cái « vô vi », chẳng thiên di đi chỗ khác, mà tự nhiên, Sài Gòn bị náo mãi. Ông xem, bọn duy vật là Cộng sản hành thuyết « hữu vi » mà ném lựu đạn, gài lát tích, ám sát, rải truyền đơn, mà kết quả có là bao? Tôi thi hành thuyết « vô vi », chẳng làm chi ráo, không một pháp luật nào bắt tôi được, mà Sài Gòn « tự náo » hoài. Bởi vì Hoa-Kỳ không chịu cúng lễ cho xứng đáng, để cho tôi bỏ tiền tổ vào túi.

Chẳng dè thần khẩu hại xác phàm. Xích-Tử nói dóc cho sừng mồm chơi, chẳng dè lời lẽ bị một cơ quan nghiên cứu chiến lược của Hoa-Kỳ ghi và đem ra phân tách châu đảo. Cơ quan này thấy Xích-Tử có những luận điệu lợi hại quá, bèn quyết định giam lỏng mãi chàng. Vì nghĩ rằng, chàng mà « vô vi » kia, mà hãy còn náo Sài Gòn, hưởng hồ là chàng thông thả mà hành động tung hoành. Rõ ràng, Phật pháp đã chứng minh, khẩu nghiệp của chàng làm cho chàng lâm vào Tru tiên trận, khó thấy thế nào thoát ra cho nổi.

Còn Thompson đứng trước hai lập luận, một bên thì của Hồ-Hữu-Tường, chủ trương không nên thay đổi gì cả, mồ mả của ông phó bảng Huy cử

đề êm, một bên thì của Lê-Xích-Tử, chủ trương nên làm một cuộc thay đổi vĩ đại là việc thiên đô, Thompson chẳng biết tinh lễ nào. Bèn lại máy tính điện tử, bấm nút mà hỏi. Máy chạy cả giờ đồng hồ, mà tính không ra, rồi tấm thẻ lọt ra có ghi mấy dòng chữ này : « Vấn đề địa lý huyền vi vô cùng, máy tính điện tử không sao lường được ».

Đây nói về hai mươi tám nàng, khi lập tâm cầu cơ để hỏi tiên về kế hoạch nào để phá Tru tiên trận mà cứu Xích-Tử, thì bàn với nhau nên nhờ đàn cơ nào. Cẩm Nhung nói :

— Nghe nói trong Gò Vấp có một đàn thường bày ra việc cầu cơ. Nhưng gần đây, báo chí có đăng việc ông pháp chủ lão tẹo thế nào đó. Tôi sợ e đàn cơ hết linh thiêng. Còn có một đàn cơ khác, mười mấy năm trước nghe nói rất linh. Thiên hạ đến viếng kẻ cả mấy vạn người. Nhưng hoạt động trong sáu tháng thôi, thì đàn cơ ấy đóng cửa, chẳng giúp cho công chúng nữa, song năm khi mười họa, gặp ai có « linh căn » thì cũng hé cho thấy chút bí mật.

Mẫu đơn tiếp lời nói :

— Điều ấy tôi biết. Đàn cơ này, trước kia hoạt động dưới mái một nhà lá nhỏ. Gần đó, sau này

có cất một ngôi chùa to, đặt tên là Hồng Môn. Hồng Môn là tên một giáo hội, mà giáo chủ là một nữ thi sĩ, tôi không biết tên họ gì, nhưng thường ký tên những bài thơ của mình là Hồng Tâm Trúc Lâm Nương. Vậy chúng ta sửa soạn, để tối nay, tổ chức một buổi cầu cơ tại chùa Hồng Môn.

Các nàng đồng tinh, tối mừng một tết, vừa khuya khuya đến chùa Hồng Môn mà yêu cầu mở một đàn cơ, để xin tiên chỉ giáo phương pháp nào để cứu Lê Xích Tử. Nghe nói đến tên Xích Tử, chủ chùa có cảm tình ngay và lấy một số *Văn*, đọc một bài bất cứ. Rằng:

*Tất cả thần tiên thấy mến ta !
 Vì chúng vạch được một đường hòa.
 Cõi trời Đâu Suất ai còn ở ?
 Về với trần gian hiệp chánh tà.
 Toang mở Hồng Môn, thâu xích bạch.
 Đắp xây Minh Đạo, hội Long Hoa.
 Nêu câu bất chiến người an lạc,
 Rày hội Thanh Bình, nhớ lấy đ !*

Rồi chủ chùa nói tiếp :

— Từ khi tôi đọc được bài thơ này, thấy Xích Tử nuôi chí lớn, nên trong khi tham thiền nhập

định, tôi dùng diêm linh quang của tôi mà soi khắp võ trụ, để xem chàng ở đâu mà sao không sớm xuất thế. Mới hay ra chàng bị dán bùa. Người đã vạch con đường hòa, mà lẻo đẻo mắc vào vòm tranh đấu. Đã đành không phải tranh đấu bằng súng, bằng gươm, bằng hơi ngạt, bằng quần chúng. Song tranh đấu bằng lý thuyết, bằng tư tưởng, cũng là tranh đấu rồi. Bởi tranh đấu nên sa đọa vào biển trầm luân của thời này, mà mắc vào Tru tiên trận. Tội nghiệp thay ! Tội nghiệp thay !

Mẫu Đơn nói :

— Chúng tôi xin bà lấy lòng từ bi, tổ chức một dàn cơ, mà cầu bà Âu Cơ giáng bút mà chỉ đạo cho chúng tôi hành động.

— Trước khi các em đến, tôi được linh tánh báo trước. Song, cầu được bà Âu Cơ không phải là dễ. Hai mươi tám em, mạng chỉ là mạng của nữ tướng. Không có ai mạng nguyên hung. Phải có cái người có cái mạng nguyên hung đứng làm chủ lễ, hai mươi tám em đứng sau mà bồi lễ, thì mới đủ lòng thành. Chừng ấy ơn trên mới giúp được.

Tường Vi hỏi :

— Bà có thể nào giúp chúng tôi tìm được vị nguyên hung ấy chẳng ?

— Đặt vấn đề, ấy là giải quyết được vấn đề. Năm 1955, có hai mẹ con người đó, nhà ở xóm Nancy. Nhơn có cuộc máu lửa ở đô thành, nhà bị cháy, hai mẹ con chạy hoảng lên Bà Chiểu đây mà lánh nạn, không biết vào nhà ai, nằm dưới gốc cây da ở trước đền thờ Tả quân mà ngủ, đêm khuya, tôi ngồi trên lầu mà thiền định. Tháng ấy đâu có mưa mà lạ thay, sao có một cái mống mọc giữa ban đêm từ ở gốc cây da mà xẹt vòng khắp bầu trời. Tôi liền đến nơi mà xem, thì thấy một cái xác của một người đàn bà chết cũng đã khá lâu. Bên cạnh thì có một đứa con gái nhỏ. Tôi ẵm đứa nhỏ về nuôi trong chùa. Hỏi họ nó, nó không biết. Hỏi tên nó, nó nói một tên không nghĩa lý gì cả là Hai. Nhơn thấy mống đẹp mà gặp nó, nên tôi đặt pháp danh cho nó là Diễm Hồng. Từ mười năm nay nó ở chùa mà tu luyện. Bởi không có khai sanh, nên tôi chỉ cho nó học hết ban tiểu học mà thôi. Rồi tôi dạy nó làm thơ, viết văn và rèn luyện cho nó có một tinh thần cứu thế. Tôi soi căn cho nó, không biết tiền kiếp của nó là gì. Chẳng phải thú, chẳng phải người, chẳng phải tiên, chẳng phải phật. Hư hư, ảo ảo, thiệt thiệt, không không. Một hôm tôi ra đề cho nó làm thơ chữ, mà bốn chữ đầu bắt buộc phải là Bửu Sơn Kỳ Hương. Tuy không rành chữ

Nhờ bao nhiêu, song nó đã ráp được hai mươi tám chữ thành bài thơ sau đây, đọc xuôi, đọc ngang, thấy đều có ý nghĩa. Tôi thấy bài thơ có khẩu khí, nên học thuộc, để đọc cho hai mươi tám em nghe. Thơ rằng :

*Bửu ngọc Tiên Long phục Việt nguyên,
Sơn trung Phật ần Thái U huyền.
Kỳ quang tái hiện Bình minh hội.
Hương xuất lâm Nam Quốc đạo truyền.*

Bài thơ bốn câu bảy chữ này, đọc xuôi thì như vậy. Còn đọc ngang thành một bài bảy câu bốn chữ là :

*Bửu Sơn Kỳ Hương
Ngọc Trung Quang Xuất
Tiên Phật tái lâm
Long ần hiện Nam
Phục Thái Bình Quốc
Việt U Minh đạo
Nguyên huyền hội truyền*

Xem khẩu khí cả hai bài, tôi thấy khẩu khí ấy phát tiết một văn tâm vô cùng thích hợp với hoàn cảnh nước nhà, nói được cao vọng của người Việt cả đạo lẫn đời. Hai mươi tám em, là hai mươi tám

chữ của bài thơ trên. Nhưng bài thơ nào cũng cần có một tiêu đề, thì hai mươi tám em cũng cần có một thủ lĩnh, một nguyên nhung. Nói một cách khác, mỗi em là một nhạc công, sử dụng một nhạc khí. Mà buổi hòa tấu có hay được, thì cần có một nhạc trưởng. Tôi thấy rằng Diễm Hồng xứng đáng làm vị thủ lĩnh, làm đấng nguyên nhung, làm người nhạc trưởng. Chẳng hay ý các em ra sao?

Muốn biết hai mươi tám nàng trả lời thế nào, xin xem đến hồi sau phân giải.

HỒI THỨ CHÍN

*Mở cửa Hồng cho Thompson viếng
Trở Minh Đạo luận việc âu ca.*

Đây nói về hai mươi tám nàng, khi nghe bà chủ chùa Hồng Môn, đề cử một nàng khác làm thủ lãnh của mình, thì phản ứng đầu tiên là thấy tự ái mình bị chạm. Đường đường mình là sanh viên ở một Viện Đại Học. Trong làng văn, ít nữa là có một đôi uy tín. Nay hạ xuống mà lãnh sự chỉ đạo của một nàng, có lẽ tuổi nhỏ hơn, học vừa hết ban tiểu học, rồi mấy năm nay ở am mà tu luyện, chẳng biết đời là gì, thì các cô thấy thèn thẹn, tủi tủi, hơi ganh tị một chút. Nhưng đến đây mà cầu tiên giáng cơ dạy dỗ, cũng không biết trả lời làm sao. Chủ chùa nhìn dáng điệu các nàng, đón biết tâm sự, nên nói :

— Bất cứ trong đoàn thể nào, chất keo sơn hàn gắn phần tử khăng khít với nhau, không phải là tình thương của các phần tử đối đãi nhau, mà chính là lòng các phần tử phục người thủ lĩnh chung của mình. Các em cứ xem các chánh đảng, các giáo hội. Các em sẽ thấy điều ấy rõ như ban ngày. Thủ lĩnh còn, thì tổ chức được nhứt trí. Thủ lĩnh mất đi, mà chưa mọc được một chơn tài khác, thì năm bảy vị cán bộ cận thân, cá mè một lứa, chia đoàn thể ra làm năm bảy hệ phái, chống đối nhau, hãm hại nhau, kéo sang đông, lôi qua tây, xô đi tới, đẩy thối lui, mà rốt cuộc chẳng ra trò chi ráo.

Các nàng chưa kịp thốt chi, thì từ trên gác, khoan thai bước xuống một nàng trạc mười bảy mười tám tuổi, gương mặt trái xoan, nước da trắng hồng, đôi mắt lớn mà tròn, tròng đen có ngời, mũi cao mà thẳng, tóc thề bỏ xỏa, mặc áo đạo cô màu hường lợt, tay rất rộng và dài che khuất mất hai bàn tay. Thật có vẻ tiên phong đạo cốt. Nàng hé miệng cười, bày hàm răng đều như hột bắp và nói :

— Em là Diễm-Hồng, xin chào các chị. Lời của thầy em thật là chí lý. Một đàn cừu do một con sư tử lãnh đạo, thì tranh đấu ắt thành công.

Một đàn sư tử do một con cừu cầm đầu, thì chỉ cắn lộn lẫn nhau mà không thành chi cả. Vậy tối đại vấn đề là ta xét cho kỹ cái ta. Xưa Tôn-Tử đặt vấn đề tri bỉ trước vấn đề tri kỷ. Em cho rằng phương pháp ấy là lầm. Trước phải đặt vấn đề tri kỷ, giải quyết nó cho chình chắn rồi, mới có đủ tư cách mà xét lại vấn đề tri bỉ. Về điểm này, thiên hạ cho Khổng-Khưu là lỗi thời, song em thấy rằng đặt vấn đề tu thân trước tề gia, tề gia trước trị quốc, trị quốc trước bình thiên hạ, ấy là cũng cố cái hạch tâm trước, sau mới phân phát công việc hường ngoại. Vấn đề chọn em làm thủ lĩnh là vấn đề rất phụ thuộc. Vấn đề chánh là đưa người có tài, có tri, có đức, nhất là có chí lên cầm đầu, để cho tất cả đều phục... Các chị đến đây, nhờ thầy em cầu tiên giáng cơ dẫn dắt. Nhưng em nghĩ, việc cầu cơ đâu phải là việc khó? Bất cứ ai, có lòng thành, bày hương hoa, lập bãng có đủ mẫu tự và một mảnh gỗ chạy lui tới được, rồi hai người đặt tay lên gỗ để truyền điển vào, cho nó chạy chỉ chữ, thì là lãnh được ý tiên. Người phạm lãnh ý tiên, điều đó còn quan niệm được. Nhưng, ví như hai mươi tám chị thấy đều là tiên, thì các chị lãnh ý ai, mà cầu cơ?

Câu hỏi đột ngột của Diêm-Hồng làm cho các nàng ngơ ngác. Vì như các nàng là tiên, thì các nàng muốn thỉnh lời chỉ giáo của ai? Mâu đơn thấy chị em lúng túng, mà chính mình cũng chưa thấy rõ vấn đề, nên nói cường:

— Cô em Diêm-Hồng đặt vấn đề phương pháp như vậy rất trùng cách. Nhưng ở nơi căn bản, có một nghi vấn to tát. Bằng vào đâu mà bảo rằng chị em chúng tôi là tiên?

Diêm-Hồng quơ tay, tay áo phất tròn, rồi tuột xuống, bày ra một bàn tay nõn nà, mấy ngón cuốn lại, chỉ chừa ngón trỏ chỉ lên không trung. Và nói:

— Các tôn giáo lớn đều đặc biệt chú ý đến thời đại chúng ta. Đạo Ki-tô bảo rằng sắp đến ngày «Phán xét cuối cùng». Đạo Phật cho rằng sắp đến ngày mở Hội Long-Hoa. Cái đạo mà có uy tín nhất trong thời đại của chúng ta, là cái đạo Khoa-Học, lại dạy rằng chúng ta bước đến ngưỡng cửa của thời nguyên tử... Mỗi đạo nói mỗi khác. Mà cái ý chánh phảng phất giống nhau. Cái ý chánh ấy là sự «cứu thế». Tinh thần cứu thế ấy thẳng được, là hơn loại sẽ tồn tại và cùng nhau bước sang ngươn Thanh-Bình. Còn lực lượng «diệt thế» mà hơn, thì

dự tri của Jésus, bảo rằng có «Phán xét cuối cùng» là đúng. Em «soi căn» các chị, em thấy các chị vốn là các đóa hoa trên cõi trời Đâu-Suất, tuy xuống thế không gì mục đích cứu thế, song cũng vốn là tiên...

Tường-Vi ngắt ngang nói :

— Bằng vào đâu, mà cô em Diễm-Hồng lại quá quyết điều ấy ?

Các nàng thấy hoan nghinh cách đặt câu hỏi trúng phép ấy, và ngóng xem Diễm-Hồng trả lời làm sao. Nàng từ từ đáp :

— Hơn một năm nay, ngày nào em cũng đọc mấy chục tờ báo và dõi theo tiểu thuyết do các chị viết, cũng như của người khác viết. Người thường nói : «Văn ấy là người». Em bỏ sung vào mà nói rằng : «Văn tâm của một tác giả cho ta biết cái tiên thiên» của tác giả. Và đọc văn của người là «soi căn» của người vậy. Các chị không nịnh nọt dục tính của thanh niên, mà tả cảnh phòng trà, mà gọi những cuộc chơi ở các hộp đêm, mà vẽ vờ những trò thoát y vũ, mà lời cuốn đọc giả trong cuồng loạn của các truy hoan do ma vương điều khiển. Văn của các chị thanh thoảng mùi thơm của hoa, phảng phất cái đẹp của hoa, trình bày một văn tâm siêu

thoát. Ấy là các chị có một tiên thiên là nàng tiên rồi. Cũng như sen mọc trong bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, các chị sống trong cảnh ô trọc của vật chất mà không hoen ố của vật chất. Kể vui thú trong hôi tanh ấy là ma đầu thai vào đời, lãnh lệnh của Quỷ vương. Còn các chị vốn là tiên, nhập thế để giúp cho thiện thắng ác, cho thanh thắng ô, cho chánh thắng tà.

Hạ-Liên nói :

— Cô em bảo như vậy, thì lấy đâu làm bằng cớ?

— Thưa các chị, bằng cớ là thái độ của các chị. Ngày xưa, Jésus lâm nạn, người ta đến cầu thống đốc của xứ là Ponce Pilate can thiệp mà cứu giùm. Ponce-Pilate chẳng có thiện căn, gác việc nghĩa một bên, đi rửa tay để tỏ lòng mình không dính dáng chi đến việc người Do-Thái hành hạ Jésus ấy. Ngày nay, Xích-Tử lâm nạn, mắc vào tru tiên trận. Vừa bị nhốt vào hang đá, lại kẹt trong binh dinh. Phần đông bắt chước theo dân Do-Thái của thời xưa, mỗi người một tay, ví chàng vào trận. Còn một số bắt chước theo Ponce-Pilate, rửa tay sạch đứng ngoài mà nhìn. Chỉ có các chị, tuy là gái, mà «kiến nghĩa bất vi vô dũng giả» các chị lo lắng mà cứu

hắn. Đó là những bằng cớ rằng các chị có thiện căn, các chị là tiên đầu thai xuống phàm mà hành cái hạnh cứu thế.

Búp thiệt thà, hỏi :

— Còn em ?

— Còn em à ? Pháp danh của em là Diễm-Hồng, nghĩa là cái mống đẹp. Các chị là hoa. Nhờ cơ cây thanh mậu, mà hoa mới nở, mới đẹp. Mà muốn cho cỏ cây thanh mậu, phải tưới nước. Trong thiên nhiên, tưới nước ấy là do mưa. Khi nào có mưa, những giọt nước nhỏ lơ lửng trên không trung, ánh thái dương rọi vào, bị phản chiếu lại, thì ở xa nhìn, thấy mống hiện. Vậy mống là dấu hiệu của mưa, là báo điềm rằng cây cỏ được tưới, là mách trước rằng hoa sẽ trở xinh tươi. Nói một cách nôm na, các chị sẽ hiện sinh hoàn toàn bản thể của các chị, khi nào em vừa giúp các chị đó.

Lại xen vào hỏi :

— Em nói vậy, phải chăng em khuyên chị không nên cầu cơ à ?

— Đúng vậy ! Lẽ thứ nhất, em đã nói rồi. Các chị là tiên, còn ai là trên các chị nữa mà có thể dạy các chị được ? Chẳng qua đầu thai vào phàm

tục, các chị lủ đi mà thôi. Chỉ cần vén mây mù, thì các chị sẽ thấy rõ hướng đi. Lẽ thứ hai là «mưu bất khả chủng». Bày ra cầu cơ, hai mươi tám chị thấy đều biết, rồi thiên hạ cũng sẽ biết. Thiên cơ đã lậu. Làm sao mà việc được thành? Điều cốt yếu là mỗi chị chỉ biết một bộ phận nhỏ của guồng máy thôi và cố gắng làm cho xong phần của mình. Các bộ phận ráp lại, ta có cả guồng máy.

— Em có thể cho biết cả guồng máy ra sao, còn mỗi bộ phận ra sao chẳng?

— Về chi tiết, em không có quyền tiết lộ. Nhưng về đại thể, em có thể nói được. Lúc nãy ở trên lầu, em có nghe thầy em đọc bài thơ hai mươi tám chữ và nói các chị rằng mỗi chị ứng vào một chữ. Mỗi chị có thể hiện được một chữ của bài thơ, ấy là các chị thể hiện trọn bài thơ rồi.

Búp ngây thơ hỏi :

— Lúc nãy nghe đọc bài thơ, chị nghe mà chưa hiểu nổi. Chẳng hay ý nghĩa nó ra sao?

Diễm-Hồng lại ngồi dưới đất, hai chân tréo nhau theo lối kiết già, bàn tay trái lật ngửa, đặt lên chơn, bàn tay phải sè ra, để thẳng đứng trước ngực, ra dáng điệu một người thuyết pháp. Và khởi sự.

Hai mươi tám nàng ngồi chung quanh nghe im phăng phắc. Máy ghi âm của cơ quan tình báo CIA đã thâu vào cuộn băng nhựa lời thuyết pháp của Diễm Hồng và trao cho sử gia Thompson nghiên cứu.

Đây nói về Thompson. Khi nghe xong lời, thuyết pháp của Diễm Hồng thì càng băn khoăn hơn nữa. Một mặt, Hồ Hữu Tường chủ trương không làm gì cả, chẳng ếm mỡ mả của cụ phó bảng Huy làm gì cho thất công. Một mặt Lê Xích Tử chủ trương phải thiên đô, bằng không, thủ đô đặt tại Sài Gòn thì trong nội bộ xào xáo hoài, không làm ăn gì được. Bây giờ lại nghe thêm một luận điệu thứ ba nữa của Diễm Hồng, rút trong những bí truyền của lịch sử Phật giáo, mà đề xướng việc lập một nền văn minh trên lưu vực sông Cửu Long. Và khi thuyết pháp xong, Diễm Hồng có tuyên bố rằng nàng đã thảo xong một bức thư cho cựu đại sứ Cabot Lodge. Thompson muốn biết nội dung bức thư ấy như thế nào. Không lẽ tổ chức cho người trà trộn vào chùa mà ăn cắp, bèn nghĩ ra một kế, là tự mình đến chùa Hồng Môn, đề nghị với Diễm Hồng lãnh thư mà dịch dùm ra tiếng Anh cho. Tình xong, sử gia đến viếng chùa, và xin gặp Diễm Hồng, nói :

— Tôi xin vào đề ngay. Tôi là một sử gia. Tôi nghe đạo cô có thảo xong một bức thơ bằng tiếng Việt cho cựu đại sứ Cabot Lodge. Tôi nghĩ rằng bức thơ ấy có ảnh hưởng đến lịch sử nước này, nên tò mò muốn biết. Một mặt khác, đạo cô làm thế nào cũng thuê người dịch ra tiếng Anh. Tôi e người dịch không lãnh hội ý của đạo cô, mà dịch sai nghĩa đi. Tôi lại e thêm rằng người dịch ấy bị Việt Cộng mua chuộc mà bản dịch lại bị đối phương biết được. Nên tôi đề nghị thẳng với đạo cô giao cho tôi dịch dùm cho. Dịch đạt ý, không sợ một người nào khác biết được bí mật của đạo cô.

Diễm Hồng mừng rỡ, đi tìm một xấp giấy mà trao cho Thompson. Sử gia Hoa kỳ nhận lấy, bỏ vào túi rồi hỏi :

— Tôi tò mò nên đặt một câu hỏi, xin đạo cô vui vẻ đáp. Đạo cô dựa vào truyền thống nào mà có ý nghĩ viết bức thơ này ?

Diễm Hồng đáp :

— Tôi tu theo phái Hồng Môn. Mà như sử gia biết phái Hồng Môn là một phái nhỏ trong đạo Bạch Liên Giáo, xuất hiện bên Tàu vào thời nhà

Nguyên và ảnh hưởng rất sâu mạnh vào lịch sử nước Tàu, từ thời ấy cho đến loạn Quyền Phỉ vào đầu thế kỷ XX này, tức là ngót ngàn năm vậy. Phần công truyền của Bạch Liên Giáo, ai cũng có thể nghiên cứu mà biết được. Phần công truyền dạy tin đồ của Bạch Liên Giáo rằng Di Lặc giáng phàm mà chỉnh lại Phật pháp, do đó mà một tôn giáo mới xuất hiện. Ấy là câu « Minh đạo tái sanh ». Còn phần bí truyền, thì phái Hồng Môn gần ngàn năm nay, nuôi nấng phần bí truyền này, cũng như nuôi ngọn lửa thiêng leo lét, người trong phái cố gắng che chở cho nó còn cháy hoài. Sợ e bão táp ở ạt bên ngoài làm tắt đi.

Thompson hỏi :

— Do đâu mà một phái bí truyền ở bên Tàu mà sang qua đất Việt được ?

Diễm Hồng nhìn thầy mình rồi đáp :

— Phàm là bí truyền, tất phải là tâm truyền. Không thể dùng « thơ truyền », viết rõ vào kinh sách, rồi bất cứ ai đọc cũng hiểu, cũng làm theo được. Như vậy còn gì là bí mật ? Cũng không thể là « ngôn truyền », dùng lời nói mà vạch rõ chi tiết. Rủi nói cho người chẳng có tâm đạo nghe, rồi họ phá hoại, thì làm sao ? Bởi thế cho nên, tất

cả phải là tâm truyền, không dùng chữ viết, chẳng dùng lời, mà áp dụng luật tương ứng mà từ cái tâm này truyền cho cái tâm kia vậy.

— Tôi chưa hề nghe nói đến luật tương ứng ấy bao giờ. Xin đạo cô cắt nghĩa cho rõ.

— Vậy mới biết Tây Phương chỉ hơn Đông Phương nơi chỗ khám phá và chế ngự ngoại giới. Còn về nội tâm, nên thú nhận rằng Tây Phương còn hãy học Đông Phương rất nhiều. Này ông Thompson, năm nay là năm kỷ niệm hai trăm năm của nhà thơ Nguyễn Du, mà ông có chịu khó đọc *truyện Kiều* chưa ?

— Có : Tôi đã nhờ ông giáo sư dạy Việt văn cắt nghĩa cho tôi. Và tôi cũng đọc bản dịch ra tiếng Anh.

— Ông thấy như thế nào ?

— Tôi thấy rằng văn chương ủy mị, dài các đọc trong tiếng Việt thì hay mà lồng vào ngoại ngữ như tiếng Anh thì chường. Còn cốt chuyện như lạch nước chảy trong đồng bằng, tinh tiết này nối tinh tiết kia, mà không có éo le, khúc chiết.

— Diễm Hồng trầm ngâm một chập, rồi nói :

— Tôi là đạo cô, tôi không thể nào chấp nhận cái tâm biện hộ sự sa đọa của nàng Kiều từ cảnh khuê các rơi vào giới thanh lâu được. Trường hợp « giảm khinh », bản mình chuộc cha có một sắc thái giả tạo. Độc giả có một tinh thần chỉ trích, chỉ khởi đặt vấn đề : « bản mình nào phải là biện pháp độc nhất ? Tại sao Kiều lại không ước thử biện pháp khác ? »

Đó là về *văn tâm*, Nguyễn Du tự mình cũng thấy chỗ gượng gạo, chỗ đuối lý của *văn tâm* mình, nên núp sau lưng cái *văn tứ* để tránh lời chỉ trích khắt khe. Nguyễn Du, vì tránh cho hậu thế chỉ trích cái *văn tâm* của mình, nên không tự tìm *văn tứ*, mà chỉ dịch một bộ *Thanh Tâm tài nhân* là bộ tiểu thuyết hạng bét của Tàu. Tiếc thay, cái *văn học*, rất có căn bản của Nguyễn Du, cái *văn khi*, rất lưu loát của Tiên Điền, và cái *văn tài* trong xứ Việt đến nay chưa ai hơn, lại đem phụng sự một cái *văn tâm* và một cái *văn tứ* tồi tệ dường ấy. Chẳng khác nào vào đời Đông Hán, tướng tài Trương Liêu, Hứa Chử... lại đi phò một tên gian thần là Tào Tháo...

Thompson chận ngang nói :

— Thưa đạo cô, nãy giờ tôi muốn đạo cô cắt nghĩa cho tôi rõ luật tương ứng là gì. Với mục đích nào mà đạo cô lại phê bình *Truyện Kiều* ?

Diễm Hồng cười hàm tiếu đáp :

— Tôi biết các ông ngoại quốc, khi đọc *Truyện Kiều*, thấy đều có chung một nhận xét như tôi. Tôi cần nói rõ như vậy, sợ e rằng các ông vì chê *văn tâm* và *văn từ* của *Kiều*, các ông lại làm cuộc ngoại suy mà chê luôn những cạnh khía của áng thơ nọ. Bởi vì, chính tôi muốn mượn một vài tình tiết của cái *Văn học* của Nguyễn Du, mà trình cho ông thấy rõ luật tương ứng kia.

— Chẳng hay những tình tiết ấy ra sao ?

— Tôi xin kể. Đạm Tiên là một ả giang hồ, vào làng chơi trong một đô thị đông đảo. Không phải tất cả đàn ông đều mê nàng, đến chơi với nàng, đến tìm nàng mà mua vui, chỉ có một thiểu số mà trong tâm, đã sẵn có một «yếu tố tương ứng». Khi nàng chết không phải tất cả ai đã thương hương tiếc ngọc của nàng, mà thấy giăng tay lo chôn cất cho nàng. Chỉ có một người, mà trong tâm sẵn có một «yếu tố tương ứng», nên mời sắm sanh nẹp tử xe châu. Mộ nàng chôn bên cạnh đường, kẻ qua người lại không biết bao nhiêu, biết chuyện nàng cũng lắm, mà đã có người nào thương xót cho nàng ? Chỉ có nàng *Kiều*, trong tâm sẵn có «yếu tố tương ứng», nên vì sẵn mối thương tâm, mà khóc nàng...

— Đạo cô không cần dân thêm nhiều nữa, tôi đã rõ cái học sâu rộng của Nguyễn Du đã làm cho thi sĩ bày ra cái luật tương ứng cách rõ ràng. Nhưng tôi vẫn chưa hiểu đạo cô muốn dắt tôi đến đâu ?

— Tôi nào có muốn dắt sử gia quanh co trong mê ly đồ mà sử gia sợ lạc ? Tôi chỉ muốn dắt sử gia đến câu trả lời cho vấn đề mà sử gia đã đặt. Do đâu mà một phái bí truyền ở bên Tàu mà lại sang qua Việt Nam được ? Số là vào năm 1948, ở xứ ta có một người, gì cũng biết phớt vài nét, thấy gì cũng dùng giọng trào phúng mà chế diễu chơi. Người ấy biết bên Tàu có phái Hồng Môn tin tưởng rằng cuối đời Hạ Ngươn, Di Lạc giáng trần để cứu thế. Cứu thế đâu chẳng thấy, mà thấy Cộng sản của Mao Trạch Đông tràn lan, đem thuyết vô thần mà diệt tất cả tôn giáo, kể cả phái Hồng Môn. Vì vậy mà người ấy đem cả phái Hồng Môn bên Tàu ra mà chế nhạo. Nào hay đâu, ở xứ Việt chúng tôi, có người sẵn có « yếu tố tương ứng » trong lòng. Chỉ nghe hai tiếng Hồng Môn, mà tâm đạo bừng tỉnh. Do đó mà bí truyền của phái Hồng Môn bên Tàu được « tâm truyền » sang qua đất Việt.

— Có điều mà tôi muốn biết, là đạo cô vốn là là một tu sĩ, mà đạo cô gửi thư cho ông Cabot Lodge làm chi ?

Diễm Hồng đáp :

— Ông là sử gia, chắc ông biết rằng về đời nhà Nguyên, quân Mông Cổ chiếm cứ nước Tàu, đặt dân tộc Tàu dưới ách đô hộ, nhờ có Bạch-Liên-Giáo xuất hiện, tạo một ý thức hệ cho dân Tàu, làm cho dân chúng Tàu nổi lên dấy loạn tứ phương. Châu-Nguyên-Chương thừa hưởng cuộc dấy loạn của dân chúng mà đánh đuổi được quân Nguyên, và lập nhà Minh. Lùi lại mấy trăm năm, lịch sử diễn lại phảng phất có nhiều nét giống thuở trước. Đế quốc cộng sản ngày nay trùm từ Âu sang Á, giống như đế quốc của Mông-Nguyên. Cộng sản lại xâm lấn đất đai chúng tôi, càng khác nào Thoát-Hoan, Toa-Đô đánh Trần vậy. Thì nay cũng như xưa, lịch sử cần có một Trần-Quốc-Tuấn để chuyển chiều của lịch sử, cần có một thứ Bạch-Liên-Giáo mới để giải phóng nước Tàu khỏi chủ nghĩa Mác — Lê. Tôi tưởng rằng tất cả máy tính điện tử của Hoa Kỳ cũng chưa thấy vấn đề. Tôi tin rằng trong một trăm tám mươi triệu dân Hoa Kỳ, trừ ông Cabot Lodge, chưa ai quan niệm nổi biện pháp mà tôi đã thấy.

Thompson nghe Diễm-Hồng chê như vậy, tự ái bị chạm nặng, bèn không nói chuyện với nàng con nít ấy nữa, và day qua hỏi bà chủ chùa :

— Nghe nói nhờ tâm truyền, bà hiểu được bí truyền của phái Hồng-Môn. Bà có thể nào cho tôi biết được sự hiểu ấy như thế nào chăng ?

Chủ chùa chậm rãi đáp :

— Một cái bí mật mà đến lúc sắp thực hiện nó, thì ai cũng đều biết cả.

Tưởng không còn giấu kín nữa làm chi. Chỉ có hai chữ Hồng-Môn, mà mười bảy năm trước đây, đã giúp cho tâm linh tôi thông cảm với bí truyền của phái tôn giáo bí hiểm nhất của nước Tàu. Bởi chữ hồng, theo chữ Tàu, có nhiều cách viết thứ nhất là hồng là họ tổ tiên của người Việt, là họ Hồng-Bàng. Từ đó mà suy ra phái Hồng Môn là phái mở cửa cho dòng giống Việt bước vào lối dẫn dắt cho loài người...

— Chà ! Bà nói sao mà đề cao dân tộc bà quá vậy ?

Chủ chùa hàm tiếu đáp :

— Tôi không đề cao dân tộc tôi. Mà thật ra, chính là lịch sử đề cao đó ! Ông nghĩ coi ! Dân tộc chúng tôi mà giải quyết/đón thỏa được chuyện

riêng của nước nhà, ấy là cứu thế giới. Không được vậy hai khối cộng sản và tự do choảng nhau trong một cuộc chiến tranh thứ ba bằng nguyên tử, bằng hóa học bằng vi trùng. Chừng ấy còn gì là loài người ? Dân tộc chúng tôi len vào con đường trường tồn được, ấy là cả loài người trường tồn được.

— Bà nguy hiểm, mà có lý.

— Chữ Hồng ấy, cũng dùng mà viết chữ Hồng Quân, tức là cái khuôn lớn, tức là cuộc vận hành của vũ trụ, tức là Tạo hóa vậy. Xưa, Hồng Quân chọn nhưn thâu được đệ tử mình, một bên là Thông-Thiên Giáo chủ, một bên là Lão Tử và Ngươn-Thủy thiên tôn, mà cứu được Xiển giáo và Triệt giáo. Nay, hai bên, cộng sản màu xích, tư bản màu bạch mà giống Hồng chúng thâu được, thì mới cứu loài người. Bởi vậy, chúng tôi mới đặt được vẽ đầu đề cho tin đồ thờ vẽ ấy là :

Hồng lý cần khôn thâu xích bạch

— Nghĩa là chừng nào đạo Hồng của người Việt ra đời, thì hết cộng sản mà cũng hết tư bản nữa à ?

— Phải, Xích, Bạch, màu đỏ gắt và màu trắng bị thâu, hòa lại làm màu hường, tức là màu đỏ lợt. Ấy là chữ hồng thứ hai. Tinh túy của văn minh kỹ sư và tinh túy của văn minh chánh ủy hòa hợp nhau lại thành một xã hội chủ nghĩa có màu nhân đạo. Ấy là thuyết « nhân xã » mà suốt hai mươi năm nay, người Việt chúng tôi đề xướng, Chữ hồng màu hường này tượng trưng cho con gái. Gái thoa má hồng, gái mặc quần hồng, gái ở lầu hồng. Vậy thì người chủ xướng việc thâu xích bạch này sẽ là một người con gái Việt, nối truyền thống của bà Trưng, bà Triệu mà làm một việc phi thường.

— Bà có trực giác mà biết nàng gái Việt phi thường này là ai chăng ?

— Thiên cơ bất khả lậu. Song tôi thấy rằng tổng hợp hai cái văn minh kỹ sư và chánh ủy là một việc rất khó. Phải động viên cả cái văn minh tu sĩ phải cất nhắc cái văn minh tu sĩ lên cho thật cao, có đủ phép màu như Phật tổ, mới nhốt hai cái văn minh kia vào bàn tay ngũ hành mình, như xưa kia, Phật tổ nhốt Tôn-Hành-Giả vậy.

— Điều ấy khó lắm. Chẳng lẽ một cô con gái Việt mà làm nổi ?

— Ông nghĩ coi tuổi lập đạo là tuổi của Jésus, của Thích-Ca ngộ đạo, tức là tuổi ba mươi. Vào tuổi này, con trai ở xứ tôi thấy đều động viên đi đánh giặc cả. Có ai rảnh mà ngồi dưới gốc bồ đề để tìm đạo? Nếu chẳng có một cô con gái tìm thế cho, thì làm sao mà cái tôn giáo mới xuất hiện được?

Bị lời đáp trào phúng của bà chủ chùa đưa ra một cách thỉnh linh, Thompson không cãi được, bèn hỏi lần :

— Lúc này, bà đã nói một vế. Còn vế thứ hai ra sao?

Chủ chùa đáp :

— *Môn trung nhật nguyệt xuất kỳ hương.*

— Có phải ý bà muốn nói rằng « kỳ hương » tức là Phật Di-Lặc giáng lâm kỳ này, sáng khai ra « minh đạo » (do chữ nhật và chữ nguyệt cấu tạo) lại là người con gái Việt ở trong phái Hồng-Môn mà ra chăng?

Chủ chùa cười mà không đáp. Diêm-Hồng nói lời nói :

— Hồng hãy còn viết là « hồng », có nghĩa là dâng lên trần trề. Chiết tự chữ này ra, thì một bên

là bộ thủy, một bên chữ cộng. Ấy là báo trước rằng chừng nào cộng sản tràn lan khắp thế giới rồi, thì đạo Hồng của người Việt đã xuất hiện mà cứu thế. Và chữ hồng cũng viết là «hồng», nghĩa đen là cái mống trời, như tên của đồ đệ bần đạo đây. Người xưa thấy cái mống trời là con vật to lớn vô cùng, khi hiện ra là có mưa. Mà hễ có mưa, thì có nước, nguồn sống của vạn vật. Ông Thompson có biết chẳng chữ nước, trong tiếng Việt, vừa có nghĩa là chất lỏng nguồn sống của muôn loài, vừa là cái tổ chức của một dân tộc? Văn minh của Việt tộc là văn minh của nước. Mấy ngàn năm về trước, tổ tiên chúng tôi quần tụ chung quanh điểm nước là lưu vực sông Hồng, mà văn minh chói lọi một thời. Bước sang qua thượng nguồn dân tộc chúng tôi lại xây đắp một cái văn minh, chung quanh một điểm nước, là lưu vực sông Cửu-Long, và văn minh này phồn thịnh hai ngàn năm trăm năm.

Nghe nói tới đây, Thompson nhớ lại rằng khi nghe bài thuyết pháp của Diễm-Hồng, mình chưa hiểu cho lắm. Bên cáo từ mà về quay cuộn băng nhựa mà nghe lại. Và khi nào cần, nhờ Xích Tử giảng giải thêm cho tường tận.

Đây nói về sử gia Thompson, sau hai ngày cặm cuoi, sửa từng chữ, gọt từng lời mà dịch xong bức thư của Diêm-Hồng sang tiếng Anh, thì đọc lại thật kỹ. Thư rằng :

Thưa ông Cabot Lodge, cựu đại sứ ở Việt-Nam.

Bản đạo rất hân hạnh mà viết thư cho vị đại sứ đã sáng suốt nhận thức rằng củng cố chế độ Ngô triều là mắc mưu của cộng sản và thực dân cố kết nhau để thi hành quỷ kế « thả sâu vào quả ». Khi rời Sài Gòn, ông có tuyên bố rằng ông ân hận sau ngày đảo chánh 1-XI-1963, Ngô Đình Diệm lại lỡ chết đi. Hai tỉ rưỡi người trong thế giới chẳng một ai hiểu lời tuyên bố ấy của ông. Riêng bản đạo hiểu ý của ông. Vì vậy mà bản đạo tin rằng ông hiểu được bức thư này, nên bản đạo trân trọng gửi thư này cho ông vậy.

Bản đạo là ai ? Bản đạo có bốn phần tự giới thiệu lầy. Bản đạo tên là Diêm Hồng, có nghĩa là cái móng đẹp. Năm 1955, lúc bản đạo bảy tuổi, thầy của bản đạo gặp bản đạo nằm ngủ dưới gốc cây đa, bên cạnh xác của một người đàn bà chết. Suốt mười năm nay, dùng mọi phương pháp bí truyền, mà chỉ người trong đạo mới biết được mà thôi, bản đạo đã nghiên ngầm vấn đề : « Người đàn bà

chết ở gốc cây da ấy có phải là mẹ của bản đạo chăng ? ». Lời giải đáp là : không phải. Chẳng những người đàn bà ấy không phải là mẹ của bản đạo, mà cũng chẳng có người đàn bà nào khác là mẹ của bản đạo cả. Thế nhơn không tin, cho việc ấy trái với khoa học. Bản đạo nay đứng ra lập một tôn giáo mới, lấy tên là « Minh đạo ». Bản đạo đâu có cần hợp với khoa học hay không hợp với khoa học ? Bản đạo nêu ra giáo điều, ấy là đủ để lập tôn giáo rồi. Hai ngàn năm sau, hai mươi tỉ người ở mặt quả địa cầu này tin tưởng rằng giáo chủ mình không mẹ lẫn không cha, ấy là lịch sử tôn giáo đã bước một bước dài trên đường tiến bộ. Bởi vì, trong lúc này, là lúc mà các dân tộc tranh đấu nhau quyết liệt, có mẹ và có cha, thì trong máu huyết mình đã có dân tộc tính, nghĩa là có thiên vị, thì không làm sao giải quyết các tương tranh giữa các dân tộc được. Vậy, bản đạo không cha, không mẹ, bản đạo không có dân tộc. Bản đạo là siêu nhân. Bản đạo không phải là người. Xác người mà bản đạo mượn đây chỉ là một giả tượng mà thôi. Bản đạo tên là Hồng, hồng vốn là cái mống. Đến như một cái mống cũng là một giả tượng nữa ! Một giả tượng do các tia của ánh sáng phản chiếu lên mấy giọt nước lơ lửng trên không, rồi hồi quang

dội vào mắt người, làm cho người thấy ảo ảnh ấy mà thôi. Thực chất của nó là do ánh sáng mà có. Ánh sáng, tiếng Việt là minh. Do đó mà đạo của bản đạo lập ra, có tên là « Minh Đạo ».

Tất cả tôn giáo lớn đều xuất hiện trên một vùng nước, hoặc lấy lưu vực của một con sông to, hoặc ở ven một biển. Tôn giáo của Krishma lập trên lưu vực sông Indus, tôn giáo của các vị Pharaons lập trên lưu vực sông Nil, tôn giáo của đạo Hoàng Lão lập trên lưu vực sông Hoàng Hà, tôn giáo của Jésus lập trên ven biển Địa Trung. Nay, minh đạo ra đời, phải lấy lưu vực sông Cửu Long làm chỗ phát xuất. Tại sao lại chọn lưu vực sông Cửu Long ? Bản đạo xin chịu khó giảng lý thiên nhiên cho ông nghe.

Dân số Tàu càng ngày càng tăng. Năm nay là 750 triệu. Cuối thế kỷ dân Tàu đếm đến một tỉ. Đất Tàu không phì nhiêu, sản xuất ngũ cốc, không đủ để nuôi dân Tàu. Mặc cái họa nhân mãn này, chính phủ Tàu chỉ có hai đường lối. Một là mỗi năm cho di cư ba mươi triệu dân Tàu đến nơi đất rộng người thưa mà sanh sống. Hai là làm ầu, tràn qua xír người, cướp giết mà ăn. Hiện nay, Mao Trạch Đông đã lỡ làm cho tất cả các dân tộc đều

sợ Tàu xâm lăng ; không một nước nào dám mở cửa đón rước người Tàu di cư vào vì e rằng họ có một số đông rồi họ tổ chức du kích, gây nội loạn làm rối tình thế quốc tế để cho Hồng quân Tàu dùng chiến thuật biển người mà tràn qua mà xâm lăng, Tàu tị đường di dân, chỉ còn độc có nước làm ầu. Mà Đông Nam Á là vùng phì nhiêu hơn hết trong việc sản xuất lúa gạo. Đất rộng, người thưa, chia ra làm nước nhỏ nhỏ, không có quốc gia nào đủ sức cự lại sự xâm lăng, dân tộc nào cũng chậm tiến thành nội bộ không vững. Do đó mà Đông Nam Á là cục thịt mỡ ở bên mép con mèo đói là Tàu. Tình trạng chiến tranh là thường trực ở vùng này, không sao giải quyết bằng phương pháp thông thường được.

Phải giải quyết bằng phương pháp phi thường của tôn giáo. Không phải của các thứ tôn giáo cũ xưa từ hai ngàn năm về trước. Phải là của thứ tôn giáo thật mới, của thế kỷ XX, của thời nguyên tử. Trong hai mươi năm nay, vô tình nhân loại đã thí nghiệm, tuy nhỏ nhỏ thôi, mà đem lại nhiều kết quả. Bần đạo mới nói đến nước Israel tí hon, dựng trên sa mạc, mà đã làm cho thế giới thần phục những thành tích của tôn giáo rồi, mặc dầu là cái tôn giáo của Moise cũ xưa hai ngàn năm

trăm năm. Nay, lợi dụng những kinh nghiệm của nước Israel, mà xây dựng minh đạo trên lưu vực sông Cửu Long, khai thác tất cả lòng tin tưởng của Phật giáo đồ rằng vào thời này, Di Lạc giáng phàm độ thế, thì hành những kinh nghiệm của Hoa Kỳ khi khai thác lưu vực sông Tennessee, thì đắp mấy cái đập trên sông Cửu Long, có thể làm cho lưu vực sông này nuôi sống được hai trăm triệu dân. Cộng với hai trăm triệu dân sẵn có trong vùng, tách Tây Tạng, Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, ra khỏi nước Tàu và cho vào khối đó, thì khối Đông Nam Á mở rộng như vậy sẽ đếm được năm trăm triệu dân, kể cả Nam Dương.

Lấy đâu hai trăm triệu người để dời đến ở lưu vực sông Cửu Long ? Lấy trong số người tin tưởng rằng Di Lạc giáng thế, số người này bất cứ ở đâu, miễn cùng chung một căn bản ấy. Chẳng ấy, ở Á Châu có ba khối lớn. Nước Tàu thu hẹp lại còn chừng năm trăm triệu người. Khối Đông Nam Á sẽ đếm được năm trăm triệu dân. Bên cạnh là nước Ấn Độ bốn trăm triệu dân. Không còn cái tình trạng một năm nước bé tí hơn năm cạnh một con sư tử không lồ chực nuốt chừng mấy nước ấy. Sẽ có tình trạng quân bình, tình trạng chân vạc. Nước Ấn độ đếm bốn trăm triệu tín đồ của Ấn giáo,

Khởi Đông Nam Á đếm gần năm trăm triệu tín đồ của « minh đạo » là chuyện thân của Phật giáo. Nước Tàu với năm trăm triệu tín đồ của chủ nghĩa Mác Lê lần lần bị xét lại. Tình thế ấy là khởi điểm của âu ca.

Bần đạo không đi vào tiêu tiết của minh đạo, vì Mục đích không phải là truyền đạo cho ông. Ông là một nhà chánh trị, lo tìm đường lối chánh trị cho nước Hoa Kỳ xây dựng một nền Hòa bình vĩnh cửu. Hòa bình là mục đích. Chiến tranh hay thương thuyết là phương tiện. Dùng phương tiện này hay phương tiện, khác, thế nào rồi cũng đến vấn đề xây dựng Hòa bình. Vì vậy mà bần đạo trình bày cho ông thấy kế hoạch xây dựng âu ca của minh đạo.

Bần đạo tin rằng ông là người Hoa Kỳ duy nhất hiểu được lập luận của bần đạo. Ông nên giữ kín, chờ khi nào hội nghị, ông thỉnh linh ném lên thăm xanh. Lúc ấy, Mao Trạch Đông ỡm ờ, giả vờ không chịu, ông nhắc sơ rằng năm 1955, họ Mao đã dụ dỗ Hồ Chí Minh mà cắt Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây mà biểu không cho Bắc Việt, rồi Hồ Chí Minh ngán mà không nhận. Mao Trạch Đông sẽ trơ trẽn. Luôn tiện, ông sẽ lật tẩy Mao Trạch Đông mà nói rằng trong cái Hiệp Chung Quốc

Đông Nam Á, thì riêng Tây Tạng, Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông đếm đã hơn trăm triệu dân, thêm trong số hai trăm triệu tín đồ của « minh đạo » định cư ở lưu vực sông Cửu Long, cộng sản Tàu sẽ đội lốt là tín đồ của Hồng Môn bên Tàu mà len lỏi vào, thì Tàu sẽ chiếm đến hơn ba phần năm, nghĩa là có đa số tuyệt đối. Phe của Tàu bảnh như vậy, thì còn sợ phe nào của thế giới tự do ? Ông thấu cớ như vậy, là ăn tiền đấy !

Luôn tiện, bản đạo muốn giải thích cho ông nghe tại sao bản đạo dám chứa hơn ba trăm triệu cộng sản Tàu trong cái Hiệp Chúng Quốc Đông Nam Á, mà chẳng bị cộng sản nuốt chửng lại chẳng sợ các dân tộc miền này bị Tàu đồng hóa. Nhưng ông là người tuyên bố một lời mà hai tỉ rưỡi người không hiểu nổi, ông nào cần giải thích của bản đạo ?

Bản đạo xin chấm dứt nơi đây, và yêu cầu ông cất thơ này làm cầm nang, khi đến hội nghị với đại diện tối cao của họ Mao tung bừu bối ra là thủ lấy phần thắng.

Minh đạo giáo chủ :

DIỄM-HỒNG

Đọc thơ tới lui mấy lượt, Thompson không hiểu nên tin hay không, bèn đưa cho Xích-Tử xem để hỏi ý kiến, Xích-Tử đáp :

— Bức thư này, nên tin một trăm phần trăm.

— Đến như việc nàng Diễm-Hồng không có cha mẹ cũng phải tin theo nữa sao ?

— Điều ấy, đứng vào phương diện thấp thỏi của loài người, thì khó tin thiệt. Song đứng vào phương diện vũ trụ, thì rất là hợp lý. Ông nên nhớ rằng vào những năm 1952, 1953, ở trên quả đất ta bắt đầu thí nghiệm bom khinh khí. Bom khinh khí nổ, phát ra những tia quang tuyến cùng khắp vũ trụ, nghĩa là vượt ra khỏi « tam thiên đại thiên thể giới » của cõi ta bà, nói một cách khác là tinh vân Ngân Hà của ta. Lúc ấy ở cõi Đâu Suất, các vị trên ấy tiếp được các quang tuyến của bom khinh khí, lòng liền rung động, đoán biết rằng ở trên quả địa cầu, nếu chẳng có biện pháp nào ngăn đón, thì sẽ có chiến tranh thế giới thứ ba, tận diệt cả loài người. Bởi vậy, cần phải gấp rút gọi Maitreya, tức là Di Lạc xuống phàm. Nếu xuống phàm, mà Di Lạc mượn lối « Thường thai », nghĩa là có cha có mẹ đầy đủ, nói theo y học là phải nhờ tinh trùng của một người đàn ông để kích thích một tiểu noãn của một đàn bà, thì thiên hạ có thấy gì khác hơn

minh mà p'ục ? Nếu xuống mà Di Lạc mượn lối « thánh thai », nghĩa là có mẹ mà không có cha, nói theo y học, thì chỉ cần tiểu noãn của một đàn bà, mà chẳng cần tinh trùng đàn ông kích thích, điều ấy chỉ gây phân vân trong lòng người ta mà thôi. Bằng vào đâu mà tin rằng người mẹ ấy đã kết « thánh thai » chứ chẳng phải có « thường thai » ? Còn nếu Di Lạc mượn lối nhập xác, lối lên đồng, thì trong muôn người tuyên bố mình là người được nhập xác biết phân biệt ai là chơn ai là ngụy ?

Thompson hỏi :

— Nghe nói hãy còn có thể giáng cơ bút mà nanh đạo nữa ?

Nich-Tử đáp :

— Quả có như vậy. Như vào những năm 1926 khi Đức Cao Đài Tiên Ông Bồ Tát Ma Ha Tát mở đạo kỳ ba, thì chánh là mượn lối cơ bút ấy mà truyền đạo. Nhưng khốn nỗi, một mặt bọn ma quỷ cũng mượn cơ bút mà xúi người làm bậy, xưng tiên, xưng thánh, mà kỳ thật là quỷ ma. Một mặt bọn lưu manh ở trần, vì lợi quyền vì địa vị, mà tổ chức những đàn cơ giả để dối dân, gạt chúng. Vì lẽ đó mà đức Cao Đài đã cấm việc mượn cơ bút và khuyên tin đồ mình chớ nên tin theo cơ bút.

— Còn lần này, Di Lặc rời cõi Đâu Suất mà vào cõi Ta Bà, đến trần gian bằng cách nào ?

— Người phàm ta phải nhờ hỏa tiễn, mà hiện nay, chỉ đi từ mặt đất tới cung trăng mà thôi. Việc đến hành tinh khác hẳn còn là việc xa vời. Còn Di Lặc là một vị Phật, thì từ cõi Đâu Suất mà đến đây, nào có cần gì máy móc. Mà cần đến máy móc thì nào có hơn chi loài người, để cho loài người phải kính sợ mà tôn sùng ? Ông có đọc truyện *Phong-Thần* không ?

— Có.

— Ông có thấy trong đó nói rằng cách đây lối ba ngàn năm, khi các vị tiên bị một bữa bồi lợi hại rơi ngay đầu, liệu sẽ lâm nguy, thì hóa ra cái mống mà bay mất. Hóa ra cái mống mà bay đi, ấy là lối đi lại rất thông thường của Tiên Phật.

«Thì Di-Lặc đi từ cõi Đâu-Suất đến đây bằng cách hóa mống mà tới. Bà chủ chùa Hồng Môn, ban đêm mà thấy mống, đến nơi gặp một đứa con nít. Cái mống ấy là hóa thân của Di-Lặc. Chớ tôi hỏi ông, mống thường thời ban ngày mới có, còn ban đêm làm gì mà thấy mống được ?

— Ông cắt nghĩa nghe xuôi rọt. Nhưng có điều tôi thắc mắc nữa, là theo kinh sách, Di-Lặc, hay Maitreya, tức là Bồ tát A-Dật-Đa mà trong kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* nói, lại có biệt hiệu là Cầu-Danh. Vị ấy là một đàn ông. Cớ sao, Diêm-Hồng là một nàng con gái, lại có thể là Di-Lặc được?

Xích-Tử nghe hỏi, vỗ vế cả cười mà đáp rằng:
Muốn biết Xích-Tử đáp lời làm sao, xin xem đến hồi sao phân giải.

HỒI THỨ MƯỜI

*Lậu thiên cơ, bán trâu trên bóng
Ban Phật huân đại náo Sài Gòn*

Đây nói về Xích-Tử, khi nghe Thompson hỏi vì sao mà một nàng con gái lại có thể là Di-Lặc được, thì cả cười mà đáp rằng :

— Lẽ dĩ nhiên, Phật Di-Lặc phải là con gái chứ ! Nếu là con trai, thì tới tuổi quân dịch, tất nhiên phải đi đến nợ nước. Đâu có ở không mà đi truyền đạo? Và lại thuở xưa, vị Bồ tát ở Ấn-Độ là đàn ông, mà sang Đông độ, lại biến thành đàn bà, thì càng tăng sức mẫu nhiệm. Như Bồ tát Avalokitovara, mà Tàu gọi là Quan-Thế-Âm, ở bên Ấn-Độ thì là đàn ông, mà sang qua Tàu thì là một bà đẹp dễ lộng lẫy, duyên dáng không cùng, mà phép tắc cũng không cùng. Lần này, A-Dật-Đa, tục gọi là Cầu-Danh, tức

là Maitreya hay Di-Lặc, đến Việt-Nam mượn tên Diễm-Hồng, như vậy mới đúng với truyền thống.

Thompson suy nghĩ một chặp rồi hỏi :

— Ông Xích-Tử, tôi thấy hình như ông thiên vị, quá bên vực đạo cô Diễm-Hồng. Vì sao vậy ?

— Có gì đâu mà khó hiểu ? Trong cuộc tranh đấu tư tưởng, chánh trị, văn hóa, nghệ thuật, giữa lão già Hồ-Hữu-Tường và tôi, thì thế giới chia làm hai phe rõ rệt. Phe thứ nhất là phe Hồ-Hữu-Tường, chủ trương không cần ếm gì cả. Ấy là phe bảo thủ, muốn giữ cái trạng thái cũ, tức là cái statu quo. Ấy là phe hưng Hồ. Hồ này là Hồ-Chi-Minh, hay là đũa cháu nội Hồ-Hồng-Tâm, tức là Trần-Thị-Thệp...

— Hình như ông nói rằng cái huyền thoại Trần-Thị-Thệp là do Hồ-Hữu-Tường bịa ra để chơi xỏ Hồ-Chi-Minh mà !

— Tôi là môn đệ của nhà triết học Pháp là Descartes. Đối với mọi vấn đề, tôi đặt trước cái hoài nghi cartésien vậy thôi. Tôi nhắc chừng ông nhớ rằng Hồ-Hữu-Tường là lão già nói dóc lỗ, trong Nam gọi là « nói láo có sách ». Cái gì lão ấy thốt ra, trăm việc, phải kiểm soát một trăm một, mà không biết chừng còn bị lão bịp nữa kia ! Nhưng,

về việc Trần-Thị-Thệp này, một trong muôn việc thôi, lão ấy không nói dúc. Trong khi ông làm việc, người ta đã đem lại kết quả của những cuộc điều tra mà tôi đã đề nghị với ông. Ở Phan-Thiết báo cáo vào rằng có người tên Trần-Tất-Tự. Sở nhà Hình báo cáo rằng có hồ sơ tên Trần-Tất-Tự. Sở Công chánh báo cáo có cấp giấy thi lái xe cho Trần-Tất-Tự. Bộ đời đô thành báo cáo rằng năm 1948, có khai sanh cho đứa con gái Trần-Thị-Thệp, con của Trần-Tất-Tự và Nguyễn-Thị-Giàu. Và sau cùng tòa Hòa giải báo cáo rằng năm 1955, có lập hồ sơ thế vi khai sanh cho đứa con gái tên Hồ-Hồng-Tâm, con của Hồ-Hữu-Chi và Nguyễn-Thị-Giàu. Như vậy, Trần-Thị-Thệp, tức là Hồ-Hồng-Tâm, là sự thật, chứ không phải là huyền thoại. Và như vậy, lão già Hồ-Hữu-Tường, chủ trương không nên ếm mồ mả ông phó bãng Huy, là một người đứng về phe «chung Hồ».

Thompson cười tùm tùm hỏi :

— Còn trong cái thế giới hai phe này, chống đối lại người bạn già của tôi là phe nào ?

— Dĩ nhiên là phe «diệt Hồ». Tôi ở phe diệt Hồ. Tôi thấy đạo cô Diễm-Hồng bày ra một kế hoạch lợi cho chủ trương diệt Hồ quá...

— Lợi ở chỗ nào ?

— Lợi thứ nhất, là Diễm-Hồng sẽ được suy tôn làm giáo chủ của «Minh Đạo», chẳng cần chịu khó lập thuyết mà truyền đạo chi cả, chẳng phải khổ hạnh chịu đóng đinh trên thập tự giá như chúa Jésus, không cần xua quân làm thánh chiến mà hóa đạo bằng binh lửa, lại ngang xương được ngay vài trăm triệu tin đồ, tức là những ai muốn đến hưởng quyền lợi của sông Cửu-Long khai thác. Như vậy Hồ-Hồng-Tâm bị loại ngay. Lợi thứ hai, là thủ tiêu cái nước Cộng sản Bắc-Việt của Hồ-Chí-Minh, nghĩa là ếm họ Hồ nữa. Còn cái lợi thứ ba, là kinh đô của Hiệp-Chúng-Quốc Đông-Nam-Á bắt buộc phải lập ở một nơi khác, nghĩa là cái thuyết thiên đô của tôi thành công. Chớ ông nghĩ coi, kinh đô mà lập tại Sài-Gòn, thì bị náo hoải. Mà Sài-Gòn, cứ náo hoải, chánh quyền quốc gia không vững, thì chỉ có lợi cho Hồ-Chí-Minh mà thôi.

Thompson hỏi :

— Ông có lợi nào mà chủ trương thiên đô ?

— Có lợi lớn lắm chớ ! Hễ thiên đô, thì họ Hồ sụp, Mà hễ họ Hồ sụp, thì ứng theo lịch sử nước tôi đã báo diễm năm trăm sáu mươi năm trước, chắc chắn là họ Lê của tôi lên. Hồ-Quy-Li tiêu thì

Lê-Lợi lên. Hồ-Hữu-Tường tan, thì Xích-Tử mọc.
Đúng như lời sấm của tiên hơn đề lại.

— Lời sấm ra sao ?

— Lời sấm nói : «Mạt pháp, trắng già lặn. Lúa chín, cây tốt tươi».

— Ấy là lời con nít nói bắt vần, chớ nào phải lời tiên tri chi, mà ông gọi là lời sấm ?

— Ở phương Đông chúng tôi, chân lý từ miệng con nít mà thốt ra. Vì vậy mà người ta chú ý đến những lời con nít hát bắt vần, gọi là đồng dao. Đồng dao có ý nghĩa lắm. Phải có cái gì thiêng liêng xui, chớ tự con nít, chúng nó không làm sao mà biết tới. Nhưng trong câu «Mạt pháp, trắng già lặn», con nít làm gì mà hiểu hai chữ mạt pháp ?

— Mạt pháp có phải là thời mạt pháp của các tôn giáo, cái mà họ gọi là tận thế không ?

— Cũng có nghĩa ấy. Nhưng cũng có nghĩa khác. Nghĩa khác ấy là, khi mà bọn thực dân Pháp đã mạt rồi đó ! Và chừng ấy, trắng già, tiếng chữ là «cổ nguyệt», tức là chữ hồ, cũng lặn theo.

— Quân đội Pháp tuy đã rút khỏi xứ này mười năm nay rồi, sao mà ngôi sao của Hồ-Chí-Minh chưa lặn ?

— Quân đội Pháp tuy đã rút lui, song thực dân Pháp đâu có mặt? Chừng nào bọn sau này mặt ròi, hết tiền để bỏ ra mua chuộc bọn tay sai khuấy rối thì Cộng sản mới hết có thể thừa nước đục thả câu. Nghĩa là chừng ấy ngôi sao của Hồ-Chí-Minh mới lặn.

— Còn như vẽ thứ hai, thì nghĩa làm sao ?

— Trước hết, nên chiết tự chữ Lê. Ở trên có chữ *hòa* là lúa, bên cạnh là chữ *đào*. Lúa chín mới đem lười hái ra mà cắt. Ở dưới, có hai cách viết. Song theo chỗ tôi nghĩ, phải viết chữ *mộc* mới đúng với họ của người ở dưới gốc cây lê. Cũng như họ Dương là họ người ở dưới gốc cây dương, họ Lý là người ở dưới gốc cây lí vậy. Vậy thì, viết họ Lê của tôi theo lối này, là ứng với vẽ «lúa chín cây tốt tươi», ứng vào việc tôi sẽ có một tương lai xán lạn lắm. Đó là lý lẽ căn bản làm cho tôi phải đứng về phe «diệt Hồ», diệt luôn cả Hồ-Hữu-Tường nữa ! Đạo cô Diễm-Hồng, tuy tôi chưa biết ở đâu, mặt mày ra sao, tuổi tác bao nhiêu, học lực thế nào, song tôi thấy bức thư gửi cho Cabot Lodge đề nghị ra kế hoạch diệt Hồ, thì tôi cho ngay là đồng minh với tôi. Tôi phải ủng hộ.

Thompson suy nghĩ rất lâu, rồi hỏi :

— Này ông Xích-Tử, trong thơ của đạo cô Diễm-Hồng, tôi thấy có nhiều điều khó nghe theo được.

— Ví dụ như điều chi ?

— Như điều lập ra một Hiệp-Chúng-Quốc Đông-Nam-Á, vừa xén của Tàu một phần đất lớn, vừa một hai trăm triệu tìn đồ Hồng Môn bên Tàu, vừa lập ở sát nách Tàu một cường quốc dồi dào lúa gạo, mà đề nghị ra, là Mao-Trạch-Đông phải chấp nhận. Mao-Trạch-Đông hiện nay còn tuyên bố rằng ai mà động đến Bắc-Việt, ấy là động tới nội địa nước Tàu, thì lẽ nào Mao-Trạch-Đông lại cắt Tây-Tạng, Vân-Nam, Quảng-Đông mà cho không, để lập một nước lớn và mạnh ở sát nách mình ?

— Xích-Tử cười đáp :

— Này ông sử gia ơi, câu nói đó là Mao-Trạch-Đông ăn cắp con gà đó !

— Ông Xích-Tử nói gì mà ăn cắp con gà, tôi không hiểu ?

— Ông hỏi Lê Ngọc Trụ mà xem. Tiếng Quảng Đông ăn cắp nói là thẩu, con gà nói là cầy. Ăn cắp con gà là dịch đúng danh từ thẩu cầy của làng cờ bạc, Theo lệ mua bán, hễ ông muốn mua con gà

ngoài chợ, thì ông phải trả tiền. Đàng này, ông không trả tiền mà tự nhiên bắt con gà đi, thì là ăn cắp con gà. Danh từ bóng bẩy này diễn tả lúc ông chơi phé, mà ông không có phé nào hết, mà ông « thấu cạy » thiên hạ sợ để cho ông ăn. Ông sử gia hiểu chưa ? Mao Trạch Đông tuyên bố như vậy mà Hoa Kỳ nhất gan, thì là Mao Trạch Đông ăn. Chớ thật ra, Mao Trạch Đông không có phé gì hết. Có phé cùng chạng ấy là đạo cô Diêm Hồng đó. Hễ mà Mao Trạch Đông biết đạo cô Diêm Hồng xúi Cabot Lodge đề nghị như vậy, thì Mao Trạch Đông phát sợ ngay.

— Chính chỗ ấy là chỗ mà tôi nhận không được, và có ý hỏi ông này giờ đó.

— Có gì khó đâu ! Bởi vì Mao Trạch Đông ngày nay là hậu kiếp của Thông Thiên giáo chủ. Còn Hoa Kỳ và Nga thì ví như Lão Tử và Ngươn Thi thiên tôn. Từ ngày Nga Mỹ bắt tay nhau mà đi đường cộng tồn, thì không khác nào Lão Tử và Ngươn Thi hiệp nhau mà phá mấy trận của Thông Thiên vậy. Như ông đọc truyện Tàu cũng biết, Thông Thiên chỉ có sợ Hồng Quân chơn hơn mà thôi. Mà Hồng Quân là gì ? Hồng là to rộng mệnh mông. Quân là cái mống. Hồng Quân là cái mống to rộng, cái vũ trụ vòng (*espace courbe*) của Eins-

tein. Ngày nay, Mao Trạch Đông nghe tới tên Diễm Hồng, hiểu đó cũng là một cái mống nữa, tức là một đồ đệ của Hồng Quân, do Hồng Quân sai xuống trần, tất nhiên có truyền bửu bối lạ để trừ mình. Diễm Hồng có tiền để mua con gà, chớ không phải túi văng hoe mà thấu cầy đâu.

— Ông suy luận đầu óc khoa học Tây Phương của tôi khó tin quá ! Ông nói Diễm Hồng có bửu bối à ?

— Tôi suy luận thấy phải vậy mới được. Từ mấy tháng nay, nhóm *Hòa Đồng* cổ võ cho cái mà họ gọi là « phục hưng mới ». Tức là một phục hưng lần thứ hai, mà phen này xuất phát ở phương Đông và cho sống lại những giá trị cũ xưa ở phương Đông. Mà ông biết, ở phương Đông, cái giá trị nòng cốt của thời xưa là phù phép, là bửu bối. Hễ có phục hưng mới, thì tất nhiên có việc luyện bửu bối lại. Diễm Hồng là một đạo cô muốn hơn người ta, tất nhiên phải có bửu bối nhiệm mầu hơn hết mới được.

— Theo ông thấy, bửu bối của đạo cô Diễm Hồng là thế nào mà Mao Trạch Đông sợ quá như vậy ?

Nãy giờ nói dóc chơi cho sướng mồm, Xích Tử không dè lần lần lọt vào chỗ bí. Và khi bị Thompson hỏi như vậy, không biết đáp làm sao, bèn đánh trống lảng.

— Thiên cơ bất khả lậu.

Không dè lời đáp ấy không làm thỏa mãn Thompson. Lập tức Thompson nói :

— Tôi thường để ý. Mấy ông ở xứ ông, hễ nói những việc trên trời dưới đất, mà thiên hạ không tin, hỏi vặn lại, thì mấy ông nói câu « thiên cơ bất khả lậu » để che việc mình nói lố. Nay, ông nói câu « thiên cơ bất khả lậu », phải chăng là ông bí lối rồi ?

Bị bắt bí, Xích Tử hoảng hồn, không biết làm sao, bèn lật đật vái mẹ mà cầu mẹ cứu. Vừa vái xong, thì tia sáng bùng ra trong trí, liền đáp :

— Dân phương Đông chúng tôi tin rằng hễ ai mà lậu thiên cơ, thì bị trời đánh...

— Nhưng từ ông Franklin ở xứ tôi sáng chế ra được thu lôi tiêm, thì khi trời mưa, ở trong nhà không bao giờ bị sét đánh. Trừ khi có giông gió, ông núp dưới tàng cây. Thì ông biết thiên cơ, ông cứ nói đi, sợ gì bị trời đánh ?

— Tôi sẽ lậu thiên cơ, vì nghĩ rằng bị trời đánh còn đầu thai được, chớ bị bom nguyên tử, thì hết đường. Song tôi nhiệm cái văn minh kỹ sư của nước ông, phàm cái gì cũng tính giá cả. Chẳng hay ông bằng lòng mua cái « thiên cơ bất khả lậu » ấy bằng giá nào?

Thompson nghe nói, cười đáp :

— Về việc này, là sở trường của văn minh của chúng tôi, tôi tưởng ông Xích Tử không ăn qua tôi được. Trong việc định giá cả lẽ nào mua trâu mà chẳng xem bóng? Bên xứ tôi, phàm bán cái máy móc nào, ít nữa là phải cho một tài liệu quảng cáo. Trong tài liệu này, phải chụp hình cái máy ấy, phải viết tả cho kỹ đặc tánh của máy, nó mấy mã lực, nuốt xăng bao nhiêu, sức chạy mỗi phút mấy tua, cần dùng nhân công điều khiển thế nào. Sao khi khách hàng đọc kỹ tài liệu cho không này, phải cho họ thử máy nữa. Chừng ấy chủ bán mới ra giá. Rồi đòi bên mặc cả với nhau.

— Ở đây, vấn đề khác hẳn. Đạo cô có một khi giới bí mật, một bữa bói. Nếu đạo cô muốn bán, thì đạo cô sẽ phát không tài liệu quảng cáo cho Hoa Kỳ xem rồi cho Hoa Kỳ thử. Rồi sẽ ra giá. Còn đây không muốn bán bữa bói mà lấy tiền. Đạo

cô muốn giữ bửu bối ấy trong tay để lập tức có hai trăm triệu lín đồ tôn mình lên làm giáo chủ, Cái bí mật ấy, tôi biết. Chánh là tôi muốn bán cái bí mật ấy.

— Vậy thì ông nói phác qua, sơ sơ vậy thôi, cái bí mật ấy. Rồi ông ra giá, thử coi Hoa Kỳ có theo nổi không.

— Như vậy thì được. Tôi, thì tôi bán cái bí mật về cái bửu bối ấy. Còn việc mua chánh cái bửu bối ấy là việc khác nữa. Nè, ông Thompson, Hoa Kỳ không thể nào dùng vũ khí nguyên tử dùng một lượt dội mấy chục ngàn quả bom khinh khí lên khắp nước Tàu. Để giết hết 750 triệu người Tàu. Một là tất cả dư luận thế giới sẽ nhao nhao lên mà bình phẩm. Hai là những phóng xạ của mấy chục ngàn quả bom ấy làm cho không khí của quả địa cầu hóa ra độc địa vô cùng, không ai ở nổi. Loài người phải dọn hết lên cung trăng mà ở. Nhưng kỹ nghệ hỏa tiễn liên hành tinh chưa đủ sức mà di cư hai tỉ con người lên tuốt cung trăng được. Còn cái bửu bối đạo cô Diệm Hồng có thể làm cho 750 triệu dân Tàu chết sạch, mà chẳng một ai có thể nghĩ là Hoa Kỳ đã nhúng bàn tay mình vào. Mà dân Tàu chết sạch, một cách êm ru bà rù,

không lọt ra một tia phóng xạ, thì trong thế giới chẳng có ai phản đối. Còn cái lợi nữa, là bao nhiêu tài sản vật chất của Tàu còn nguyên vẹn, Đó là chiến lợi phẩm. Đó là một kho tàng quý giá. Sách Tàu, đồ cổ, lấy mà bán, thì thật là một áp phe. Nói thật với ông, tôi không có đủ phương tiện mà khai thác các áp phe rất lớn này. « Ông có máy tính điện tử. Ông nhờ máy tính xem giá trị của chiến lợi phẩm là bao nhiêu, tính xem Hoa-Kỳ hao tổn để ngăn đón sự bành trướng của Tàu trong năm trăm năm là bao nhiêu...

— Tinh chi tới năm trăm năm ?

— Ông không chịu tính vậy, thì ông tính xem giá của một cuộc chiến tranh nguyên tử để tận diệt quân Tàu và dân Tàu là bao nhiêu, và thêm để đánh tan cái dư luận bất bình của thế giới đối với sự sử dụng vũ khí nguyên tử.

— Úy châu cha ! Thật là một con số khổng lồ. Ước chừng vài tỷ đô la đó.

— Muốn được một kết quả tương đương như vậy, mà khỏi bị dư luận thế giới, Hoa-Kỳ có dám tốn ra phân nửa số đó mà mua cái bửu bối của đạo cô Diễm-Hồng chẳng ? Thật là một áp phe, tiết kiệm được cho ngân sách Hoa Kỳ đến một

trăm tỷ đô-la. Còn tôi dân cái áp phe này, tôi đòi tiền còn mich xông năm phần trăm thôi. Nghĩa là tôi đòi năm tỷ đô la đó.

— Ếm mả cụ phó bảng Huy, giá một trăm triệu đô la, ông chê là ít. Làm mỗi bán bửu bối của đạo cô Diễm Hồng, ông đòi huê hồng năm tỷ đô la. Ông cứ lên hoài, ngán hết sức !

— Ấy vậy mà còn một cái áp phe còn to hơn nữa kia. Là sau khi giết hết 750 triệu dân Tàu, bửu bối ấy sẽ sử dụng giết hết hai triệu dân Nga, mà vẫn còn giữ nguyên nhà cửa máy móc, sự nghiệp của họ... Rồi, ngon miệng, xơi luôn Trung Âu, Tây-Âu. Vẫn giết hết người mà lấy luôn của cải.

— Ông Xích Tử nói sao mà nghe ngán quá vậy. Tôi đây không phải là người tu hành, mà tôi nghe chết cả hai tỷ người, tôi đã ớn rồi. Tại sao một đạo cô, tự xưng là một giáo chủ, lại giết mấy tỷ mà chẳng động lòng từ bi, bác ái ?

Xích Tử cả cười, đáp :

— Chúng ta là người phạm tục. Chúng ta làm chết người, chúng ta gọi là giết. Còn như đạo cô Diễm-Hồng là một giáo chủ, là một bậc siêu thoát. Đạo cô dân có giết người ? Đạo cô độ chúng sanh

sang qua thế giới khác, sang qua miền cực lạc, Đạo cô giải thoát họ khỏi biển trầm luân khổ ải. khỏi cảnh người áp bức người, bóc lột người, khỏi cảnh cốt nhục tương tàn, nôi da xáo thịt chó !

Thompson cũng cười theo và nói :

— Loài người chết gần hết, Phú nguyên còn y. Hai trăm triệu dân Hoa-Kỳ ở không mà hưởng. Thật là nhiệm màu. Nhưng làm sao mà có phép nhiệm màu như thế được ?

— Thì tiền trao, cháo múc.

— Có quyền xuất tiền của ngân sách để mua cái bí mật này, chỉ có Quốc hội Hoa-Kỳ mà thôi. Ngay tổng thống Hoa Kỳ cũng phải xin phép Quốc hội. Tôi chỉ là một công dân, tôi không có quyền gì cả. Song để tỏ thiện chí của tôi, tôi trả cho ông một đô la tượng trưng để được nghe ông nói sơ chơi.

Nói rồi, Thompson móc bóp, lấy ra một đồng đô la mà trao cho Xích Tử. Chàng tiếp lấy, nhét vào túi rồi nói :

— Của ít tình nhiều. Vậy đề tôi hé cho ông thấy chút ít màu nhiệm của cái bửu bối của đạo cô Diễm-Hồng. Nè ông Thompson, từ lớp Trung học, ông đã học rằng ở vùng Tây-Bá-Lợi-Á bị

chôn vùi dưới tuyết, có loại voi cổ xưa gọi là mammoth, mà khi moi ra, trong bụng vẫn còn đầy cỏ. Như vậy thì vùng Tây-Bá-Lợi-Á này, thuở xưa, xưa, xưa, vốn là vùng nhiệt đới, cỏ cây thanh mậu để cho loại voi này ăn. Rồi dùng một cái, hơi lạnh tràn đến, tuyết phủ, giá đông, dày đặc suốt mấy trăm ngàn năm nay. Do đâu mà có sự thay đổi khí hậu thành linh này, biến một xứ ở vùng nhiệt đới thành ra vô cùng lạnh lẽo ?

— Ừ nhỉ !

Biến đổi khí hậu đột ngột như thế này, chỉ có thể quan niệm được là do sự thay đổi trục của trái đất, làm cho Bắc cực hồi xưa ở chỗ khác, thình lình dời tới chỗ của nó bây giờ. Và làm cho vùng nhiệt đới khi xưa, trong khoảnh khắc, rơi vào vùng lạnh lẽo.

Thompson vỗ tay khen :

— Hay ! Hay ! Lời giải thích ấy rất hợp với tinh thần khoa học.

Nghe được khen. Xích-Tử hình mũi nói tiếp :

— Các vị tiên thời xưa còn tập luyện được thuật di sơn đảo hải. Còn đạo cô Diễm-Hồng là một bậc siêu tiên thượng đẳng, tất nhiên đạo cô phải luyện được phép đổi trục trái đất, tùy theo

ý muốn của đạo cô. Nếu Hoa-Kỳ chịu trả giá một trăm tỷ đô la cho đạo cô Diễm-Hồng, để nhờ đạo cô trị bọn ba Tàu thì đạo cô chỉ ngồi kiết già, chấp tay trước ngực, lim dim mắt, cho trên chóp hiện một cái móng to lớn vô cùng, tủa khắp vũ trụ, gom góp tất cả vũ trụ lực lại mà chuyển một cái, lật quả đất như lăn một cục đá, chính cái trục quả đất lại, làm cho Bắc cực ở ngay vào giữa nước Tàu. Trong khoảnh khắc, hơi lạnh tràn đến, bao phủ nước Tàu, rồi tuyết rơi cả mấy trăm thước bề cao, chôn vùi tất cả dưới giá lạnh. Ấy là 750 triệu dân Tàu chết hết. Nói cho đúng hơn, 750 triệu linh hồn của ba Tàu đã được đạo cô độ sang qua miền cực lạc cả. Rồi một thời gian sau, muốn lấy của cải đã chôn vùi dưới tuyết, thì Hoa-Kỳ nhờ đạo cô Diễm Hồng làm phép màu một lần nữa, sửa trục trái đất lại, dời Bắc cực về vị trí cũ của nó. Thì ở nước Tàu, giá sẽ tan, nước sẽ chảy ra biển, nhà cửa sẽ lộ lên. Chỉ lo chôn 750 triệu cái xác và đời dân của mình đến chiếm nhà cửa dinh thự...

— Mẫu nhiệm thật !

— Cái áp phe này khai thác xong, thì mở cái áp phe thứ hai để khai thác ở Nga, ở Trung-Âu, ở Tây-Âu, ở bất cứ nơi nào mà dân hó hé phản đối mình.

Thompson giải đầu hồi lâu hỏi :

— Này ông Xích-Tử, đạo cô Diễm-Hồng là người tu hành, nấu sòng, chay lạt. Một năm có vài ba bộ quần áo vải thô, mỗi ngày hai bữa cơm tương rau, là đủ rồi. Tại sao có một lòng tham vô cùng tận, muốn có từ trăm tỷ đô la này tới trăm tỷ đô la kia vậy ?

Xích-Tử hai tay vỗ hai vế cười ha hả đáp :

— Ông Thompson nói rất đúng. Mục sống của đạo cô Diễm-Hồng, mỗi tháng trị giá chừng năm trăm bạc. Kể cả quần áo và tất cả chi phí khác. Mỗi năm cấp cho đạo cô mười ngàn đồng bạc là vừa. Lấy theo giá noa, một đô la ăn non một trăm năm mươi đồng, thì ông cấp cho đạo cô bảy chục đô la, là đạo cô xài chán. Đạo cô nào có cần dùng đến hàng trăm tỷ này đến hàng trăm tỷ kia ? Nhưng mà, nếu đạo cô muốn xuất giá, kén chồng cho vừa ý với đạo cô, tất nhiên là một thanh niên xứng đáng lắm. Mà hệ thanh niên này là một thanh niên xứng đáng, tất nhiên đòi một cửa hồi môn to tát...

— Ông Xích-Tử nói làm sao mà tôi quan niệm theo không kịp. Nào ông nói đạo cô muốn có chồng... điều này trái với truyền thống của đạo

Phật ở xứ này. Nào ông nói chàng rể đòi của hồi môn to... điều này trái với tục lệ người Việt, phải nạp sinh lễ rất nhiều mới được đàn gái nhận gả con.

Xích-Tử cười ha hả đáp :

— Ông sử gia chỉ nghiên cứu phiên diện thôi. Để tôi chứng minh bằng thực tế cho ông thấy. Ở bên Ấn-Độ, Bồ-tát Avalokitecvara, tục lệ gọi là Quan-Thế-Âm, sang bên Tàu, biến thành một người của phái đẹp, tuy được thiên hạ gọi là đức bà Quan-Âm, song trọn đời đồng trinh. Song Quan Thế-Âm kia mà sang qua đất Việt chúng tôi, lại biến ra nữa làm một người đàn bà có chồng rồi, không còn là một trinh nữ. Đó là Quan-Âm Thị-Kinh, đã ăn ở với chồng rồi, sau mới xuất gia. Đó là một cái luật sắp thép. Luật này gọi là luật « dân tộc hóa ». Cái gì ngoại lai, đến xứ Việt, muốn trường tồn được, phải « dân tộc hóa » trước đã. Đời này cũng vậy. Bồ tát Di-Lặc, hay là Cầu-Danh hay là A-dật-Đa, hay là Maitreya, giáng trần xuống đất Việt này, phải theo cái luật sắt thép « dân tộc hóa ». Chủ nghĩa Cộng sản ngoại lai, muốn tồn tại ở xứ này, trước phải « dân tộc hóa » cho hợp với tâm lý quần chúng kia ! Huống chi là

đạo cô Diễm Hồng. Việc đạo cô Diễm Hồng sẽ có chồng là một việc thích ứng với luật sắt thép « dân tộc hóa » mà !

Thompson cười nói :

— Tôi nghe nói Cộng sản có cái biện chứng pháp, bất cứ cái gì, họ đem biện chứng pháp ra mà cắt nghĩa, nghe đều có lý. Thật là cái đạo nói dóc của ông không thua gì biện chứng pháp cả. Cái nào ông cắt nghĩa, nghe thấy có lý.

— Chẳng những hợp lý, mà còn hơn biện chứng pháp nữa, hơn ở chỗ hợp tình..

Hợp tình ở chỗ nào đâu ?

— Ông sử gia lớn tuổi hơn tôi, chắc cũng đã trải qua những phút mà trái tim rung động vì một nàng vừa ý, thì không đến nỗi cười tôi. Tôi xin thú thật. Tôi được đọc bức thư của đạo cô Diễm-Hồng gửi ông Cabot Lodge. Tôi chẳng biết mặt mày đạo cô đẹp dễ như thế nào, tuổi tác bao nhiêu, ngôn hạnh ra sao... Không biết cái gì tất cả. Song chỉ biết ý của thư, mà tôi biết nàng là một kỳ nữ. Thì tôi liền bị « sét đánh » ngay. Tôi yêu đạo cô ấy. Tôi bình đạo cô ngay. Tôi cũng không biết đạo cô có luyện được phép màu dời trục trái đất như tôi đã nói chẳng. Tất cả

cái ấy, tôi hoàn toàn bịa ra mà nói dóc đề đề cao đạo cô lên. Tôi yêu đạo cô, thì tôi vẽ đạo cô theo cái tư tưởng của tôi. Đó là tâm lý chung của tất cả người đang yêu. Có phải vậy không ông Thompson ?

Thompson cười tha thứ đáp :

— Đúng đấy ! Tôi không dè ông Xích-Tử yêu đạo cô Diễm-Hồng là người chưa quen biết bao giờ, yêu tha thiết đến thế !

— Còn vấn đề chàng rể đòi của hồi môn thì thật ra, trong bình dân, người ta vẫn giữ cái tục bên trai phải nạp tiền cho cha mẹ bên gái. Song ở thành thị, các nhà trí thức, nhiệm văn hóa Âu Mỹ, khi giạt được mảnh da lừa ở một trường Đại học xong, thì lấy đó làm miếng mồi mà câu của hồi môn bên đảng gái. Tôi đây là thứ « trí thức ba rọi »...

— Trí thức ba rọi gọi là làm sao ?

— Cái này, ông đáng lẽ phải đi tìm ông Lê-Ngọc-Trụ mà hỏi. Song tôi đang muốn vợ quá, tôi nói phức cho ông nghe, kẻo mắt thì giờ. Các bà nội trợ ở miền Nam chúng tôi gọi thịt heo nửa có mỡ, nửa có nạc, là thịt ba rọi. Các bà nội trợ ngoài Bắc gọi là thịt ba chỉ. Nhưng tôi thấy danh từ ba

rọi nên thơ hơn là ba chỉ, khi nào cưới vợ xong, rồi rảnh tôi sẽ cắt nghĩa vì sao ba rọi nên thơ hơn ba chỉ. Còn bây giờ, tôi muốn vợ nộn quá, tôi xin phép ông thông qua vấn đề. Tôi là một trí thức ba rọi, là vì tôi cũng là bình dân như ai, thịt mỡ như ai, mà tôi cũng có lớp sơn trí thức, đi ăn giỗ cũng nói dóc như ai được, nghĩa là cũng thịt nạc như ai. Tôi là một trí thức ba rọi. Khi mà Hoa Kỳ đưa cho tôi số tiền mấy trăm tỉ đô la, thì tôi tổ chức lễ cưới theo lối bình dân, hoàn toàn Việt, là tôi đem một số tiền to mà nạp cho cha mẹ đàn gái mà xin rước dâu. Còn nếu Hoa Kỳ đưa số tiền ấy cho đạo cô Diễm-Hồng, thì tôi lại áp dụng cái thuật của các nhà « trí thức thịt nạc », tôi lại đòi của hồi môn.

— Các ông ấy còn có cái bằng cấp mà câu của hồi môn. Còn ông? Ông lấy gì làm mồi để câu của hồi môn mấy trăm tỉ đô la?

— Miếng mồi ấy là cái thuật làm thay đổi trục của quả đất. Cái ấy, tôi biết, chớ dễ gì đạo cô Diễm-Hồng đã luyện được rồi? Song vì tôi yêu đạo cô, tôi bí mật giao cho đạo cô cầm trong tay mình cho Hoa Kỳ...

Thompson cười hả hả nói :

— Thiệt là cái thuật nói dóc của ông, bề nào ông cũng cãi xuôi rớt. Tôi chưa hề thấy ai nói dóc như ông.

— Cha tôi là Ý Dur, tác giả *Phi Lạc sang Tàu* là tay nói dóc không vừa, mới viết được quyển ấy. Hễ hồ phụ, thì sanh hồ tử. Cha nói dóc, ít nữa cũng phải sanh con nói khoác. Chớ chẳng lẽ cha làm thầy, con bán sách ? Tôi giao cho đạo cô cầm tay cái bí mật ấy mà bán cho Hoa Kỳ, huyền thoại là tiền ấy của đạo cô, mà thực chất tiền ấy là của tôi. Cái gì của César, chúa Jésus đã dạy phải trả cho César. Thì cái gì của tôi, tất phải trả lại cho tôi. Song, để làm nở mặt cô dâu Diễm-Hồng, tiền ấy tôi để cho đạo cô Diễm-Hồng trao lại cho tôi, gọi là của hồi môn. Huyền thoại như vậy mới trọn vẹn. Mà, có người, như giáo sư Nguyễn-Văn-Trung ở viện Đại học Sài-Gòn, phân biệt thực chất và huyền thoại trong khi ông ấy khảo cứu thực dân chủ nghĩa. Còn tôi, tôi theo thuyết hòa đồng của giáo sư Nguyễn-Lương-Hưng, chủ nhiệm tuần báo *Hòa-Đồng*, tôi hòa đồng tất cả, hòa đồng thực chất và huyền thoại, cũng như hòa đồng thịt mỡ và thịt nạc làm thịt ba rọi. Số tiền mà Hoa-Kỳ trao,

rồi đến tay tôi, thực chất là của tôi, huyền thoại là của hồi môn của đạo cô Diễm-Hồng, hòa đồng lại, thì êm ru bà rù, ai nói sao cũng đúng cả.

Thompson quen theo luận lý hình thức, cái gì là A thì không thể là không A được, nghe luận điệu trái cẳng ngỗng của Xích-Tử, nhin cười không được và trào phúng nói :

— Cứ theo luận điệu của ông, thì thuyết biện chứng pháp của Mao-Trạch-Đông và đạo từ bi của Đạt-Lai Lat-Ma, rốt rồi ông cũng « hòa đồng » nốt.

Xích-Tử gục gặt đầu nói :

— Chưa có cơ hội để cho tôi đặt vấn đề chớ ! Chớ từ lâu, tôi đã thấy cái mối đề cọt lại rồi. Một bên nói : « A là cái không A ». Một bên nói : « sắc tức thị không, không tức thị sắc ». Nội cái nguyên tắc ấy, chừng nào Mao-Trạch-Đông cần đến mà « xét lại » chủ nghĩa của Marx, tôi sẽ biến thuyết « tranh đấu » của Marx ra cái thuyết *Ahimsa* của Thích-Ca...

— Thôi đi ông ! Ông nói chuyện trên trời dưới đất, mà chuyện ngay trước mắt ông chưa thấy.

— Chuyện nào trước mắt tôi, mà tôi chưa thấy ?

— Chuyện ông muốn cưới đạo cô Diễm-Hồng, rồi mơ mộng ông bàn tới nghi thức nạp điều sinh lễ hay đòi của hồi môn. Ông có thấy chăng ? Diễm-Hồng là một đạo cô, đã trót xuất gia, lẽ nào lại xuất giá ?

Xích-Tử cười hả hả đáp :

— Thần tình thay cho tiếng Việt ! Từ xuất gia đến xuất giá, chỉ cần thêm có chút dầu sắc nhỏ mà thôi. Tôi muốn cho đạo cô Diễm-Hồng, hiện nay đang xuất gia, ngày mai thành xuất giá, tôi chỉ cần thêm chút dầu sắc đó mà thôi.

— Dầu sắc ấy là cái gì ?

— Là bực, không phải là « hạ chiến thơ », mà là « hạ tình thơ ». Ông chịu khó ngồi hút thuốc chơi, để tôi thảo bực « hạ tình thơ » ấy.

Xích-Tử nói xong, lại bàn lấy giấy viết, rồi trao cho Thompson.

Thompson đọc :

Gởi một đạo cô chưa quen biết

MƯỜU

*Ngày xuân em hãy còn dài,
Mà lòng ân ái, ai ai cũng lòng.*

Âm dương sao thoát khỏi vòng ?
Nước dương dầu mát, lửa lòng dễ nguội ?

HÁT

Thanh xuân đang độ.
Cớ sao mà cố lánh nợ trần duyên ?
Chi dốc lòng cầu Phật với khăn tiền,
Thì chi đến cửa thiền, cho rộn chuyện ?
Thiếp tại nhãn tiền, nhi bất kiến !
Đạo vô tâm ngoại, cánh hà cầu ? (1)
Phật tại tâm, sao mãi kiếm ở đâu đâu ?
Tâm tức Phật, thì đâu đâu đều cũng Phật.
Lựa là phải vô chùa thế phát ?
Phận liễu bồ, dang cát tựa vào ai ?
Chữ rằng : Xuân bất tái lai ! (2)

(1) Lông nheo ở trước mắt, thế mà không thấy. Cái đạo không ngoài cái tâm, lại kiếm ở đâu ?

(2) Lời của kẻ chép truyện : Bài hát nói này, Ý-Thừa vốn không biết làm thơ, nên không đặt nổi. Nó vốn là tác phẩm của một nhà văn, bạn thân của Ý-Thừa, dùng mà « hệ tình thơ » cho một đạo cô gần làm lễ thế phát. Được tình thơ, đạo cô thêm dấu sắc vào thành ngữ xuất gia, thành xuất giá. Bây giờ, hai ông bà đã sáng tác được sáu mụn con. Tác giả không dám nhận bài hát nói là của mình, sợ bị dư luận công kích. Ý-Thừa tôi chép đăng lên, không với tinh thần « đạo văn ». Song thấy « ý thừa » người ta bỏ không dùng, mình chép lại cho độc giả đọc chơi và cười chơi. Xin Mỗ-Làng-Văn chớ buộc tội !

Đây nói về hai mươi tám nàng, sau khi nghe Diêm Hồng thuyết pháp, đều bằng lòng nhập vào « Minh Đạo », lãnh sứ mạng làm hai mươi tám vị tông đồ của đạo này, và đặt mục tiêu thứ nhất của mình là cứu Xích Tử ra khỏi « Tru tiên trận ». Các nàng chuẩn bị đầy đủ. Khi Kossyguine sang Hà Nội, Bundy đến Sài Gòn, Pleiku bị tấn công, thì đề trả đũa, phi cơ Hoa Kỳ dội bom ở Bắc Việt. Các nàng thấy thời cơ đã đến, bèn mở một cuộc hội họp báo chí, mời đủ các báo Việt ngữ và ngoại quốc đến. Ngồi trên bàn, để làm phát ngôn viên, ở giữa là Diêm Hà, bên tả là Hạ Liên, bên hữu là Sen. Còn hai mươi lăm nàng kia, thì trà trộn trong hàng ký giả mà không cho lộ sự liên lạc của mình và để làm chim mồi đặt câu hỏi đã chuẩn bị sẵn để lái cuộc nói chuyện theo mục phiêu đã sắp đặt. Diêm Hà đứng lên thuyết trình xong bằng tiếng Việt thì Hạ Liên dịch lại bằng tiếng Anh. Rồi Sen dịch, lại bằng tiếng Pháp. Đại ý của bản thuyết trình rút nơi bài thuyết pháp của Diêm Hồng hôm nọ. Và Diêm Hà kết luận :

— Giữ đúng truyền thống của phương Đông, Minh Đạo của chúng tôi tuy đã khai cơ, song lúc ban đầu phải giữ bí mật. Bất cứ tôn giáo nào đều có cái mà Phật học gọi là tam bảo. Bảo thứ nhất

nói về giáo chủ. Hiện nay chúng tôi còn giấu, chưa công bố giáo chủ của chúng tôi là ai. Bảo thứ ba, thuộc về giáo hội. Chúng tôi tạm giữ giáo hội chúng tôi sau cái màn bí mật, chẳng cho biết số tông đồ là bao nhiêu, số tín đồ là bao nhiêu và hệ thống tổ chức như thế nào. Chúng tôi chỉ trình cái « pháp » là cái bảo thứ hai mà thôi. Chúng tôi đã tóm tắt cái pháp ấy trong bản thuyết trình. Quý vị có cần bổ túc thêm điểm nào, xin quý vị đặt câu hỏi :

Mẫu đơn đứng dậy đặt câu hỏi :

— Muốn thành một tôn giáo, phải có phần mầu nhiệm. Chẳng vậy, hệ thống tư tưởng chỉ là một triết học mà thôi. Chẳng hay phần mầu nhiệm của Minh Đạo là cái chi ?

Diễm-Hà đáp :

— Quý ký giả đặt câu hỏi rất trúng phép. Những tôn giáo cũ xưa, thấy có phần mầu nhiệm của mình, như chữa bệnh tật bất trị, như cứu người chết sống lại. Gần đây đức Phật Thầy Tây-An hơn có bệnh dịch tả tràn lan mà ra cứu đời, cho đời thấy phần mầu nhiệm của mình, rồi mới lập đạo được. Minh Đạo chúng tôi cũng không đi ngoài công lệ ấy. Khác có điều là các giáo chủ xưa cứu

bị
na
ng

bị

quí

làm

nướ

khở

ít n

Diệt

trướ

chín

làm

Gòn

đều

nao

tôi c

có p

bệnh của cá nhân. Còn giáo chủ của Minh Đạo ngày nay lại chữa bệnh tập thể của nơn loại, của loài người.

Tường-Vi đặt câu hỏi :

— Xin phép phát ngôn viên đơn cử một căn bệnh tập thể, để cho chúng tôi nhận thức.

Diễm-Hà đáp :

— Chúng tôi xin kể một căn bệnh mà chính quý vị đang sống. Từ khi Sài-Gòn này được chọn làm kinh đô, thì Sài-Gòn bị náo hoai, lôi cuốn nước nhà trong nguy cơ không ngờ. Nói cho rõ, thì khởi đầu đã có vụ trô Ôn, làm náo cả Sài-Gòn. Ít năm sau, có vụ máu lửa đỏ thành do Ngô-Đình-Diệm và Lê-Văn-Viễn đánh nhau. Rồi Bảo-Đại bị truất phế. Rồi Ngô-Đình-Diệm bị đảo chánh. Rồi chỉnh lý, rồi xuống đường, rồi hốt, rồi... mà kể làm chi nữa, quý vị đương sống cái đại náo Sài-Gòn. Nhưng chưa có gì lâu ! Máy cái náo cũ thấy đều là thứ náo nhỏ nhỏ. Rồi đây sẽ có những « đại náo » khác nữa kia. Phạm là một tôn giáo, chúng tôi chỉ có quyền mách trước thiên cơ mà chẳng có phép lậu thiên cơ.

Mẫu Đơn đứng lên hỏi :

— Xin phát ngôn viên cho biết có cách chi để chữa cái « bệnh » tập thể này chăng ?

Diễm Hà đáp :

— Đúng theo truyền thống của phương Đông, thì cách trị « bệnh » tập thể này là thiên đô. Nhà Châu xưa đóng đô ở phía Tây, nên gọi là Tây Châu. Bốn trăm năm sau lại dời qua Đông nên gọi là Đông Châu. Nhà Hán cũng vậy. Đến Cộng sản duy vật là Mao Trạch Đông đây cũng tin theo thuyết ấy. Trước đó kinh đô nước Tàu ở Nam Kinh, thì khi Mao Trạch Đông lên, thì dời về Bắc Kinh. Đến ông tổ Cộng sản là Lênine cũng tin theo, dưới thời Nga hoàng, kinh đô nước Nga ở Saint-Petersbourg, mà khi Lênine lên cầm quyền thì dời về Moscou.

Nàng Búp đứng lên hỏi :

— Ở xứ ta, có nên áp dụng truyền thống ấy chăng ?

Diễm Hà đáp :

— Nên lắm chớ. Nhà Đinh đóng đô ở Hoa Lư, nhà Lý thiên đô lại Thăng Long. Đến nhà Nguyễn dời đô về Huế. Bởi vượng khí của Huế ít quá, nên nhà Nguyễn làm chủ không quá sáu mươi năm là nước bắt đầu bị xâm lăng.

Sử đứng lên hỏi :

— Do đâu mà vượng khí ít quá ?

Diễm Hà đáp :

— Bởi vì Huế lập trên bờ sông Hương. Sông này nhỏ, vắng, nước chảy lờ đờ, chẳng hùng vĩ chút nào cả. Do đó mà nhà Nguyễn suy yếu, binh vực nước không nổi mà dân ta bị mấy năm đô hộ. Tôi nói đây là áp dụng đúng lý thuyết của khoa mà chúng ta gọi là địa lý, mà bên Tàu còn có cái tên khác là khoa phong thủy.

Hồng đứng lên hỏi :

— Phát ngôn viên có thể dùng khoa phong thủy mà cắt nghĩa thời cuộc nước nhà chẳng ?

— Được chớ. Sau ngày đất nước bị cắt đôi, Cộng sản đóng đô ở Hà Nội, trên bờ sông Nhĩ, còn Ngô Đình Diệm đóng đô ở Sài Gòn, trên bờ rạch Sài Gòn. Sông Nhĩ thế hùng vĩ hơn sông Đồng Nai, huống chi là sánh với cái rạch nhỏ là Sài Gòn. Do đó mà khí thế của Ngô Đình Diệm kém hoài đối với khí thế của Hồ Chí Minh. Viện trợ Hoa Kỳ là một lẽ, cái lẽ nhân tạo. Còn cái khí thế thiên nhiên là do sông núi tạo ra.

Thu Cúc đứng lên nói :

— Nếu lập luận của phát ngôn viên là đúng, thì Chánh phủ miền Nam, nếu muốn thủ phần thắng, phải quyết định thiên đô. Xin phát ngôn viên cho biết, nếu thiên đô thì nên dời đô đến đâu? Và lấy tiền ở đâu mà kiến thiết kinh đô mới ấy?

Diêm Hà đứng lên đạo mạo đạp :

— Đễ đạp hai câu hỏi này, phải áp dụng lời Phật huấn. Trước khi đức Thích Ca tịch, ngài có đạn nhỏ cho đức A Đạt Đa, tức là Bồ tát Di Lạc, hay là Maitreya, đứ chi tiết về điều này. Hai ngàn bốn trăm mấỵ mười năm về sau, tức là bây giờ đây, chúng ta phải áp dụng đúng lời Phật huấn.

Xuân Lan hỏi :

— Chẳng hay Phật dạy thế nào?

— Lời Phật dạy không tiện công bố ra đây. Vì nếu chúng tôi không thận trọng thì lập tức Sài Gòn sẽ bị đạị náo !

Muốn biết vì sao, khi Diêm Hà công bố lời Phật huấn thì Sài Gòn sẽ đạị náo, hãy xem đến hỏi sau phân giải.

HỒI THỨ MƯỜI MỘT

*Luận Ba Thiên, được tin Xích-Tử
Giải tình thơ, thuyết phục Diễm-Hồng,*

Đây nói về Diễm Hà, khi tuyên bố rằng lời Phật dạy không tiện nói ra, vì lập tức Sài Gòn sẽ bị đại náo, thì thấy chị em bạn thân của mình là Hạ Huệ đứng lên phản đối rằng :

— Đức Phật là đức Từ Bi, Cứu Khổ, Cứu Nạn. Thì lời dạy của ngài phải đem yên vui lại mới phải đạo lý. Cớ sao phát ngôn viên lại bảo rằng lời ấy lại có thể đem đại náo lại cho Sài Gòn này ?

Diễm Hà đáp :

— Đái náo là do lòng tham của con người, tuy Phật dạy yên vui song người quá tham mà sanh đại náo. Ví dụ, nếu cho hay ngày nào là ngày thiên đô, chỗ nào là sắp thiên đô tới, thì lập tức, dân Sài Gòn đua nhau mà bán nhà, bán bình đình, bán

đất. Giá các món ấy sẽ sụt như trẻ con ôm cây thoa mỡ bò mà bị tuột xuống vậy. Rồi giá đất ở nơi sắp thiên đô, trước là đồng ruộng, giá mỗi mẫu cao lắm là mười ngàn đồng, bấy giờ sẽ vọt lên, mỗi thước nhảy lên năm, mười ngàn đồng, nghĩa là sắp năm, mười lần cao hơn. Rồi hai triệu dân ở Sài Gòn ùn ùn di cư, thì cuộc di cư năm 1954 kể như là trò chơi của trẻ con. Họ tranh giành nhau, xô đẩy nhau. Có phải là đại náo không ?

Lại đứng dậy hỏi :

— Muốn thiên đô, phải có đủ tiền để kiến thiết một đô thành hoàn toàn mới, hoàn toàn kim thời, đủ tiện nghi, thêm đẹp đẽ. Đường sá phải rộng gấp mười đường sá của Sài Gòn cũ. Phải có đường xe hầm(métro) như các thủ đô ở Âu Mỹ. Rạp hát phải rộng rãi hơn các rạp hát ở Hoa Kỳ. Vì phải chuẩn bị mà lập một kinh đô chứa ít lắm mười triệu dân, kinh đô của một nước thịnh vượng kia ! Vậy phát ngôn viên cho biết ta sẽ lấy tiền ở đâu mà cất một kinh đô đồ sộ như vậy ?

Diễm Hà đáp :

— Ai có nghiên cứu lịch sử của Phật giáo một cách kỹ lưỡng, đều có thể trả lời câu hỏi này. Khi Phật gần tịch, thì đã dặn cho đức Maitreya hai

ngàn năm trăm năm sau phải giáng phàm sang miền Nam nước Việt này mà mở hội Long Hoa. Tám trăm năm sau, có nhiều vị Bồ tát hiểu được ý muốn của Phật, bèn gom góp tất cả tượng Phật bằng vàng ở Ấn Độ sang qua đây. Đến đây, đoàn người đổ bộ tại Óc Eo, và hiện nay, người ta khai quật, đã thấy dấu vết của sự đô hộ ấy. Xưa nữa, xứ Ấn Độ theo đạo Phật lại bị quân Hồi Hồi xâm lăng. Dân Ấn đánh không lại. Những nhà tu, một lần nữa, gom góp tượng Phật bằng vàng mà chở sang qua đây mà giấu để dành sau này cho Phật Di Lặc lấy đó mà xây cất kinh đô mới.

Thu Cúc hỏi :

— Hiện nay, hai pho tượng Phật bằng vàng ấy, phát ngôn viên có biết giấu ở đâu chăng ?

Diễm Hà đáp :

— Chỉ có giáo chủ của Minh Đạo mới biết cái bí mật ấy. Mà chúng tôi tưởng rằng, dầu có biết, cũng không nên lộ bí mật ấy. Bởi vì các cha nội mà biết được, sẽ động lòng tham, ai cũng muốn cướp lấy mà làm chủ trọn quyền sử dụng.

« Do đó mà sự tranh giành sẽ gây go lắm. Đại náo Sài Gòn còn gì ? »

Không ai đặt câu hỏi nữa, cuộc hội họp báo chí giải tán. Hai mươi tám nàng đã lãnh chỉ thị mà thả con vịt khổng lồ. Không bao lâu, cả Sài-Gòn, dân chúng thấy đều hay, bàn tán tứ tung. Nhiều người biết Diễm Hà, Hạ Liên và Sen tuy là sanh viên Văn khoa, song cũng là nhà báo, nên phê bình bằng câu « Làm báo nói láo ăn tiền ». Còn những người có đọc *Kim cổ kỳ quan*, lại cho rằng các nàng này đã rút ý tứ của ông ba Thới mà hệ thống hóa lại để khai thác lòng mê tin của bình dân.

Đây nói về Thompson, khi lãnh bức thư của Xích Tử bỏ túi rồi, thì bước ra xe mà lái lên Bà Chiểu. Nhưng đi được nửa đường, liền quẹo lại mà đến tìm Hồ Hữu Tường, thuật đầu đuôi cho bạn nghe, xong rồi nói :

— Lúc này, tôi muốn đem bức thư mà trao ngay cho đạo cô Diễm Hồng. Song không biết làm như vậy có hợp với tục lệ người Việt chăng? Nên quày xe đến đây hỏi ý kiến ông.

Nói rồi móc bức « hạ tình thư » mà đưa cho họ Hồ xem. Xem xong, họ Hồ cười nói :

— Con nít đời bây giờ quá lắm. Mới mười bảy tuổi mà đã biết muốn vợ, mà đã biết hạ tình

thơ. Nhưng lòng muốn thì to, mà kinh nghiệm thì ít. Thơ tình mà gửi cho con gái thường một cách đường đột, chưa chắc có kết quả, huống chi là gửi ngay cho một đạo cô. Nhưng mà, thấy nó như vậy cũng tội nghiệp, để tôi theo ông đến chùa Hồng Môn. Chủ chùa là chỗ quen biết của tôi. Ông mượn cơ trả cái thơ gửi cho ông Cabot Lodge và luôn trao bản dịch cho Diễm Hồng, tôi sẽ dò tình thế ra sao, chừng thấy tiện mới ngỏ ý làm mối mai cho Xích-Tử chứ !

Thompson cho là phải. Hai người cùng lên xe rồi tiến lên chùa Hồng Môn. Đến nơi, gặp chủ chùa. Chào hỏi xong xuôi, chủ chùa mời họ Hồ ngồi trên một chiếc gối đặt trên gạch, mời Thompson ngồi trên ghế rồi khởi sự :

— Hơn một năm nay, Hồ đạo huynh mới ghé chùa tôi...

Thompson ngạc nhiên hỏi :

— Thiên hạ ai cũng biết ông bạn là học giả, là tiểu thuyết gia, là nhà toán học, là nhà chánh trị, là nhà giáo dục. Chưa nghe ai nói ông bạn đi tu bao giờ. Cớ sao bà chủ chùa lại gọi là Hồ đạo huynh ?

Chủ chùa cười tùm tùm đáp :

— Chẳng những đạo huynh đây là nhà tu, mà lại còn là một giáo chủ nữa. Hồ đạo huynh là giáo chủ của « Minh Đạo ».

— Ủa ! sao mà đạo cô Diễm-Hồng ký tên tự xưng là giáo chủ của « Minh Đạo » còn bà chủ chùa cũng bảo bạn tôi là giáo chủ của « Minh Đạo ». Không lẽ một đạo mà có tới hai giáo chủ ?

Chủ chùa cười ra tiếng, đáp :

— Nào có phải cùng một đạo mà có hai giáo chủ ? Thật sự là có hai đạo, mỗi đạo có riêng một giáo chủ. Minh Đạo của Diễm-Hồng, thì chữ *minh* viết là chữ *nhật* nằm bên chữ *nguyệt*, và nghĩa là ánh sáng ; vậy Minh Đạo này là đạo ánh sáng, của thời thanh bình, của lúc loài người thoát được cảnh đen tối của việc đấu tranh. Còn Minh Đạo của Hồ huynh, thì chữ *minh* viết là chữ *khâu* nằm bên chữ *điều*, và có nghĩa là gáy, là nói dóc. Bởi Hồ huynh có tài nói dóc hay lắm, ai cũng chạy, ai cũng sợ, nên tôn làm ông tổ nói dóc. Nói cách khác, ấy là giáo chủ của Minh Đạo, giáo chủ của đạo nói dóc.

— Tôi giao thiệp với ông Hồ từ mười mấy năm nay, tôi thấy ông là học giả nói đâu có đó, có đủ bằng chứng. Tôi chưa hề nghe ông nói dóc với tôi một câu.

Chủ chùa cười một loạt, rồi nói :

— Tôi có đọc bản dịch bản tiểu thuyết trứ danh của Stevenson, nhan đề là *Bác sĩ Jekyll và ông Hyde*. Chắc ông sử gia cũng có đọc chớ ?

— Người Anh, người Mỹ nào mà chẳng biết quyền tiểu thuyết trứ danh ấy ? Tác giả lập luận rằng trong mỗi con người có hai nhân vật, một ông Thiện và ông Ác. Rồi dùng thuật phân thân mà tách ông Thiện và ông Ác làm hai người để ông phân tích và tả ra. Ông Thiện, ấy là bác sĩ Jekyll, nhà bác học tìm được thuốc « hóa thiện » và « hóa ác ». Bác sĩ Jekyll uống thuốc « hóa ác » vào, thì nhà bác học hiền lành biến mất đi, và cũng trong cái xác cũ, ông Hyde hiện ra. Rồi hề ông Hyde uống thuốc « hóa thiện » thì tính ác biến mất đi, mà bác sĩ Jekyll hiện trở lại. Cả bản tiểu thuyết là tả cái biến thể từ thiện sang ác, từ ác sang thiện.

Chủ chùa nói :

— Tiểu thuyết của Stevenson là một thứ tiểu thuyết — khoa học — dự tưởng (roman — science fiction). Sở dĩ gọi là dự tưởng, bởi vì hiện nay, khoa học chưa phát minh thứ thuốc hóa thiện và hóa ác mà Stevenson đã dự liệu. Còn ở phương Đông chúng tôi, văn minh tu sĩ đã tiến bộ xa hơn nhiều. Cái là dự tưởng, thì từ lâu, đã là sự thật. Và trong người của Hồ đạo huynh, cũng có hai nhân vật, y như trong tiểu thuyết của Stevenson. Nhân vật thứ nhất là người có một nền giáo dục đảng hoàng, bằng vào kinh sách, khoa học và mọi phép giao tế được luân lý ca ngợi. Nhân vật này, tên là Hồ-Hữu-Tường. Nhân vật thứ hai là thằng nhỏ con nhà nông, chịu sự giáo dục của đám thợ cấy, thợ gặt, của đám bình dân, ra việc nói dóc của Cống-Quỳnh, ra lối hóm hỉnh của Hồ-Xuân-Hương, ra bịp thiên hạ để cười chơi. Chính nhân vật thứ hai này xây dựng ra Hồ-Phi-Lạc là tay nói dóc tở mà toàn cõi Việt-Nam, ai cũng nghe tiếng. Khi giao thiệp với người đảng hoàng, thì chỉ vận dụng nội tâm, nhốt Hồ-Phi-Lạc vào tiềm thức, thì Hồ-Hữu-Tường hiện ra đầy đủ, đề chường bộ mặt học giả, giáo sư, đạo đức. Nhưng khi gặp bạn tri kỷ trong làng nói dóc, hoặc ngồi buồn một mình mà chơi văn giỡn chữ, thì mở cửa

tiềm thức, thả lỏng thẳng nhỏ con nhà nông hóm hỉnh ra.

— Như vậy là không cần phát minh ra thuốc hóa thiện, hóa ác, mà chỉ vận dụng nội tâm thì, khi cho trời lên nhân vật Hồ-Hữu-Tường, khi cho trời lên nhân vật Hồ-Phi-Lạc. Việc vận dụng nội tâm như vậy, tôi nghiên cứu trong sử, chưa hề thấy nói bao giờ.

— Nhà viết sử không phải là nhà tu sĩ, làm sao mà biết được cái chi ở trong nội tâm của những nhà đạo học cao dày? Sử gia có nghe nói trong Phật học có cái mà người ta gọi là tử chứa cái thức chăng?

— Có nghe. Tâm lý học bây giờ gọi là tiềm thức.

— Tôi tưởng gọi đó là cái tử thì không bóng bẩy lắm. Gọi là cái rừng tiềm thức thì đúng hơn. Vì tôi ví những tư tưởng như là những thú mà chủ hơn nhất trong rừng. Kẻ không tu luyện ví như người thường, mặc tình cho thú ở rừng thoát ra làm sao, thì hay vậy. Người có tu luyện thì ví như người có tài trị được những thú trong rừng ấy. Khi muốn cho loại nào ra mùa may, thì loại ấy ra. Khi muốn xua loại ấy vào mà cho thú khác

ra hát, thì thú khác ra hát. Điều này, cũng có nhiều người không tu mà vẫn biết làm nhưng họ không biết rằng họ biết làm, cũng như ông Jourdain làm tản văn mà không biết mình biết làm tản văn vậy !

— Ví dụ ?

— Ví dụ một nhà trí thức có nhiều tài hoa. Khi gặp việc nói chuyện về thơ, thì ông cho những ý thơ trời lên để nói chuyện. Khi gặp việc nói chuyện về chánh trị, thì ông cho những ý về chánh trị lên sân khấu. Khi gặp việc nói về toán, thì ông cho những ý về toán trời lên...

— Thế thì ai cũng làm được hết.

— Phải ! Ai cũng làm được hết. Nhưng muốn đạt đến nghệ thuật cao siêu, làm cho trong một tấm thân, mà hiện rõ hai nhân vật là Hồ-Hữu-Tường và Hồ-Phi-Lạc, thì chỉ có đạo huynh của tôi đây luyện nổi mà thôi.

Hồ-Hữu-Tường nãy giờ ngồi nghe và cười tủm tỉm, xen vào nói :

— Nầy ông Thompson, nữ đạo hữu của tôi vì muốn quá khen tôi, mà làm cho tôi mắc một cái hàm oan. Tiểu thuyết *Phi-Lạc sang Tàu* không

phải tôi viết ra. Khi in trên *Sài-Gòn mới*, tác giả đã ký tên hẳn hoi là Ý DU. Hồ-Phi-Lạc nào phải là nhân vật tiểu thuyết do tôi xây dựng ?

Chủ chùa cười đáp :

— Đành vậy. Vẫn biết Ý-DU là tác giả. Song Ý-DU chỉ mở mắt mà nhìn nhân vật Hồ-Phi-Lạc trong người của đạo huynh mà ghi lại trong tiểu thuyết mà thôi...

Thompson nói :

— Tôi đồng ý với bà chủ chùa. Khi nói chuyện với tôi ông bạn tôi luôn luôn cho xuất hiện người đạo mạo chính chắn để nói chuyện. Song tôi tin rằng có thể gặp bạn bè trào phúng, nghịch nghịch, đùa đùa, bạn tôi cũng hưởng ứng để mà xả hơi. Thưa bà chủ chùa, phép vận dụng nội tâm mà bà vừa cắt nghĩa đó tên là chi. Tôi là sử gia tôi muốn ghi chép cái thuật văn hóa này vào sử.

— Chủ chùa đáp :

— Ông đọc sách Phật, ông chắc đã thấy rằng ở Tàu có phép *chen*, sang Nhật, tiếng Nhật gọi là *zen*. Còn ở Việt-Nam, phép ấy gọi là *thiền*. Thiền là phép làm cho nội tâm mình lắng trong, tư tưởng chìm hết ở đáy, như vẩn bụi trong nước

mà lắng xuống đáy lu vậ. Nội tâm lắng trong, thì mình làm chủ cái tư tưởng của mình. Mình muốn cho tư tưởng nào đến châu mình, thì độc có tư tưởng ấy đến, các tư tưởng khác tư tưởng ấy giữ trật tự, nằm êm ở đáy lòng, không đến làm loạn sự suy tư của mình. Còn phép của đạo huynh họ Hồ vận dụng, tên là Ba Thiên.

Thompson hỏi :

— Tại sao lại là Ba Thiên ?

Bà chủ chùa cả cười đáp :

— Ngôn ngữ Việt-Nam, nhưt là của mình bình dân, rất là tế nhị. Cái gì là xấu, cái gì là bị họ ghét, cái gì là bị họ chê, thì họ ghép chữ ba vào trước cái tên của nó. Tôi mắc lo tu hành, không thời giờ đọc hết các sách nên không biết khi hai ông Nguyễn-Hiến-Lê và Trương-Văn-Chình viết cuốn *Ngữ-pháp Việt-Nam*, hai ông có ghi cái luật ấy vào sách chăng ? Như người Việt ghét linh sơn đá của Pháp, thì gọi chúng là Ba Đá ! Như người không ưa người Tàu, thì gọi họ là Ba Tàu. Người Việt khinh ai không thể phán quyết đoán nghe cái gì cũng cho là phải, thì họ gọi là Ba Phải. Như người Việt ghét những người xao, thì gọi là Ba

Xạo... Nhiều lắm. Nhiều lắm, những thí dụ về công dụng của tiếng Ba ghép trước một tiếng khác. Bây giờ nói riêng về cái thuật của Hồ đạo huynh. Các nhà tu thì dùng cái thiền. Còn Hồ đạo huynh thì dùng cái Ba Thiên, nghĩa là không điều khiển tư tưởng của mình, lắng chìm chúng nó, chỉ để chường ra cái nào mà mình cần dùng, đạo huynh lại cho chúng nó hiện lên cả bầy, chẳng khác nào cho bầy cọp loạn rừng mà tràn vào làng xóm mà phá thiên hạ. Khi mà nghĩ về vấn đề tư tưởng, triết học, khoa học, thì đạo huynh cho tư tưởng này cấu kết với ý kiến kia mà xây dựng lý thuyết, huyền thoại. Thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương gọi đó là « tung thị kiến ». Nhưng khi nào để giải trí, thì đạo huynh không đi những hộp đêm mà xem những trò thoát y vũ, đến phòng trà mà nhìn các vũ nữ nhảy tuit, nghe các ca sĩ du dương. Đạo huynh lại ở nhà, nhốt những tư tưởng đạo mạo lại, thả ra cả bầy, loạn xị những tư tưởng về loại Cống Quỳnh, Ba Giai, Tú Xuất, trào phúng hóm hỉnh, rồi xem chúng múa lượn trên sân khấu của nội tâm mình. Tệ hơn nữa, là những cái trò đã xem trên sân khấu ấy, có khi đạo huynh chép lại thành tiểu thuyết. Khi những ông Tàu, những ông Mỹ, những ông Nga bị đem ra làm đối tượng cho trò giải trí của đạo huynh, thì độc giả thấy hưởng.

ưng mà cười. Nhưng mà, khi nghe nói sắp có màu sắc lô canh, thì ở đất này, nhiều người tìm đánh tình thích. Hễ bị đạo huynh đem ra làm đối tượng để trào phúng, rồi đồ quạu, thì kẻ bàng quan càng cười thêm sự đồ quạu của mình, chẳng hóa ra mình là kẻ bất tri. Còn ngậm mà nghe, thì tự ái bị thương tổn...

Thompson chặn ngang nói :

— Tôi hiểu rồi. Ông Xích-Tử nói thiên hạ thấy đều ghét ông bạn tôi, bây giờ nhờ bà cắt nghĩa, tôi mới hiểu vì sao mà thiên hạ ghét người hiền lành như vậy. Bởi họ ghét cay ghét đắng lối thiên oái oăm nọ, mà họ đặt cho tên nó là Ba Thiên chớ gì !

Bà chủ chùa đáp :

— Đúng như vậy. Tôi đây là nhà tu, đáng lẽ không thể ghét ai, mà lắm khi tu tâm không nổi, tôi cũng đâm ra ghét đạo huynh của tôi. Nhưng rồi tôi chịu được vì đạo huynh cười hà hà nói : « Chỉ để thử coi đạo hữu đã trị con tâm được mấy mươi phần trăm ». Mà thừa sử gia, sử gia có nói tới tên Xích-Tử. Từ khi đọc PHI-LẠC SANG-TÀU, tôi đã luôn luôn để ý tìm ông ấy là ai, hiện ở đâu và tôi có gặp được chăng ?

— Xích-Tử là một thanh niên mười bảy tuổi...

— Ở phải, năm 1948, PHI LẠC SANG TÀU ra mắt công chúng, thì nó cũng vừa chào đời. Vì vậy mà được cái tên Xích-Tử, đứa trẻ sơ sinh còn đỏ lỏi.

— Hiện nay Xích-Tử bị giam lỏng nơi một binh đình. Và Ngũ-giác-đài ở Hoa-Thạnh-Đốn giao cho tôi nghiên cứu mưu định, kế hoạch và đường lối của ông ấy sao.

Chủ chùa nhắm mắt định thiền, năm phút sau, mở mắt ra nói :

— Tôi vừa nhập thiền, để chiêm một quả. Đề tôi đọc quả ấy cho sử gia nghe.

Thompson lật đật lấy bút máy chép lời của chủ chùa ngâm.

Ngâm rằng :

Quý khách tương phùng cánh khả kỳ !

Đình tiên, khó mọc, phụng lai nghi.

Hảo tương đoản sự cầu trường sự.

Hưu thính bàng nhân thuyết thị phi.

Nãy giờ Hồ-Hữu-Tường, bị chủ chùa làm đối tượng, để đem phần tâm học ra mà phân tích trước

mặt người ngoại quốc thì thẹn lấm, muốn tìm một ý, ý nào cũng được, Ý Út, Ý Thêm, Ý Dư, Ý Thừa Ý Nữa, Ý Hết, Ý còn, Ý nào cũng được, miễn là đừng Ý Ngu thì thôi, một ý thật hóm hỉnh, thật trào phúng, thật chua chát, thật cay độc, thật mặn nồng, mà cũng thật ngọt bùi, thêm êm dịu, vị nào cũng đủ hết, để dùng làm một chưởng mà đánh trả thù lại chủ chùa.

Song nghĩ vì không ai nữ đánh một người đàn bà, mặc dầu bằng một cái hoa, huống chi ở đây lại đánh một nữ tu sĩ, bằng một cái chưởng, nên đành nin thính, ngậm mà nghe. Bây giờ, nghe ngậm bài thơ, thấy có cơ hội «ngàn năm một thuở» để lái câu chuyện sang địa hạt khác, bèn chen vô mà nói rằng :

— Ông Thompson nghe nữ đạo hữu ngâm bài thơ, mà có đoán được ý chăng?

Thompson đáp :

— Nghĩa thì tôi hiểu, còn ý, chắc phải nhờ ông bạn bàn giùm.

— Tôi vui lòng bàn cho ông đạt ý. Ông đến đây, trong túi vốn là bức tình thơ của Lê-Ních-Tử hạ cho đạo cô Diễm-Hồng. Tôi có khuyên ông chờ

nên làm viên phắc tư lậu, mà trao cho đạo cô. Đạo cô là con nhà có dạy, nào phải là phường lượm lá thăm trời ở rãnh, với lòng ước mong gặp được thơ tình? Tôi lại khuyên ông đóng vai lão Nguyệt, đến đây bàn việc mai dong. Vậy thì hai chữ đầu, là «qui khách» trở hẳn cô dâu chú rể.

Thompson gật đầu công nhận và nói tiếp :

— Vậy thì năm chữ sau có ý là : sự tương phùng của cô dâu chú rể, rất là nên hẹn đi.

Họ Hồ cười khoái trá nói :

— Lão Nguyệt xin đạo hữu hẹn cho ngày nào Xích-Tử có thể đến đây làm lễ dạm hỏi đạo cô Diễm-Hồng. Xin đạo hữu trả lời!

Chủ chùa đáp :

— Từ mấy năm nay, nuôi Diễm-Hồng, dạy dỗ, truyền đạo cho nó, bởi vì tôi có dụng ý. Tôi làm giáo chủ của phái Hồng Môn, mà cứu cánh của phái này là chờ ngày chấm dứt hạ nguơn để sang nguơn thanh bình, thì phái của tôi mở rộng cửa ra, để cho nhân loại bước từ nguơn bên này sang qua nguơn bên kia. Mà sang qua nguơn bên kia, thì loài người sẽ dần vang tiến bước trên con đường

của «minh đạo», theo sự hướng dẫn của giáo chủ của minh đạo này. Tôi đã chuẩn bị cho Diễm-Hồng lãnh sứ mạng này, làm sao mà gả nó cho được ?

Hồ-Hữu-Tường đáp :

— Tôi không nói ý của tôi, mặc dầu tôi có ý phải, ý hiền, ý hay, ý đẹp, gì nữa ! Tôi chỉ bàn ý của lời quẻ. Quẻ bao giờ cũng mượn một cái «tượng» mà nói ý của mình. Cái tượng ở đây đã rõ ràng trong câu thứ hai : «Đình tiền khô mộc, phụng lai nghi». Trước sân, cây khô, ấy là tượng cái đời của một đạo cô chỉ thấy cái triển vọng trọn đời ở vậy, chẳng biết cái xuân là gì. Thế mà, lại có một cái tượng khác đến. Ấy là con *chim phượng* đến, đậu lên, thành ra chữ *nghi*. Chữ *nghi*, là chữ *nhon* đứng bên chữ *nghĩa*, dùng để tả hình thức của cái lễ. *Chim phượng* lại tượng trưng cho điềm lành, báo hiệu cho một đời thanh trị, *Chim phượng* đến gáy ở Tây-Kỳ mà nhà Châu dựng lên, tồn tại tám trăm năm. *Chim phượng* đến, đậu lên cây khô, mà có hình thức của một cái lễ lớn, ấy là một cái lễ bày ra một lần, mà nhân loại hưởng đến ngàn năm. Phiến đảo thành ngữ của Ý-Dur, ấy là có một thuở, mà được ngàn năm vậy. Nếu đạo cô giữ vẹn đời xuất gia, thì đến chết, không con, không cháu, dòng

sống đến đó như mạch nước con chảy vào đồng cát lớn. Dòng nước sẽ tuyệt. Còn nếu đạo cô chịu thêm dấu sắc vào chữ gia, mà xuất gia thành xuất giá, thì có chồng chỉ có một thuở, mà con cháu truyền nối nhau ngàn năm. Một thuở ngàn năm là vậy đó !

— Còn đại chi của tôi, nhờ ai mà đạt thành ?

— Nhờ Xích-Tử chớ ai ? Trong cơn điên của tôi ở Côn-Đảo, tôi đã thấy điều đó, nên đã ngâm : «*Toang mở Hồng Môn*». Mà này đạo hữu, đạo hữu có hiểu ý nghĩa của ba chữ sau ra thế nào chẳng?

— Ý đó làm sao ?

— Màu *xích* đỏ đậm, pha với màu *bạch* là trắng, thì thợ sơn có màu hường. Trong cơn điên, tôi đã thấy thằng Xích-Tử đến mở toang cửa Hồng Môn mà rước dâu, và cô dâu lại tên là Hồng nữa. Màu hường đẹp, bởi vậy mới gọi là Diễm-Hồng.

— Chữ *hông* mà tôi đặt cho Diễm-Hồng nào phải màu hường. Ở đây, nó là cái mống. Chữ *trùng* nằm trên chữ *công* mà !

Hồ-Hữu-Tường bị đánh một chưởng nặng quá, không trả lời nổi. Thompson cũng biết khá khá chữ Hán, nên hiểu ngay rằng cái đòn rất độc, và

chờ xem họ Hồ đáp thế nào. Chủ chùa đắc thắng, thò tay lấy ô, chậm rãi tẽm một miếng trầu, bỏ vào mồm nhai nhóp nhép. Hồ-Hữu-Tường dục hoãn cầu mưu, nói :

— Điều mà tôi nói đây hệ trọng lắm. Đạo cô Diễm-Hồng cần phải hiểu phần bí truyền, mà may thay, nhờ cái tên của đạo cô, mà đạo cô được duyên lành nghe tôi nói lại.

Chủ chùa cầm ống nhổ kê lên, nhổ nước giở trầu, cười chúm chim, gọi to lên :

— Diễm-Hồng! Con xuống nghe sư bá truyền đạo cho.

Diễm-Hồng, nãy giờ ở trên gác, cũng nghe đủ câu chuyện, và khi nghe lọt vào tai việc thêm dầu sắc mà đổi xuất gia thành xuất giá, thì hơi thẹn thẹn, cũng muốn tham gia vào cuộc nói chuyện, rình rình đánh vài chưởng mà trả thù, nèn vội vã bước xuống, hai tay chấp lại mà thưa :

— Chào sư gia. Chào sư bá.

Thompson lật đật chào lại và rút trong túi ra cái thơ của nàng viết gửi cho Cabot Lodge mà trả lại. Muốn dục hoãn cầu mưu, Hồ-Hữu-Tường nói

— Còn cái thơ của Lê-Xích-Tử gửi cho đạo cô, ông bạn cũng nên đưa luôn cho đạo cô.

Thompson móc túi, lấy bức tình thư ra trao. Diễm-Hồng nói :

—Thầy cho phép con nhận chẵng ?

Chủ chùa thấy ăn chắc trong tay, đáp :

—Con cứ nhận mà đọc. Có gì thắc mắc, con hỏi sư bá giải cho con nghe. Rồi con sẽ nhờ sư bá giải thích cho con rõ : ba chữ «*thâu xích bạch*» lại có nghĩa là đi cưới Diễm-Hồng.

Diễm-Hồng nhận bức tình thư của Xích-Tử, đọc. Càng đọc, càng thẹn, má ửng đỏ hồng. Hồ-Hữu-Tường đề kéo dài, nói :

— Khi ông Thompson dịch thư, có đánh điện thoại mà bàn về bức thư mà đạo điệt đã viết cho ông Cabot Lodge. Đạo điệt có biết chẵng? Ông Cabot Lodge là người của cái văn minh kỹ sư, mà đạo điệt bảo đề nghị một việc cho Mao-Trạch-Đông, tất nhiên, đạo điệt phải chuẩn bị ý kiến để đáp lời phản ứng : hỏi : «*Có gì làm cho Mao-Trạch-Đông sợ mà chấp nhận đề nghị?*»

Diễm-Hồng thấy nói chuyện trên địa hạt khác đề chịu hơn là bàn về tình thư của Xích-Tử, nên đáp :

— Sư bá giúp cháu câu trả lời, mặc dầu cháu sẵn có câu trả lời rồi. Nhưng có thêm nhiều dây cho cây cung của mình, càng tốt !

Hỏi thì hỏi vậy, chớ nào Hồ-Hữu-Tường có nghĩ sẵn lối gì làm cho Mao-Trạch-Đông sợ ? Nền chi, lời của Diêm-Hồng biến thành một đòn chưởng xáng xuống, Hồ-Hữu-Tường đau điếng, chẳng biết trả lời làm sao. Thompson thấy bạn lúng túng, chen vào cứu. Và nói :

— Tôi có đem vấn đề mà đặt cho ông Lê-Xích-Tử. Ông ấy có trình cho tôi biết một cách làm cho Mao-Trạch-Đông sợ. Ấy là nói cho hẳn biết rằng mình có thể làm cho trục trái đất thay đổi, đến xuyên ngang giữa nước Tàu, biến nước Tàu thành ra cái Bắc cực mới, lập tức chôn vùi nước Tàu dưới lớp nước đá cao mấy trăm thước, mà 750 triệu dân Tàu cũng lập tức chết ráo !

Diêm Hồng phê bình :

— Ông Xích-Tử là người phạm, không tu hành, nên ít lòng từ bi, báí ái, nghĩ đến việc giết 750 triệu người mà chẳng chút thương hại...

Hồ-Hữu-Tường chụp lấy cơ hội để kéo dài, nói:

— Đạo diệt nói rất có lý. Lời của đạo diệt quả là lời của kẻ mà dạ thương người to bằng cái vũ

tru vòng của Einstein. Biết chỗ yếu của người, chắc đao diệt đã nghĩ làm sao dùng vấp cùng cái lăm ấy!

Diêm-Hồng còn nhỏ tuổi, nghe nịnh nọt, thì lấy làm sung sướng, moi ruột ra mà khoe. Và nói:

— Sur bá nói rất đúng! Cháu sẽ không giết hết 750 triệu dân Tàu đâu! Cháu sẽ búng gốc nước Tàu, ném tung ra ngoài quả đất. Khởi đất bị búng, sẽ biến thành một vệt tinh mới, chạy chung quanh quả đất cũng như mặt trăng. Vệt tinh mới này, cháu đặt tên là China, vì trên vệt tinh, chỉ có người Tàu ở!

Hồ-Hữu-Tường vừa thành thật khen, vừa đề nghị Diêm-Hồng, vỗ tay nói :

— Hay lắm! Hay lắm! Đao diệt quả là thiên tài!

Thompson, khi nghe Xích-Tử trình bày phép đổi trục quả đất, đã phục rồi, nay nghe Diêm-Hồng nói chuyện búng rễ nước Tàu mà quảng lên không trung thành vệt tinh, không khỏi buông lời khen :

— Ở xứ tôi, các nhà bác học thi đua nhau mà viết tiểu thuyết, một loại tiểu thuyết, gọi là tiểu thuyết «khoa học—dự tưởng» (science-fiction). Tiểu thuyết này bán rất chạy, người viết tiểu thuyết làm

giàu, mà các nhà xuất bản cũng làm giàu. Nhưng mà những dự tưởng của họ không có cái nào vĩ đại như của ông Xích-Tử và của đạo cô Diễm-Hồng.

Hồ-Hữu-Tường chen vô :

— Bấy lâu nay, tôi nói dóc nghe cũng khá khá. Nào dè đâu, trai có Xích-Tử, gái có Diễm-Hồng, nước tôi lại sản xuất những kỳ tài trong khoa nói dóc ! Ông phải biết, nhiều quyển tiểu thuyết khoa học dự tưởng cũ xưa, như của Jules Verne, bây giờ người ta đã thực hiện vượt qua khỏi rất xa rồi... Nhưng mà người phương Tây khó vượt qua nổi những cái ý như của Xích-Tử và của Diễm-Hồng. Bởi vì, tiểu thuyết của phương Tây dựa vào khoa học, còn ý của cậu cô này dựa vào đạo.

Thompson trào phúng nói :

— Tôi muốn bỏ nghề nghiên cứu sử. Bạn tôi, là ông, là người viết tiểu thuyết. Xích Tử và Diễm Hồng cho ý. Đủ thứ ý hết. Ý Út, Ý Thêm, Ý Dư, Ý Thừa. Ý Nữa, Ý Hết. Ý Còn. Mà lên sân khấu. có đào kép hay đã đành, nhưng cũng cho Hề xen vô để giễu, thì càng ăn khách hơn nữa ! Vậy nên, Ý Ngu, Ý Đại, Ý Khờ, Ý Khùng gì, ông cho cả vào, xào nấu lại, nêm chút nước mắm để cho có chút hương vị i nam, chúng ta lập một trường phái mới trong

văn chương quốc tế, gọi là trường phái của tiểu thuyết — đạo — dự tưởng (*roman-religion — fiction*) càng hấp dẫn, say mê hơn tiểu thuyết khoa học dự tưởng. Tôi sang làm nghề xuất bản. Tiểu thuyết dịch ra nhiều thứ tiếng, bán hàng triệu triệu cuốn. Các ông là người đạo, không cần tiền. Còn tôi theo cái văn minh kỹ sư, càng lời nhiều, tôi càng giàu thêm, các ông cho tôi hưởng hết càng tốt.

Diễm Hồng nghĩ rằng Thompson có ý châm biếm ý kiến của mình, nên bàu chữa :

— Tôi nói khoa học lắm, chớ nào phải như lắm ông khùng, mà kẻ mê tin càng điên hơn, tôn lên làm giáo chủ này nọ.

Hồ Hữu Tường chen vô giảng hòa nói :

— Ông Thompson khen thật tình, chớ không ý châm biếm đâu ! Nào, đạo diệt giải thích cái căn bản khoa học của cái ý của đạo diệt, cho ông nghe. Mình cũng đường đường là một đạo cô, là một giáo chủ của một đạo, mặc dầu chưa biết đã thâu nạp được bao nhiêu tin đồ, đạo diệt chớ nên đồ quạu, mà mất cả đạo khí.

Thompson, tuy đã dẫn khá rồi, song hãy chưa người giận, nói :

— Tôi sẵn sàng nghe lời giải thích khoa học. Xin đạo cô giảng cho tôi nghe do đâu mà đạo cô có cái ý búng rề nước Tàu mà quăng lên không trung.

— Tôi có cái ý nghĩ này khi đọc các sử gia nước tôi bàn về nguồn gốc dân tộc Việt. Họ nói dân Việt từ chỗ này chỗ kia mà di cư lại, mà chẳng một ai cắt nghĩa làm sao mà ở vùng Đông Nam Á, ở Nam Dương, ở rất nhiều hòn đảo ở Thái Bình Dương, ở dọc theo bờ biển ở Nam Mỹ Bắc Mỹ, có rất nhiều dấu vết của một cái văn minh chung mà ở đất Việt chúng tôi có nhiều đặc sắc hơn hết.

Thompson gật gù nói :

— Đứng về phương diện sử gia, tôi cũng công nhận có điều đó, mà không làm sao giải thích nổi. Chẳng lẽ có một cuộc di cư khổng lồ, dời một số rất đông người, từ Đông Nam Á đến các nước ấy mà lập quốc ? Năm bảy ngàn năm về trước, có cách gì mà vượt biển xa muôn trùng như từ Đông Nam Á sang qua Mỹ Châu, để di cư số người đông đảo như thế ? Theo đạo cô, thì làm sao ?

Diêm Hồng ngồi xếp bằng theo lối kiết già, một tay đặt lên bàn chơn, một tay sè đề ngay và đứng trước ngực, có vẻ thuyết pháp lắm, nói :

Du
sar
cái
đến
đại
hoà
bướ
đầu
nha
này,
biết
thì g
tâm
nơi l
màu,
hiếu
rề cá

— Trước thời ông Noe, ở vùng nay là Thái Bình Dương, có một đại lục, đất nổi từ Đông Nam Á sang đến Mỹ Châu bây giờ. Trên đại lục ấy, có một cái văn minh, tràn lan khắp, tuy từ địa phương này đến địa phương kia có tiểu dị, song có chung chỗ đại đồng, là văn minh sớm hơn tất cả các nơi trên hoàn vũ. Lúc ấy, là thời trung nguyên sắp dứt, sắp bước qua thời hạ nguyên, tức là nguyên của tranh đấu. Ở các nơi, loài người còn lạc hậu, có đánh nhau thì thoi, đá, cắn xé nhau thôi. Nhưng ở vùng này, thiên hạ đã chế ra được nhiều vũ khí lợi hại, biết tổ chức thành quân đội và khi đánh nhau, thì giết nhau hàng vạn. Thêm người vùng ấy sanh tâm kéo đi chinh phục cả thế giới, bắt người các nơi làm nô lệ cho mình.

Thompson xen vô nói :

— Như nước Tàu bây giờ chẳng hạn.

Diêm Hồng gật đầu nói tiếp :

— Thuở ấy có một nàng Tiên, có lắm phép mầu, song không tài nào khuyển can giống người hiếu chiến ấy. Nàng Tiên bèn nghĩ ra cách là búng rễ cái đại lục ấy mà ném ra ngoài không trung...

— Như bây giờ đạo cô chủ trương...

— Phải ! Đất ở vùng ấy bị búng, ném ra ngoài không trung, vùng ấy như là bị đào, biến thành đại dương. Một vài nơi còn sót lại, thì là những hòn đảo, trên ấy loài người còn giữ nhiều dấu vết của văn minh cũ. Ở ven bể, bên Nam Mỹ, ở Đông Nam Á cũng vậy.

— Do đó, mới hiểu vì sao ở các nơi ấy có nhiều chỗ giống nhau.

— Cuộc búng rã này lay chuyển cả quả đất, làm cho trục trái đất dời đi. Trước kia, không biết trục ấy xỏ ngang đâu, mà vùng Tây-Bá-Lợi-Á bây giờ lại ở vào vùng nhiệt đới. Thành linh, dời về chỗ bây giờ, lập tức giá lạnh đến phủ lên, chôn vùi bao nhiêu con mammoth dưới tuyết.

Thompson gật đầu cho là đúng. Diêm-Hồng nói tiếp :

— Việc búng rã địa lục to rộng này làm méo mó cả quả đất. Chỗ kia trước là thấp, bây giờ nhô lên quá cao, như Hy-Mã-Lạp-Sơn và Tây-Tạng. Chỗ nọ trước là cao, lại sụp xuống thấp. Và cuộc búng rã này làm xao động nước biển quá độ. Những đợt sóng khổng lồ, tạo cái hiện trạng hồng thủy, như Kinh Thánh chép về việc ông Noe thả bè, như các sách ở Tàu còn chép.

Thompson khen :

— Thuyết của đạo cô hay lắm ! Còn đất bị búng và bị quăng lên không trung đó, về sau biến ra cách nào ?

— Do luật của vật lý vũ trụ chi phối, mà nó bị vò tròn lại, như tất cả các vì tinh tú, và biến ra thành Mặt Trăng, bây giờ hãy còn và vẫn chạy chung quanh Trái Đất.

— Còn loài người ở trên ấy ?

— Họ vẫn bị luật tranh đấu chi phối, lên cung trăng rồi, mà chẳng biết thương yêu nhau, cứ tiếp tục tranh đấu nhau. Và sau họ chế được một thứ khí giới vô cùng lợi hại, tung lên, giết tất cả sự sống trên Mặt Trăng, làm cho vệ tinh này, từ ấy đến bây giờ, hóa ra hoang vu, không có thú, không có cây chi sanh nổi.

Thompson gật đầu giây lâu nói :

— Mà lấy tinh năng không lồ nào để khi xưa búng nổi vùng đại lục nọ, bây giờ búng nổi nước Tàu ?

Diễm Hồng dường như lúng túng làm thinh. Hồ-Hữu-Tường thấy vậy, chen vào cứu. Và nói :

— Quê đà nói rõ : « *Hảo tương đoan sự cầu trường sự* ». Nên đem ra việc ngẩn mà cầu việc

dài. Việc dài ấy là làm sao có một tinh năng khổng lồ, để đủ dùng mà búng cả nước Tàu, mà ném tuốt ra không trung hầu biến nó thành một vệ tinh thứ hai.

Diêm-Hồng gật đầu đáp :

— Cần phải luyện để làm chủ được tinh năng của vũ trụ. Tiểu diệt đã để làm công phu để luyện...

— Đạo diệt khó đến kết quả ! Đó là trường sự. Mà theo lời quẻ, đạo diệt phải lấy đoán sự mà cầu mới được. Phải bắt con tép, móc vào lưới câu, mới câu được cá lớn !

Diêm-Hồng suy nghĩ rất lâu rồi hỏi :

— Chẳng hay sư bá dạy tiểu diệt nên làm sao ?

Hồ-Hữu-Tường đáp :

— Nói dạy, thì tôi đâu dám dạy. Tôi chỉ dựa theo lời quẻ mà cắt nghĩa. Lời quẻ dạy : « *Hưu thính bạng nhân thuyết thị phi* ». Đạo diệt đừng có nghe người bên cạnh nói phải trái chi cả. Đạo diệt thấy việc phải làm, thì đạo diệt cứ làm. Đạo diệt chớ nên kể đến dư luận chê khen chi cả.

Chủ chùa nãy giờ ngồi nghe, thấy Hồ-Hữu-Tường nói hăng hái quá, bèn xen vào :

— Hồ đạo huynh dường như có quyền lợi gì thúc giục, nên nói vô một cách ráo riết quá.

Hồ-Hữu-Tường đáp :

— Phải hiện nay Lê-Xích-Tử mắc vào Tru tiên trận, bị giam mãi trong bình định. Chỉ có đạo diệt đây có thể đóng ấn nguyên hung mà cứu ra. Tôi cần cứu nó ra, để cho nó « *toang mở Hồng Môn thâu xích bạch, đắp xây Minh Đạo định âu ca* ».

— Nếu muốn cứu nó ra, thì đệ tử của bản đạo nên làm gì ?

— Phải làm đoản sự, mà chẳng cần đếm xỉa chi đến lời thị phi cả.

— Chẳng hay đoản sự là cái chi ?

— Xích-Tử đã viết trong thơ đó. Vậy đạo diệt đưa thơ cho sư mẫu xem.

Diêm-Hồng lấy bức thơ trao cho thầy xem. Chủ chùa đọc xong, cười đáp :

— Đây chỉ là bức thơ o mèò, mà nhè nhằm nơi người đã bước vào cửa thiền, để kéo người ta ra đời hầu ngụp lặn trong biển trầm luân.

— Nhưng có thể xem đó là một cái thơ hỏi ý. Nếu đạo diệt bằng lòng, thì tôi sẽ đứng làm chủ

lễ của bên trai, mà nạp lễ sinh. Khi lễ sinh nạp xong, thì Xích-Tử vi như Tiết-Đinh-San bị mắc vào trận dũ, còn Diễm-Hồng đóng vai Phàn-Lê-Huê mà phá trận Tru tiên, cứu chồng ra mà cùng nhau luyện đạo.

— Lại có việc vợ chồng luyện đạo chung nhau à ?

Hồ-Hữu-Tường đáp :

— Phạm luyện phép nhỏ, thì độc một mình, bãng vào nội lực, hoặc thuần âm khi nào là nữ đạo sĩ luyện đạo, hoặc là thuần dương khi nào là nam đạo sĩ luyện đạo, đạo sĩ có thể luyện nội. Luyện như vậy thì chỉ luyện bửu bối bỏ túi, như các truyện thương tả. Nhưng khi nào cần luyện cái chi cho vĩ đại, thì phải vận dụng cả âm lẫn dương, như trong thơ Xích-Tử đã nói.

Diễm-Hồng nghe nói ngạc nhiên hỏi :

— Trong thơ nào có hề thấy chút nào về diễm ấy ?

Hồ-Hữu-Tường cười đáp :

— Đâu có thể nói trắng trợn được. Nhưng mà câu thứ ba đoạn mượn là rõ lắm rồi :

« Âm dương đâu thoát khỏi vòng ? »

— Đó chỉ là một câu sáo để tuyên truyền, hầu chinh phục tim non của thiếu nữ mà.

Hồ-Hữu-Tường cười hả hả đáp :

— Đạo diệt chớ nên xem đó chỉ là một câu sáo. Nó là một chơn lý bất diệt.

Diễm Hồng hỏi :

— Xin sư bá chứng minh vì sao đó là một chơn lý vượt được vô thường, mà trở nên bất diệt.

Muốn biết Hồ-Hữu-Tường trả lời làm sao, xin xem đến hồi sau phân giải.

HỒI THỨ MƯỜI HAI

Bị chỉ thị, Ý-Thừa giải nghệ.

Nhờ hôn nhân, Xích-Tử còn chơi.

Đến đây, người kể chuyện, là Ý-Thừa, xin đọc giả vài phút để phân trần đôi điều. Số là khi chép chuyện đại náo Hoa-kỳ tới đây, thì thỉnh linh có một người đàn bà tìm đến nhà, chưa kịp cắt nghĩa chi cả, vội vàng tuyên bố :

— Ông Ý-Thừa à ? Truyện của ông kéo dài lê thê quá !

— Thừa bà, đúng như lời bà nói. Khi nào mà thủ đô của nước Việt chưa thiên đến nơi phước địa, mà chẳng ai khuấy rối một cách cố tình vẫn cứ bị náo hoải, khi nào Ý-Thừa này chưa chết, hãy còn ráng mà ngồi viết nời, và khi nào tờ *Hòa Đông* còn ra mắt đọc giả mỗi tuần, thì thiếu chi

việc hóm hỉnh xảy ra, chỉ có chịu khó mà chép lại. Nào phải chuyện của tôi dài lê thê ! Chính là sự sống nó kéo dài, miên trường, vô lượng thọ, như Phật A-Di-Đà.

— Không thể được nữa ! Phải chấm dứt !

— Xin lỗi bà, bà là ai, mà có giọng chỉ huy của một vị đại tướng quá vậy ?

— Trong gia đình, tôi là vợ của HỒ-HỮU-TƯỜNG. Ngoài xã hội, tôi là giám đốc nhà xuất bản Huệ Minh. Vậy là người tôi có hai. Phân thân ra mà nói chuyện cho dễ hiểu. Trước hết tôi lấy những lý lẽ thuộc về công mà nói. Kinh nghiệm của nhà xuất bản trù lên ý kiến của nhà văn. Một đồng nghiệp của tôi, là bà BÚT TRÀ, nghề là làm báo, song cũng là một thứ xuất bản nữa, bao giờ cũng ban chỉ thị cho đám văn sĩ lãnh lương của bà. Hễ các vị này nghe theo chỉ thị, thì tiểu thuyết rất ăn khách. Hễ các vị này cưỡng lại, bị nghe lý thuyết mà phản đối thứ « văn chương chỉ thị », thì không bao lâu, hóa ra thứ nhà văn không độc giả...

— Như vậy, nghĩa là bà tìm đến nhà ban chỉ thị cho tôi phải không ?

— Đúng như vậy. Tôi tìm ông từ bốn tháng nay, mà ông thơ ký tòa soạn, bà con với ông, là NGU-Ý, giấu nhà ông mãi !

— Xin lỗi bà, Ý tôi là ý... dài Ý kia là ý... ngắn. Chúng tôi không bà con chi cả. Còn chống đối nhau là khác nữa ! Bà chẳng thấy, ngoài cái dài ngắn khác nhau đề cùng chỉ một thứ, chúng tôi còn đối lập ở chỗ : ý tôi đứng trước chữ *thừa* là ý *tối... cao*, ý trên... đầu còn ý của anh bạn kia đứng sau chữ *ngu*, là ý dưới... đuôi, ý *tối... thấp* ! Nhưng chúng ta hãy trở về đề. Bà tìm tôi đề chi ?

— Đề nhắc cho ông nhớ lại lời của Tào.Tháo đã nói đến Lưu-Bị, khi định nghĩa anh hùng. Kẻ anh hùng, theo Tào.Tháo, là kẻ « hông ôm chí lớn, bụng chứa mưu hay, gói ghém then máy của vũ trụ, hit phà hơi thở của trời đất ». Mượn anh hùng đời xưa, đề luận văn sĩ đời nay. Văn sĩ đời nay, muốn thành công, nào phải cần đến bốn điều to tát như vậy ? Văn sĩ đời nay chỉ cần có hai điều thôi. Một là thông thạo những khúc mắc của nghề xuất bản...

— Nghĩa là sao ?

— Nghĩa là, hiện nay, đọc giả nghèo lắm ! Bộ *Thuốc Trường sanh* của tôi xuất bản, đánh giá 165 đồng, bày ở tủ sách, thiên hạ qua lại nhìn lại nhìn qua, mà chẳng dám móc tiền ra mua. Trái lại sách mỏng lỏi 20 đồng một quyển, thì bán chạy lắm. Đọc giả hết tiền rồi, ông viết kéo dài.

hoài, ma nó dùng tiền giấy ma mua sách của ông, chờ người bòn tro dãi trấu mà kiếm từ đồng, ai mua tiểu thuyết dài lê thê của ông nổi. Vậy ông phải biết những khúc mắc của nghề xuất bản, gọi là nhà văn biết «khế cơ», mà chấm dứt tiểu thuyết của ông đi.

— Còn hai là ?

— Hai là ông phải hít phà hơi thở của độc giả. Độc giả không thích văn ông đâu. Người ta đọc ông, để xem ông có đá động gì đến người ta không. Ông cũng biết thế nên ông không đá động đến ai, ông sợ người ta đổ quau, rồi người thì xô chữ Nho ra cả dọc, kẻ thì đọc tiếng La-Tinh cả xâu. Rồi ông nhè ở nhà tôi mà ông chằm biếm mãi ở đây, tôi đã bắc cầu đề sang từ những lý lẽ thuộc về công, mà bước qua những lý lẽ thuộc về tư. Ở nhà tôi vào một tình thế mà ai chửi mắng thậm tệ thế nào cũng phải im miệng mà nhin, ai xuyên tạc sai lạc thế nào cũng phải nhắm mắt để đừng thấy, ai xoi bói cách gì cũng bịt tai chẳng nghe. Im miệng, nhắm mắt, bịt tai, như ba con khỉ Nhứt-Bồn đấy ! Nhưng ông lại oái oăm, nhè ngay trong tờ báo *Hòa Đồng* là tờ báo độc... nhứt mà ở nhà tôi đọc, ông đăng những lời

châm hiểm của ông. Hai nhà tôi luôn luôn ngủ không được.

— Thì bà tìm thầy hay mà hốt thuốc cho ông ấy uống !

— Nguy là chỗ ấy ! Dòng bên ngoại tôi mấy mươi đời làm thuốc, ông thân tôi làm thuốc, tôi cũng biết chút ít. Bệnh ngủ không được ở nhà tôi, thuộc về tim và về huyết. Muốn trị chỉ cần độc có món quế. Uống quế Quảng công hiệu chẳng bao nhiêu, mà đã hao tổn quá sức rồi. Còn quế Thanh, Cọng sản chở sang Hồng-Kong mà bán, ta phải có ngoại tệ để mua, nên giá mắc như vàng.

— Bà yêu chồng, thì bà phải hy sinh mà mua cho chồng dùng.

— Đã đành. Nhưng ông làm chẳng ra một ten, mà mỗi ngày đều trường phục quế Thanh, nên tôi sạt nghiệp.

— Như vậy sự hy sinh của bà mới đáng qui chứ !

— Khốn nỗi, từ hồi nào tới bây giờ, chưa ai trường phục quế Thanh, nên không ai có kinh nghiệm. Còn ở nhà tôi trường phục quế Thanh

mười sáu tháng nay, giúp cho tôi thấy một tánh của thuốc ấy, mà sách không chép.

— Là sao ?

— Là vào tuổi già mà trường phục quế Thanh, thì huyết cầu 35 tăng lên.

— Thì càng hay chớ sao ? Nhà văn Goethe tám mươi tuổi mà còn si tình với một cô còn nhỏ xiu. Anatole France lụm cùm, cũng chẳng chịu thua. Biết đâu, đó là bí quyết để trở nên văn hào ?

— Không thể được ! Không thể được ! Ông biết, tôi ghen có sách. Dễ đâu để cho các cô mặt hoa da phấn đến gần nhà tôi được ? Chỉ có một cách, là ông đừng chám biếm ở nhà tôi nữa. Tim không bị kích động, khỏi cần dùng quế Thanh mà uống mỗi ngày, tất nhiên huyết cầu 35 ở nhà tôi trở nên sụt xuống. Tôi khỏi phải ghen.

— Còn áng văn chương của tôi ? Từ bao giờ tôi chưa sáng tác, nay mới lần đầu, hà không cho tôi nói hết ý. Xích-Tử chưa làm gì cả, mới kẹt trong hang đá, rồi kẹt trong bình đình. Hai mươi tám nàng ở Tây-Đô vẫn phái chỉ mới giáo đầu. Chưa có nhân vật nào hát đủ vai trò của mình.

— Tôi không cần biết. Đây là một chỉ thị ! Ông không vâng theo, thì phải biết tôi ! Mỗ-Làng-

Văn công kích người một vài câu, mà mấy lượt ra tòa. Ông viết tháng này qua tháng kia để phỉ bàng chồng tôi, tôi sẽ kiện ông. Hơn nữa ! Hồi nhỏ, tôi có đi hoạt động, tuyên truyền, tổ chức. Tôi sẽ tổ chức một, hai, ba... hàng ngàn cuộc biểu tình, để cho quần chúng đến trước nhà ông mà đá đảo ông.

Đường đường một vị thủ tướng, thêm năm quân lực trong tay, mà trong vụ hiến chương Vũng-Tàu, ông Khánh còn sợ quần chúng biểu tình, đá đảo, huống chi tên văn sĩ quèn, là Ý-Thừa này, lại dám cãi sao ? Đành chịu thua vậy. Ý-Thừa van xin :

— Tôi xin vâng chỉ thị ! Nhưng mà sự nghiệp văn chương của tôi chỉ có quyền tiểu thuyết này. Vậy xin bà cho tôi viết hồi thứ mười hai, để kết thúc thế nào cho cô vẽ « *náo Sài-Gòn* » một tí ! Rồi tôi sẽ dọn nhà đi mất, trốn luôn trốn biệt làng vắng, dầu Mõ-Làng có kêu gọi thế nào cũng im.

Thấy Ý-Thừa van lơn, bà giám đốc nhà xuất bản Huệ-Minh xiêu lòng. .



Đây nói về Hồ-Hữu-Tường, khi nghe Diễm-Hồng hỏi như vậy, thì đáp rằng :

— Việc đơn giản hơn hết là sáng tác một đũa con, mà còn phải có sự phối hợp của âm dương. Huống chi việc luyện nội lực của mình để có thể chinh phục năng lực của võ trụ, là việc to tát hết sức ?

Diễm-Hồng đáp :

— Sư bá là nhà khoa học, lẽ nào lại tin nơi thuyết siêu hình là thuyết âm dương do Hoàng-Đế để lại ?

Hồ-Hữu-Tường vội vã đính chánh :

— Đạo diệt chớ lầm cho rằng thuyết âm dương là thuyết của Hoàng-Đế, hay nói xa hơn nữa là thuyết của Phục-Hi. Bất cứ thần thoại của bất cứ dân tộc nào, thấy đều bẻ vào cái ý thức « nhất nguyên », do nơi một nhà sanh ra hai, rồi do đó mà hóa thành vạn vật. Riêng có tổ tiên ta bẻ vào ý thức « nhị nguyên » cho rằng tổ tiên mình không phải do một mà ra, lại do nơi hai. Hai này, là Rõng, là Tiên, là dương, là âm... Đến nay, khoa học tối tân lại chứng minh một cách quyết định cái « nhị nguyên » ấy. Về thể chất thì có vật chất và kháng vật chất (*matière* và *anti.matière*). Về cơ cấu thì liên tục như thuyết của Einstein và gián đoạn như thuyết

của Planck. Chấp vật không, đạo diệt không làm sao luyện đủ vũ trụ lực để mà, hoặc thay đổi trục của trái đất, hoặc búng cả nước Tàu mà ném lên không trung để biến thành cái vệ tinh China. Mà chỉ chấp độc cái kháng vật chất, cũng không tài nào làm nổi.

— Như vậy, sư bất kết luận thế nào?

— Bần đạo kết luận rằng đạo diệt phải ưng thẳng Xích-Tử, bằng lòng làm vợ nó, để cho có đủ âm dương, có đủ vật chất và kháng chất, có đủ liên tục theo quan niệm của Einstein và gián đoạn theo quan niệm của Planck. Đó là làm theo công việc đại hòa đồng của tờ báo HÒA ĐỒNG chủ trương. Như vậy mới « phục hưng » một giá trị to tát của Đông-Phương là việc luyện bửu bối.

Diễm-Hồng suy nghĩ rất lâu, rồi nói :

— Thiên hạ cười chết ! Họ cười rằng một đạo cô, một nữ giáo chủ mà luyện tiếc hồng trần, rời tu viện của mình, bỏ xuất gia mà đi xuất giá.

Hồ-Hữu-Tường cười hả hả nói :

— Quê đã căn dặn : « Hữu thích bàng nhân thuyết thị phi, » Đạo diệt chớ nên kể lời của bàng nhân chê cười, họ thuyết thị phi ấy. Đạo diệt lấy

chồng, nào phải do đi xem xi-nê, thấy đào kếp hôn nhau giựt gân rồi gân giựt mà « thờ dài », như nhà văn Túy-Hồng đã tả, làm cho mẹ cha thương hại mà tìm chồng cho. Đạo diệt lấy chồng, nào phải do độc thứ văn chương ma túy, thác loạn, rồi chịu không nổi, phải « than vãn », để cho nữ sĩ thương hại mà viết thêm một tập truyện ngắn nữa để an ủi. Đạo diệt lấy chồng đây, là vi mục đích cao cả. Hiện nay 750 triệu dân Trung-Hoa hiếu chiến, để họ ở chung đụng với toàn thể loài người, chỉ cho khỏi họ gây ra tai vạ. Vì sự trường tồn của nhân loại, đạo diệt « đày » họ lên không trung mà cho họ sống một mình ở trên ấy...

Diêm-Hồng cười đáp :

— Hình như sư bá dùng luận điệu của Ngô-Đình-Diệm đối với sư bá. Năm 1955, sư bá là đối lập chính trị nguy hiểm cho Diệm nên Diệm gài cái thế cho sư bá kẹt bên Bình-Xuyên. Ban đầu, Diệm muốn chặt cổ sư bá, không khác nào Xích-Tử muốn chôn sống 750 triệu dân Tàu dưới tuyết. Nhưng mà, việc ấy trái với đạo lý. Dư luận thế giới và trong xứ không cho Diệm giết sư bá. Diệm bèn « đày » sư bá ra Côn-Sơn. Bây giờ sư bá muốn cho cháu « đày » 750 dân Tàu lên không trung...

— Khác ! Khác lắm ! Đạo diệt mà búng rể nước Tàu, ném lên không trung, không có nghĩa là bắn đạo dày dân Tàu. Ấy là bắn đạo nhờ vợ chồng cháu giúp bắn đạo thực hiện cái đại mộng của các tôn giáo.

— Xin lỗi sư bá, nhờ sư bá giải cho tiểu diệt hiểu điếm ấy !

Hồ-Hữu-Tường thấy thẳng được một điếm, lấy làm hãnh diện. Mặc dầu đã già kinh nghiệm, thường giấu sự vui, buồn, giận, tức của mình được, song lần này không thể nén được nỗi vui. Bèn đáp :

— Từ ngàn xưa, các tôn giáo đều dạy rằng ở đâu đó trên « trời », có một chỗ mà được loài người mơ ước. Gọi là Thiên đàng, Bồng lai, gọi là Tây-Phương, song thấy thấy đều cùng chung một ý. Ý ấy, không phải ý thừa, hay ý ngu. Ý ấy là ý chung, Ý chung cho rằng có miền cực lạc ở ngoài cõi trần này, và mục đích của tất cả tôn giáo là độ người tu hành đến miền cực lạc ấy. Thế mà, để chống đối lại cái ý chung của tất cả tôn giáo, lại có ý riêng của chủ nghĩa Mác-Lê, của đạo Cộng sản. Ý ấy cho rằng Thiên đàng, Bồng lai, Tiên cảnh, Tây-Phương... thấy đều

không có. Bần đạo, từ khi thoát khỏi chủ nghĩa Mác-Lê, bần đạo nuôi cái ý, gọi là ý nuôi, là đánh một chuồng thật độc địa vào chủ nghĩa Mác — Lê chơi.

— Thưa sư bá, chường ấy ra thế nào ?

— Có gì đâu ? Bần đạo nhờ vợ chồng cháu...

— Sư bá nói như là cháu đã ưng xuất giá và làm đám cưới xong rồi...

— Xin lỗi đạo diệt, đó là cái tật của nhà khoa học. Muốn suy luận ra ngoài cái vòm của hiểu biết của mình, thì nhà khoa học lập một giả thiết, rồi tập trung năng khiếu mà nghiên cứu cái giả thiết ấy. Bây giờ bần đạo lập một cái giả thiết, Ấy là Xích-Tử cưới cháu xong. Rồi hai vợ chồng luyện âm dương, luyện liên tục và gián đoạn, luyện vật chất và kháng vật chất. Hai vợ chồng cháu chế ngự được võ trụ lực mà búng rên nước Tàu, ném tung lên không trung. Ấy là, nếu Cộng sản nhận chế độ của Mao-Trạch-Đông là mục đích phải theo là xã hội Cộng sản, tức là bần đạo chứng minh một cách thiết thực, cụ thể, khoa học, duy vật, cái ý chung của các tôn giáo, là có một miền « cực lạc ở ngoài cõi trần » này.

Ấy là bản đạo đã chứng minh rằng tất cả tôn giáo thầy đều trúng, chỉ có cái tôn giáo Cộng sản là sai...

Thompson đề ý thấy chủ nhà vừa nhai tràu nhóp mép, vừa cười tủm tỉm, có vẻ bằng lòng lắm. Tin chắc rằng mình sẽ được ăn một bữa cưới kỳ dị lắm, là đàn trai đến cổng chùa chờ đón cô dâu thoát y phục của đạo cô, lay Phật, lay thầy, bỏ chữ xuất gia mà đi vào đường xuất giá. Dừng không được, Thompson vỗ tay khen :

— Tôi đi khắp đó đây, đọc hầu hết các sách mà thiên hạ đã cho in ra để bác chủ nghĩa Mác — Lê, thú thật là chưa từng gặp lập luận nào mà vững chắc, khoa học, duy vật hơn lập luận của ông bạn.

Hồ-Hữu-Tường nghe khen, quên hết khiếm tốn trở giọng khoe khoan, nói :

— Đó mới chỉ chứng minh rằng chủ nghĩa Mác — Lê sai, đứng về phương diện triết học. Nhưng mà, ông bạn xem. Vệ tinh China lên không trung, sống một mình, ấy là thực thi rất trung thực đường lối của Staline là « kiến thiết xã hội chủ nghĩa trong một xứ ên ».

Lên ấy, hoàn cảnh đổi, thiếu điều kiện, dân Tàu sẽ càng ngày, càng nghèo thêm, càng khổ cực thêm. Ấy là tôi chứng minh là chủ nghĩa tập thể của Marx — Lénine — Staline sai về phương diện kinh tế.

Thompson khen :

— Hay lắm ! Hay lắm !

Hồ-Hữu-Tường được trợn, mất cả khiêm nhượng, càng gáy thêm :

— Rồi, bần cùng sanh đạo tặc. Thiếu ăn, thiếu mặc, trên vệ tinh China, dân Tàu sẽ xâu xé nhau, chém giết nhau để giành miếng ăn, cái mặc. Té ra, xã hội Cộng sản không dẫn đến sự thủ tiêu giai cấp như Marx tiên đoán. Cái xã hội trên vệ tinh China sẽ là bãi chiến trường của một cuộc giai cấp đấu tranh chưa hề có trên quả địa cầu. Trong cuộc tranh đấu này, người của vệ tinh sẽ tổ chức theo tiện nghi của ngôn ngữ, do đó mà sẽ không còn một nước Tàu thống nhất, lại có nhiều tiểu chư hầu nhỏ nhỏ, nhiều nước nhỏ nhỏ đánh lẫn nhau. Ấy là trên vệ tinh China, thời xuân Thu xưa, xưa, xưa sẽ lập lại. Ấy là tôi chứng minh rằng chủ nghĩa Mác — Lê sẽ thất bại về phương diện

chính trị, không tổ chức được chủ nghĩa đại đồng mà mở đầu cho một ngươn loạn ly. Bấy lâu nay, người ta lầm tưởng, tin rằng Văn hóa Cộng sản là đồng nghĩa với tiến bộ. Lên vệ tinh, người ta sẽ thấy dân Tàu thụt lui từ thế kỷ X X mà trở về loạn Xuân Thu, nghĩa là thối bộ đến hai mươi lăm thế kỷ.

Diễm Hồng nói :

— Thưa sư bá, sư bá nói hình như sư bá ghét Tàu lắm !

— Điều đó không đúng. Bản đạo ở tù chung với ông Trần Văn Ân, nghe ông bạn ấy thuật chuyện bên Tàu, tả cái đẹp lộng lẫy của các cô xầm ở Tô Châu. Hàng Châu, bản đạo tiếc hùi hụi.

— Sư bá tiếc chi ?

— Bản đạo tiếc rằng năm 1945, bản đạo không đi thẳng qua Tàu, tìm một nữ sĩ xầm ở Tô Châu hay Hàng Châu mà sống cái thú của Phạm Lãi cùng Tây Thi ngồi thuyền mà du ngoạn ở Ngũ Hồ, làm thơ, viết văn, nghe đờn, nghe hát... Ở lại Hà Nội làm chi, mà chịu khổ cho đến bây giờ ?

— Nhưng năm 1950, Mao Thạch Đông lên, để gì để cho sư bá sống ?

— Châu lăm đó ! Nếu năm 1950. Mao Trạch Đông thấy bần đạo cùng với một Tân Tây Thi mà ngâm thơ, vịnh nguyệt, thì Mao Trạch Đông biết bần đạo không còn « hung hoài đại chí », chỉ còn muốn làm một « Trường Lạc Phu Tử », thì dầu cho bần đạo có « phúc hữu lương mưu », lương mưu này có hại chi cho họ Mao ? Họ Mao còn truyền thêm mấy nàng tuyệt sắc giai nhân đến hầu hạ bần đạo, tổ chức đại tiệc mà đãi bần đạo, làm sao mà lo được rằng bần đạo còn « bao tàng vũ trụ chi cơ, thôn thổ thiên địa chi khí » ?

— Như vậy là sư bá thích xâm, mà ghét ba Tàu à ?

— Đó là cái chơn lý muôn thuở đó đạo diệt à ! Hồi đó có lăm nhà « cách mạng » chống thực dân, mà lại có vợ dâm. Bây giờ, bần đạo thấy có nhiều người, hễ mở miệng ra là « chống rau nướng, » mà vô phòng trà, nghe các ca sĩ cất giọng Hà Nội mà hát, thì mê tit thò lò. Bần đạo là người như ai, thì dầu bần đạo có ghét ba Tàu mà khoái xâm, thì chẳng qua là bần đạo cũng giống như thiên hạ.

— Ấy chết ! Mao Trạch Đông mà biết tánh sư bá như vậy, Mao Trạch Đông sẽ chọn ít cô xâm

tài sắc tuyệt trần cho vượt biên giới sang Hồng Kông cỡi Tàu bay đến Sài-Gòn. Mà thi hành công tác « định vận ».

Hồ-Hữu-Tường cười ha hả đáp :

— Bần đạo nào có sợ ? Hồi ở Paris bần đạo có đọc được quyển « *Hoa dinh cầm trận* » do một đạo sĩ trước tác để dạy vua nhà Minh một mình mà « cự địch » với tam cung lục viện. Nếu bây giờ Mao-Trạch-Đông gởi qua năm ba cô xâm tuyền ở Hàng-Châu Tô-Châu thì bần đạo sẽ nghiên cứu lại.

— Sư bá nghiên cứu chi ?

— Nếu họ ít, thì bần đạo nghe theo lời của thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương, bần đạo sẽ « dinh hao lập trận gấm, « siêu » cả bốn chân giường. Nhược bằng Mao-Trạch-Đông áp dụng chiến lược « biến người », nói cho đúng hơn là « biến xâm », thì bần đạo tuyên bố cầu đồng minh cứu.

— Đồng minh của sư bá là ai ?

— Đạo diệt sao thắc mắc điều ấy ? Đồng minh của bần đạo là mấy lão sồn sồn mà còn hảo ngọt, vào phòng trà để nhìn ca sĩ, để ngắm các trò thoát y vũ. Họ mà nghe bần đạo bị cái chiến lược « biến

xâm» của Mao-Trạch-Đông thì không cần bản đạo lên tiếng, họ cũng «tham chiến». Bấy lâu nay, viết văn, mà bản đạo không đủ tiền xài. Khi mà Mao-Trạch-Đông dùng chiến lược «biển xâm» để chống bản đạo, thì thật là một cơ hội, «ngàn năm một thuở» cho bản đạo. Những lão sồn sồn nào mà có nhiều huyết cầu 35, muốn tham chiến để ủng hộ bản đạo, bản đạo sẽ đòi họ viện trợ rất nhiều tiền. Khởi cực nhọc, thức khuya, dậy sớm để viết văn, mà rồi sách in ra, tìm không có đọc giả.

— Nghe nói nữ sư bá ghen lắm. Xâm qua đòng quá, nữ sư bá sẽ mè nheo cả ngày, sư bá chịu sao cho nổi?

Hồ-Hữu-Tường đắc ý, cười hả hả nói :

— Ghét của nào, trời trao của nấy. Tiện nội ghét triết học, trời cho bản đạo xướng ra cái «siêu triết học». Tiện nội ghét những thuyết nào có chữ lập, trời cho bản đạo xướng ra cái «siêu lập». Tiện nội ghen nên ghét việc chống có số đào hoa, trời mà xúi Mao-Trạch-Đông dùng chiến lược «biển xâm» để chống bản đạo, ấy là bản đạo có số «siêu đào hoa». Bá ghen mà mè nheo, là khi nào bản đạo đan díu với một vài cô thôi. Đàng này, là cả một «biển xâm», thì bà còn nước đi tu, chờ mè

nheo sao được? Đẻ bản đạo kết luận, đạo diệt hãy bằng lòng xuất giá đi, nhường chỗ lại cho nữ sư bá vào chùa mà tu thay cho.

Diễm-Hồng cười tủm tỉm đáp :

— Dễ gì mà nữ sư bá tu nổi, trong lúc mà ở ngoài đời, sư bá mắc phải cái trận «biển xâm», nói một cách khác là mắc «Hồng xâm trận». Xưa, để phá hồng thủy trận, Phàn-Lê-Huê phải hạ san, thì đời nay, để phá cái «hồng xâm trận» tất Huệ-Minh thánh mẫu phải lâm phạm, dùng cái bửu bối mà bác Nguyễn-Văn-Đỉnh đã vẽ hình đấng ở trang nhứt của báo *Chân Trời*, tức là cái chổi chà, thì họa may mới quét sạch chúng ma vương được.

— Đạo diệt quả là có tâm từ bi, nên không nghĩ đến thứ bửu bối mà có người hay dùng là tạt ác-xít vào các cò xâm, nên không nghĩ đến một thứ bửu bối lợi hại khác, mà người đồng họ với bản đạo, là cô Hồ-Thị-Quờn đã dùng, là tưới xăng mà đốt bản đạo, nên không nghĩ đến thứ bửu bối lợi hại hơn hết, mà một bạn của bản đạo, trong mười người có án tử hình, đã thú nhận là sợ hơn món bửu bối nào khác.

— Chẳng hay thứ bửu bối nào mà lợi hại dữ vậy ?

— Đạo diệt nếu bằng lòng ưng thẳng Xích-Tử, thì bần đạo vui lòng truyền món bửu ấy lại cho. Để khi nào «thẳng» mà tổ dẫu có huyết cầu 35 trong máu, thì đạo diệt đem ra mà trị. Chớ đạo diệt khur khur ôm chữ xuất gia mà chẳng thêm dẫu sắc vào, thì luyện bửu bối ấy để dùng vào chỗ nào ?

Diêm-Hồng suy nghĩ giây lâu nói :

— Bây giờ tiêu diệt bắt chước sư bá mà đặt cái giả thiết. Giả thuyết ấy là tiêu diệt bằng lòng thêm dẫu sắc mà rũi « thẳng » cũng có nhiều huyết cầu 35 thì ít nữa, tiêu diệt phải có bửu bối chi để trị chớ ! Tiêu diệt thú nhận rằng việc to lớn như vũ trụ, tiêu diệt nghĩ tới một cách dễ dàng còn để đối phó với cái tế vi là huyết cầu 35 thật chưa có phương sách chi cả. Chẳng lẽ đến chừng ấy tiêu diệt bắt chước nữ sư bá Huệ-Minh thánh mẫu mà xách chổi chà mà di rong khắp thành phố ? Vậy thì điều kiện cần và đủ nói theo Toán học là tiêu diệt phải nắm được cái bửu bối lợi hại nhưt để trị huyết cầu 35 thì tiêu diệt mới bằng lòng thêm dẫu sắc vào chữ xuất gia để lay thầy. Mà xuất giá.

Thompson cười tùm tùm nói :

— Tôi tưởng đâu các nữ tu sĩ rèn luyện lòng nhiều năm đã diệt được dục. Nào hay đâu không diệt được nỗi cái ghen !

HỒ-HỮU-TƯỜNG cười nói :

— Ghen không phải là một cái dục.

— Vậy nó là gì ?

— Lại siêu nữa !

— Siêu ở chỗ nào đâu ?

— Phải chiết tự mới thấy. Chữ *siêu* là chữ *lâu*, có nghĩa là chạy, hiệp với chữ *triệu*, có nghĩa là vờ lại. Khi một người đàn bà ghen thì trong lòng họ động viên đủ thứ dục cả. Muốn mình đẹp hơn tình địch nên hễ tình địch đẹp thì tạt ác xit vào mặt người ta. Muốn mình bảnh hơn tình địch nên vác chổi chà mà đập tình địch để làm nhục người ta ; nên muốn đánh lột quần, xé áo người ta. Muốn cho một mình mình sống nên rút súng lục mà bắn người ta. Muốn trừng phạt người chồng bội tín nên chế xăng mà đốt chồng. Phải chỉ chỉ một cái dục thôi thì còn có nước dùng tu luyện mà trấn tĩnh được. Đàng này chạy đi cho vờ lại một lượt đủ thứ dục cả, động viên tất cả cái dục tức là siêu dục thì phép tu luyện chưa làm sao trị nổi.

Thompson gật đầu. Hồ-Hữu-Tường mượn thế tấn công :

— Này đạo diệt nếu có điều kiện cần và đủ rồi, đạo diệt có bằng lòng thêm dấu sắc chăng ? Hay còn đòi chi nữa ?

— Thừa sự bá đủ rồi. Tiêu diệt chẳng màng trang sức tiền của chi cả. Tiêu diệt chỉ cần món bửu bối lợi hại ấy thôi.

Hồ-Hữu-Tường cười ha hả đáp :

— Tưởng cái gì chớ cái bửu bối ấy ở đâu cũng có bán và bán rất rẻ tiền. Không cần luyện sẵn cho mắc công. Khi hữu sự tiêu diệt chạy lại tiệm chạp phô xuất vài đồng bạc là có ngay.

Thompson nhìn bạn với vẻ ngạc nhiên dường như muốn hỏi. Họ Hồ thấy bà chủ chùa ngừng nhai trầu có ý đón nghe nên chậm chậm tuyên bố :

— Cái bửu bối ấy là lưỡi lam để dùng cạo râu. Hề « thẳng » mà lời thôi đạo diệt mua một lưỡi để bên giường, Thi « thẳng » không hề dám ngủ. Ngày này sang ngày kia mất ngủ « thẳng » sẽ hàng đầu.

Thompson hỏi :

— Cái lưỡi lam để bên giường có quyền lực gì mà kêu ma gọi quỷ cho đến làm cho phát sợ mà không dám ngủ ?

— Có gì là khó hiểu. Hễ mà « thẳng » thấy lưỡi lam « thẳng » đoán rằng nếu « thẳng » ngủ thì đạo diệt hạ thủ thiên mất cái của nợ của « thẳng » đi. Người ta چرا tay chặt chơn không sợ. Mà sợ bị thiên cái của quý. Hai chục năm nay bản đạo sống trong cái ám ảnh là nếu rủi mà lọt vào tay của mấy « chả » thì hành chánh sách lưỡi lam, thì đời của bản đạo chỉ còn bắt chước các nữ nhân vật của nhà văn Tuy Hồng mà « thở dài » rồi « than vắn » !

Diêm-Hồng suy nghĩ rất lâu không đáp. Chủ chùa thấy vậy hỏi :

— Sao con không trả lời cho dứt khoát để sư bá khỏi phải nhọc công chờ đợi.

— Bạch thầy, về nguyên tắc, đệ tử thấy thuận việc thêm dầu sắc. Nhưng đệ tử hãy còn thắc mắc đòi điều.

— Con thắc mắc điều chi con hãy nói cho sư bá nghe mà giải quyết giùm cho.

Diêm-Hồng ngần ngại một chập rồi đáp :

— Trước hết là vấn đề môn đương hộ đối. Con đường đường cũng là một giáo chủ. Còn Xích-Tử chẳng có địa vị nào trong xã hội cả. Thế làm sao cho xứng ?

Hồ-Hữu-Tường vui mừng ra mặt nói :

— Tường là cái gì chớ việc môn đương hộ đối thì giải quyết rất dễ và rất có lợi. Bấy lâu nay thiên hạ cho bần đạo là ông tổ nói dóc là giáo chủ của cái «đạo gáy», của cái Minh Đạo chữ *minh* ở đây là chữ *khẩu* nằm bên chữ *điều*. Bây giờ bần đạo long trọng tuyên bố thoái vị như năm 1945 Bảo-Đại đã đứng trước Ngọ môn mà đọc lời thoái vị. Làm như vậy họ Hồ này trở về hàng ngũ của thường dân hết làm giáo chủ của đạo nói dóc. Chức giáo chủ này họ Hồ tôi nhường lại cho thằng Xích-Tử nó sẽ đường đường là một giáo chủ chừng ấy giáo chủ cưới giáo chủ thì môn đương hộ đối lắm !

— Nhưng mà Xích-Tử bị kẹt trong «Tru liên trận»...

Thompson tuyên bố :

— Điều ấy không sao. Nếu Ngũ giác dài tin rằng hai giáo chủ sẽ hiệp âm dương để luyện vũ trụ lực hầu búng rể nước Tàu mà ném tung lên

không trung cho thành ra vệ tinh China thì Ngũ giác đài đầu có lý do gì mà cầm Xích-Tử trong Tru tiên trận nữa. Tôi đảm bảo làm một bản phúc trình đầy đủ để biện hộ cho việc thả Xích-Tử ra mà cưới vợ.

Diêm-Hồng còn băn khoăn rất lâu rồi nói :

— Tiều diệt còn vấn đề tâm tình. Là, nhưn danh là giáo chủ của Minh Đạo tiều diệt có thâu nạp hai mươi tám nàng để làm tông đồ. Nay tiều diệt thôi xuất gia mà xuất giá thì chẳng lòng nào mà bỏ hai mươi tám tông đồ của tiều diệt.

Hồ-Hữu-Tường cả cười đáp :

— Lại càng dễ giải quyết hơn nữa. Một khi Xích-Tử thoát khỏi Tru tiên trận thì trên báo Hòa Đồng sẽ có đăng một bài «câu đệ» do Xích-Tử tân giáo chủ của Minh Đạo ký tên. Ai là người thấy lười mình ngứa ngáy muốn nói dóc thì đến mà thọ nghiệp. Xích-Tử sẽ chọn hai mươi tám chàng có thiên tài nói dóc phong cho làm hai mươi tám vị tông đồ cho cái «Minh Đạo». Rồi, trong đám cưới, hai mươi tám tông đồ của cái Minh Đạo đàn trai sẽ làm hai mươi tám chàng phù rể còn hai mươi tám tông đồ của cái Minh Đạo đàn gái sẽ làm hai mươi tám nàng phù dâu. Hỏi có đám cưới nào

long trọng bằng chẳng? Hỏi có đám cưới nào kỳ lạ là chàng trai đến chùa mà rước như thế chẳng? Hỏi đám cưới nào mà cả cô dâu và chú rể thấy đều giáo chủ chẳng? Chắc hẳn là thiên hạ sẽ đồn nhau, đến coi nườm nượp. Cả Sài-Gòn sẽ bị đại náo!

Thompson nói :

— Tôi sẽ điện về Hoa-Kỳ mời các hãng quay phim các trung tâm vô tuyến truyền hình sang qua mà sẵn những hình ảnh lạ kỳ gửi về bên ấy cho công chúng Hoa-Kỳ xem. Thật là kim cổ kỳ quan đó !

Nghe nói, Diễm-Hồng cũng say sưa vì cái viễn đồ có một đám cưới vĩ đại như thế, nên không ngăn lòng được và nói :

— Phải biết, một đám cưới giáo chủ cưới giáo chủ, mà gửi thiệp mời tôn giáo khắp hoàn cầu đến dự lễ và chúc câu loan phụng hòa minh, ắt có đủ hạng tu sĩ đến. Mỗi tu sĩ ăn mặc một cách, nào áo, nào mào, thầy thầy tân kỳ. Chưa chắc là lễ gia miện của nữ hoàng nước Anh lại nhiều màu sắc hơn được !

Hồ-Hữu-Tường đứng lại rất lâu. Rồi nói :

— Có điều làm cho họ HỒ tôi thắc mắc. Là theo tục lệ cổ truyền ta, hễ vừa rước dâu bước

khỏi nhà, thì phải đốt pháo. Chẳng lẽ hai vợ chồng cháu vào Chợ-Lớn mua pháo thường mà đốt? Như vậy, làm sao cho xứng đáng với cái danh giáo chủ của mình ?

Thompson nói lời, tiếp :

— Ủ ờ nhỉ ! Đúng lý ra, đạo cô Diễm-Hồng phải cho đốt một thứ pháo đặc biệt, dị thường, làm cho cả thế giới kinh phục kìa.

Diễm-Hồng suy nghĩ giây lâu, nói :

— Tiều diệt có một cách. Chẳng hay sư bá và sư gia có muốn nghe không ?

Thompson đáp :

— Tôi đang muốn biết một vài đề tài của loại tiều thuyết đạo dự tưởng. Đạo cô cho biết thì rất hay.

Diễm-Hồng nói :

— Theo đời sống mới, hễ đám cưới vừa xong, thì cô dâu chú rể dắt nhau lánh người quen thuộc mà đi du lịch để hưởng tuần trăng mật. Bây giờ, tiều diệt thế theo cái thói ấy. Tiều diệt sẽ cùng Xích-Tử đi tiêu diêu ra ngoài vũ trụ của Hoyle. Tiều diệt sẽ hóa mống, kéo luôn Xích-Tử mà bay đi như các tinh vân, càng xa bao nhiêu thì tốc

độ càng lên bấy nhiêu, lên cao cho đến đổi có tốc độ của ánh sáng, mà lọt ra ngoài vòm vũ trụ của Hoyle, mà cả hai vợ chồng biến ra thành kháng vật chất, mà hưởng tuần trăng mật trong cái multivers mà sư bá đã thị kiến. Tức là nhờ hóa mống mà đốt pháo thăng multivers đó.

Chủ chùa nghe nói, xen vào hỏi :

— Diễm-Hồng con, cứ sao con muốn bỏ thầy, bỏ cả cái vũ trụ này mà sang qua multivers vậy ?

— Chán lắm thầy ơi ! Buồn, nói dóc chơi, chỉ tốn trong tưởng tượng một chai la ve và hai tờ hủ tiêu, mà bộ biên tập *Chân Trời* đồ quạu, mắng chửi thậm tệ sư bá của con. Thì cái cõi trần này có gì là đáng sống ? Để cho vợ chồng con sang qua multivers mà sống trong cái thế kháng vật chất. Chẳng thèm búng nước Tàu mà ném tung lên không trung thành vệ tinh China mà làm gì ! Đợi mười năm nữa, cho các nhà bác học Tàu chế được khí giới bí mật, đe dọa cả nhân loại thì từ bên multivers, vợ chồng con nhìn xem ở quả địa cầu này các bác ấy đồ quạu với Mao-Trạch-Đông thế nào ?

Hồ-Hữu-Tường can Diễm Hồng mà nói :

— Bác bị mắng, mà bác không đồ quạu, cháu là người tu hành, đồ quạu mà làm chi, cho mất

hết tác phong của kẻ tu hành ? Bác đề nghị với vợ chồng cháu, bữa tiệc cưới, hai vợ chồng mời các bác ở bộ biên tập Chân Trời, ngồi bàn danh dự, hai vợ chồng cháu rót rượu mời các bác ấy và bác đến uống rượu giải hòa. Bác đây mà từ chối không uống rượu giải hòa, thì còn gì là tinh-thần hòa đồng các bác ấy mà còn quạu, thì hai vợ chồng cháu can gián như sau đây : « Các bác mắng bác Hồ-Hữu-Tường là dốt, có ăn thua chi với lời mà hai vợ chồng cháu đã chứng minh bằng a cộng với b, rằng Hồ-Hữu-Tường chỉ là học không thiệt ? »

Diễm-Hồng thưa :

— Lời bác dạy, cháu xin vâng. Nhưng bác Nguyễn-Văn-Đính có giận cháu, thì cháu cam nhận lãnh, song cháu phải nói. Khoa học của thế kỷ XX này đã chứng minh rằng trời không có chân, mà bác Đính cứ bảo thủ, để mãi cái chữ *Chân Trời* to tướng trên mặt báo con nít nó chế giễu hoài cháu chịu không nổi ; muốn bình cho bác mà cháu không tìm ra lời để biện hộ cho người khi ra tranh cử ở Bạc-Liêu được 92% cử tri bỏ thăm tin nhiệm nghĩa là trên toàn cõi Việt-Nam chẳng kém ai cả chỉ nhường Hồ-Chí-Minh có 1% mà thôi. Thà nói dốt như vợ chồng cháu ba hoa gì mặc kệ có sai thì đọc giả cười xóa rồi bỏ qua. Chớ nói với giọng nghiêm

nghe về đạo mạo thì bác Đính phải cân nhắc từ lời. Và bác ấy nên nạp đơn lên bộ Thông tin mà yêu cầu đổi tên của tờ báo lại. Khi được phép đổi tên bác nấu chè xôi nhắm cho vợ chồng cháu hay vợ chồng cháu đãi quan khách một chiều nói dóc cho xứng với tên Tiêu Phi-Lạc.

Hồ-Hữu-Trường cười rồi nói thêm :

— Việc ấy, bác lại can cháu nữa ! Bác Đính, hồi thuở còn đi học trường Nguyễn-Phan-Long, bác Đính đã có học xinh tả. Cái chưởng của cháu, về hai chữ *Chân Trời*, cháu đánh vào bác ấy, bác ấy có đau đớn gì mà phải nhượng bộ, đến đổi phải đến bộ Thông tin mà xin cải tên cho báo ? Đã biết rằng đánh bác ấy bác ấy không đau, mà cháu cứ đánh, ấy là cháu đã *bất trí*. Đã *bất trí*, mà cháu lại nhè người thân của mình là bác Đính mà cháu đánh, cháu đánh bác ấy là *bất nghĩa*. Nội có hai cái *bất trí* và *bất nghĩa*, mà bác Trần-Văn-Hương, năm 1955 làm đô trưởng Sài-Gòn, đã bằng vào mà viết một bức thư từ chức gửi cho Ngô-Đình-Diệm mà ai cũng khen. Hai vợ chồng cháu, trẻ hơn bác Hương đến năm mươi tuổi, lẽ nào chúng cháu lại thua bác Hương sao ?

Diễm-Hồng thưa :

— Vậy thì cháu xin rút lời lại, và nhờ bác chớ đi hơi cho cả hai bác Hương và bác Đình. Kẻo, già sanh tật, hay cau có, hai bác ấy giận mà chẳng đi ăn đám cưới của chúng cháu, thì đám cưới của chúng cháu làm sao mà xứng đáng với cái danh «đại náo Sài-Gòn» được ?

Kể chép truyện, chép đến đây, đếm trang, thấy ngam ngám là đủ hồi thứ mười hai. Vậy, mặc dầu câu chuyện hãy còn dài lắm lắm, song đã trót lỡ hứa với bà giám đốc nhà xuất bản là Huệ-Minh thánh mẫu, Ý-Thừa tôi xin bái độ giả mà gác bút, bỏ luôn làng văn và yêu cầu Mỗ-Làng-Văn tuyên bố rằng bắt đầu từ ngày nay, Ý-Thừa đã bỏ làng. Còn nếu có ai xen vào làng mà ký tên là Ý-Thừa, thì kẻ ấy mang tội thoán đoạt chẳng khác nào năm 1955, Ngô-Đình-Diệm đã thoán đoạt ngôi quốc trưởng của Bảo-Đại vậy !

Bái, bái, bái, và lại bái vĩnh biệt.

— HẾT —